



J. DOURNES, Đầu tóc Người Mạ (Blao, Lâm Đồng, 1950)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|-------------------------------|--------------|
| 1 Bên lề cuộc sống | Phong Quang |
| 4 Tin / Thời sự | |
| 9 Thư Hà Nội | N. S. P. |
| 10 Đọc Hobsbawm (II) | Nguyễn Quang |
| 13 Hồi ký về một Đại hội Đảng | Trần Độ |

văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|-------------------------------------|-----------------|
| 18 Đôi lời tâm sự | Nguyễn Dư |
| 19 Âm tiếng Việt và chính tả | Hà Dương Tuấn |
| 22 Màu xanh xưa | Văn Ngọc |
| 26 Tin học và sinh học hội tụ (III) | Hàn Thuỷ |
| 29 Cuộc hôn phối tung bừng (II) | Bùi Văn Nam Sơn |

Bên lề cuộc sống

Sau 12 ngày họp liên tiếp, Hội nghị 11B của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã kết thúc mà không đi tới một quyết định quan trọng nào khác là định được ngày khai mạc Đại hội toàn quốc lần thứ 9 : 19 tháng 4-2001.

[Quyết định nã, theo thông cáo ngày 24.03 : *khiển trách* bộ trưởng quốc phòng Phạm Văn Trà, tổng tham mưu trưởng Lê Văn Dũng, về “*trách nhiệm quản lý*”; “*cảnh cáo* về *chế độ trách nhiệm*” : tổng giám đốc Tổng công ty than Đào Văn Kiền, chủ nhiệm Uỷ ban dân tộc Hoàng Đức Nghi, chủ nhiệm Uỷ ban thể dục thể thao Hà Quang Dự, cả 5 người đều là uỷ viên trung ương, cấp bộ trưởng, tướng Trà còn là uỷ viên Bộ chính trị]

Như mọi người đều biết, theo một tập tục của thời chiến, kéo dài cho đến ngày nay, đại hội “chính thức” chỉ là phản trình diễn công khai, trước đó đã họp xong đại hội “trù bị”, bầu xong Ban chấp hành trung ương. Còn lại là phần, ở hậu trường, ban chấp hành mới bầu ra Tổng bí thư, Bộ chính trị, Ban thường vụ... trong khi ở ngoài sân khấu, kịch bản chính thức được đạo diễn cho ống kính TV quốc nội và quốc tế.

Ngày 8.04, Trung ương ĐCSVN còn phải họp hội nghị toàn thể một lần nữa vì các nhóm quyền lực chung quanh Bộ chính trị vẫn chưa thoả thuận được về “nhân sự” : việc chấm dứt nhiệm kì của ông tổng bí thư “tối nhất lịch sử đảng” đã được đa số thông qua, song còn cử ai thay thế, đáp ứng yêu cầu “ ổn định ” đang nổi cộm với tình hình Tây Nguyên và Tây Bắc, với những yếu tố dân tộc, tôn giáo xuất hiện, tăng thêm tính nghiêm trọng của vấn đề nông dân và đất đai đã hiển nhiên qua phong trào Thái Bình năm 1997 ?

“ Ai thắng ai ” trong cuộc tranh giành quyền lực này, rõ ràng đó chỉ là quan tâm của một bộ phận có quyền lực trong hàng ngũ đảng viên, của giới ngoại giao, kinh doanh và báo chí nước ngoài. Từ sau đại hội “đổi mới” năm 1986, các đại hội của ĐCSVN diễn ra trong sự thờ ơ “vô tư” của xã hội. Không thể khác, một khi mà “sự kiện chính trị trung tâm” này chỉ biết quẩn quanh trong bếp núc nội bộ, xa rời cuộc sống, lãnh cảm và bất lực trước những vấn đề lớn của dân tộc và xã hội.

Trong khi xã hội phải tự bươn chải, cuộc sống tự khai thông cho dòng chảy của mình trong một cảnh quan thế giới phức tạp, thì nhà nước - đảng tiếp tục sự từ nhiệm của mình trong những lãnh vực quyết định tương lai như giáo dục, y tế, xã hội... Trách nhiệm ấy của ĐCSVN về tương lai còn nặng gấp bội trách nhiệm của nó trong hiện tại. Tại hội trường Ba đình tháng 4 này, liệu có được một lời nói, một lời thỏi, phản ánh về những sự thật đau lòng ấy ?

Phong Quang

Nụ cười chú ngốc trong phim Bến không chồng

Có thể nói trước khi chú ngốc xuất hiện, nỗi đau của làng Đông là nỗi đau âm ỉ, ray rứt, nỗi đau lắng vào trong, đau về nỗi xa cách người thân, vì tin chiến trường từ đâu đó dội về... và làng Đông với bao nhiêu mối quan hệ con người chằng chịt trong **Bến không chồng**... thật ra vẫn bình yên.

Một đêm trong làng (bên cây đa, bến nước, bóng trăng..) trẻ con tụ tập nô đùa, tiếng cười giọng nói trong vắt, ngây thơ, các cô bé, cậu bé quê là hiện thân của chính niềm vui... bỗng dung Lưu Trọng Ninh cho chú ngốc xuất hiện trên vai các cô bé, chú ngốc với cái nhìn ngu ngơ và nụ cười ngờ nghênh. Lạ lùng, suốt cuốn phim hầu như đây là cảnh duy nhất tập trung nhiều trẻ con, cảnh duy nhất tập trung những cái đổi nghịch, những điều làm cho khán giả quên được nỗi buồn, đột nhiên, chính từ khoảnh khắc này, Lưu Trọng Ninh dùng nụ cười, và qua nụ cười chú ngốc báo hiệu và mở đầu cho bao nỗi tai ương. Nụ cười chú ngốc là một chấn động ấn tượng rất thành công. Từ đấy nỗi đau bùng vỡ dồn dập và tới rất nhanh, làng Đông thêm nước mắt, ánh mắt thêm ưu sầu, hình như nhiều gương mặt thêm vết nhăn.. và tiếng khóc, tiếng khóc. Thành bị thương từ mặt trận trở về, Cúc sợ hãi và khổ đau xoá lời ước hẹn, Dậu chạy qua Hạnh khóc và tiếc về nụ hôn bị chối từ (nụ hôn đầu tiên và cuối cùng) cho người ra trận. Hạnh và đứa con chưa ra đời. Mỗi tình bộ ba Vạn Hạnh Nhân. Tình ý giữa mụ Hon và Vạn... Bộ phim mở ra rất nhiều mối quan hệ và phân

Hãng DORIANE FILMS vừa phát hành băng hình VHS
cuốn phim

Những người thợ xe (Les coupeurs de bois)

của Vương Đức (nói tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp)
Giá bán : 149 F.

Có bán tại các cửa hàng FNAC (hoặc qua địa chỉ internet :
www.fnac.com)

Vở múa mới REQUIEM / NGUYỆN CẦU của đoàn Ea Sola

(do Ea Sola sáng tác, biên đạo, dựa trên bộ gõ và hò Huế)
sau khi ra mắt lần đầu tiên tại triển lãm Quốc tế
HANNOVER 2000

sẽ lưu diễn **mùa Xuân 2001** tại châu Âu :

STRASBOURG (*Le Maillon, 6-7 avril*)

BRUXELLES (*Palais des Beaux-Arts, 21 avril, có thể*)

ROTTERDAM (*Rotterdamse Schouwburg, 2-3 mai*)

AMSTERDAM (*Stadsschouwburg, 2-3 mai, có thể*)

PARIS (*Théâtre de la Ville, 9-10-11-12 mai*)

AMIENS (*Maison de la Culture, 15 mai*)

BERLIN (F. der Kontinente, *Hebbel Theater, 8-9-10 juin*)

Cũng trong mùa xuân 2001, vở múa **Voilà Voilà**
còn được trình diễn tại FOIX (Pháp) : 18 mai.

Ban đọc và Diễn Đàn

nào cũng kết được vài ba đỉnh cao có thành công, nhưng bỗng dựng lên quá nhiều ấn tượng là một nỗi băn khoăn, sao bộ phim như thiếu như thừa, cái mở ra nói không hết, cái tưởng như nói hết khán giả vẫn thấy tác giả (kịch bản và đạo diễn) nói chưa xong ??...

So với tiểu thuyết hình tượng nhân vật trong phim đẹp hơn, sâu, phức tạp và biến hoá hơn, và vì vậy cũng... con người hơn. Nhưng may thay nhờ có tiểu thuyết của Dương Hướng mà Lưu Trọng Ninh mới 7 năm thai nghén và để ra được một tác phẩm coi được. Rõ ràng là điều kiện làm phim Việt Nam cần những nỗ lực vượt bậc, phải chăng những nỗ lực đó cũng nằm trong những điều các tác giả Lưu Trọng Ninh, Phi Tiến Sơn phát biểu rất *unisono* (cùng một giọng) tại Berlin và làm nhiều người ngạc nhiên (hay không ngạc nhiên). Rằng : chúng tôi hoàn toàn tự do và có thể làm tất cả những điều chúng tôi muốn, may mắn là Việt Nam đã có nhiều đổi thay và tiến bộ.

Rõ ràng là với chợ phim như *Berlinale* thì với 8 phim VN (lần đầu tiên được giới thiệu nhiều và rất được công chúng FilmForum để ý) không gây chấn động gì đặc biệt, nhưng nói chung hình thức, đề tài, nội dung các phim... bổ sung lẫn nhau nên có lẽ đối với khán giả thường ngoan các biểu cảm từ phim VN là rất *sympatisch*/đạt cảm. Nhưng khi các ấn tượng đầu tiên qua rồi, ai cũng thấy nền điện ảnh VN còn quá sức yếu hèn. So sao được, nếu nói về tỉ số. Dân VN hàng chục triệu mỗi năm làm vài phim, trong khi người ta dân vài triệu làm hàng chục phim... Cách duy nhất khán giả có thể làm : tiếp tục hy vọng và chờ đợi ở các vị như Lưu Trọng Ninh, Phi Tiến Sơn, Nguyễn Thanh Vân... *Viel Glueck* (chúc được nhiều may mắn).

Lê Đông (Berlin, Đức)

Lý số

Trong mục tin ngắn số tháng 1.2001 có đoạn viết về xuất khẩu của Việt Nam như sau : “ Kim ngạch xuất khẩu năm 2000 của Việt Nam sẽ đạt 14 tỉ USD, con số chưa bao giờ đạt được, với mức tăng trưởng trên 20 %, cao gấp 3,5 lần tốc độ tăng trưởng GDP ”.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mông Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

Theo ý tôi, mức tăng trưởng của GDP mà DĐ nói tới là mức tăng trưởng được tính với giá cố định (nếu dùng giá hiện hành thì không có giá trị gì lầm).

Theo các tài liệu thống kê về kinh tế Việt Nam (Ngân hàng Thế giới, IMF, Tổng cục Thống kê Việt Nam), kim ngạch ngoại thương lúc nào cũng tính bằng USD hiện hành, trong khi đó GDP được tính bằng giá hiện hành và giá cố định. So sánh mức tăng trưởng của xuất khẩu theo giá hiện hành và mức tăng trưởng của GDP theo giá cố định thì “không đâu, không dưới”. Trong trường hợp kim ngạch xuất khẩu được tính theo giá cố định thì tôi rất mong được DĐ cho biết xuất xứ. Vì một khố tâm của người dùng thống kê của Việt Nam là không có số liệu của kim ngạch ngoại thương Việt Nam tính theo giá cố định.

L.V.C. (Paris, Pháp)

Chúng tôi đã đưa những con số này theo Thông tấn xã Việt Nam và ghi rõ nguồn tin : TTXVN ngày 19.12.2000.

Nếu xuất khẩu được tính theo giá hiện hành còn GDP theo giá cố định thì đúng là sự so sánh không phù hợp, vì sự biến đổi của giá hàng và hối suất sẽ làm cho việc so sánh trở thành khập khẽnh. Nói chung, những con số thống kê về Việt Nam đòi hỏi một sự dè dặt và cảnh giác thường xuyên. Tuy nhiên, trong chừng mực giá cả và tỉ suất hối đoái không có sự biến thiên lớn trong một năm, thì hệ số 3,5 nói trên cho ta một ý niệm khá rõ nét về hai tốc độ tăng trưởng, cho dù không thể dùng con số này làm tính toán kinh tế học.

Nhân đây, cũng xin nêu một thí dụ khác về độ chính xác của những bản tin TTXVN và một số báo xuất bản trong nước : vừa qua đăng tin ông Chu Tuấn Nhã, bộ trưởng Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trao tặng huân chương cho 4 nhà khoa học Pháp. Họ tên của cả bốn người đều viết sai chính tả. Tin này đã được đưa lên trang điện tử của báo Nhân Dân, cơ quan trung ương của ĐCSVN.

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Cụ Nguyễn Đức Vy

đã từ trần ngày 24.3.2001 tại Hương Thuỷ, Thừa Thiên, thọ 88 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng nhà văn Nguyễn Đức Xuân và toàn thể tang quyến.

thời đại số 5

đã phát hành đầu tháng 3-2001

với các bài của CAO HUY THUÂN, PHAN ĐÌNH DIỆU, LÊ ĐĂNG DOANH, Serge DEGALLAIX, TRẦN HAI HAC, HOÀNG NGỌC HIỀN, PHẠM LUÂN và NGUYỄN PHẠM HÙNG, LÂI VĂN HÙNG, NGUYỄN TÙNG và Nelly KROWOLSKI, CHƯƠNG THẬU

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC : Le Van Cuong
CERMSEM, Maison des sciences économiques
106 Bd de l'Hôpital, 75013 Paris, France.
Fax 33-1 44 07 83 01.

Giá biếu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6%).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada và Úc xin gửi money order 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum) đồng thời gửi photocopy phiếu chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bulletin de versement virement).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

TIN TỨC

Thái Lan - Việt Nam : tăng cường cộng tác

Hai tháng sau khi thắng cử, nội các vừa thành lập của tân thủ tướng Thái Lan Thaksin Shinawatra đã đáp lời kêu gọi của VN nhằm “tiếp tục chính sách phát triển các quan hệ hợp tác và hữu nghị giữa hai nước”. Ngày 7.3, chỉ một tuần lễ sau khi nhậm chức, tân ngoại trưởng Surakiart Sathirathai đã nhận lời mời đi thăm Việt Nam của ngoại trưởng Nguyễn Duy Niên. Đây là chuyến đi nước ngoài đầu tiên của ông với tư cách là ngoại trưởng Thái Lan. Theo người phát ngôn bộ ngoại giao Thái, quyết định này thể hiện ưu tiên hàng đầu về đối ngoại của chính phủ Thaksin Shinawatra là dành cho các nước láng giềng, trong đó có VN. Việt Nam cũng đồng thời là đương kim chủ tịch của ASEAN.

Trong cuộc hội đàm giữa hai ngoại trưởng ở Hà Nội, ông Surakiart đã đề nghị hai nước thiết lập những “đường dây liên lạc” mới, nhằm ngăn chặn những nhóm vũ trang chống VN sử dụng đất Thái làm cơ sở. Ông Surakiart khẳng định lại, chính sách của Thái Lan là không cho phép bất kỳ ai sử dụng lãnh thổ Thái để tấn công các nước láng giềng. Vấn đề này được đưa vào hội đàm vì VN đã tỏ ý quan tâm đến những thông tin về các nhóm đối lập vũ trang đang tăng cường hoạt động ở Thái. Về trường hợp của viên không tặc Lý Tống, bị nhà cầm quyền Thái bắt sau khi đã cướp một máy bay Thái để bay sang rải truyền đơn chống VN trong chuyến thăm của tổng thống Mỹ Clinton năm ngoái, ngoại trưởng Surakiart cho biết phía VN không xin dẫn độ Lý Tống về xử ở VN. Theo ông, ngoại trưởng VN đã bày tỏ lòng tin tưởng vào pháp luật của Thái.

Hai ngoại trưởng cũng đã thảo luận các biện pháp thúc đẩy hơn nữa các quan hệ song phương về kinh tế, thương mại. Năm qua, kim ngạch trao đổi giữa hai nước lên tới 1,2 tỷ USD. Hai bên đã thoả thuận mỗi bên sẽ đóng góp 100 000 tấn gạo vào một quỹ dự trữ chung nhằm ổn định giá gạo trên thị trường thế giới... (Reuters, AFP 7.3, The Nation 8.3.2001)

Đông Nam Á hay Đông Á ?

Theo ông Lê Công Phụng, thứ trưởng bộ ngoại giao VN, người chủ trì cuộc họp ngày 16.3 vừa qua tại TP Hồ Chí Minh giữa các quan chức cao cấp ASEAN (gồm bộ trưởng, bí thư thường trực bộ ngoại giao) và ông R.C. Severino, tổng thư ký ASEAN, các quan chức cao cấp ASEAN đã nhất trí thành lập “Nhóm nghiên cứu Đông Á” (viết tắt theo tiếng Anh : EASG), theo sáng kiến đề nghị của Hàn Quốc. Thành phần tham gia nhóm sẽ gồm 10 quan chức cao cấp của ASEAN, tổng thư ký ASEAN và quan chức cao cấp của ba nước Đông Bắc Á là Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc. Tổng thống Hàn Kim Dae-

Jung đã đưa ra đề nghị này tại cuộc họp thượng đỉnh ASEAN+3 ở Singapore tháng 11 năm ngoái.

Nhiệm vụ đầu tiên của EASG là tổng hợp những đề nghị đã có nhằm tăng cường sự hợp tác kinh tế trong vùng, phục vụ cho cuộc họp thượng đỉnh ASEAN+3 cuối năm nay tại Brunei. Ý tưởng thành lập một khối liên kết Đông Á giống như Liên hiệp châu Âu hoặc khối mậu dịch tự do Bắc Mỹ đã chớm nở từ cuộc khủng hoảng tiền tệ trong vùng những năm 1997-1998. Tuy nhiên, mặc dù các nước liên hệ có vẻ đồng thuận về yêu cầu hình thành một cộng đồng này, các nhà quan sát đều cho rằng đường tiến tới đích, nếu đạt được, cũng còn dài và phức tạp. Sự khác biệt quá xa về sức nặng kinh tế giữa ba nước Đông Bắc Á và 10 nước hội viên ASEAN là một trong những trở ngại. Sự đối chơi khó tránh khỏi giữa Nhật Bản và Trung Quốc trong vai trò đầu tàu là một trở ngại khác. Ngoài ra, bốn thành viên ASEAN cũng chưa đủ thống nhất để bước vào cuộc chơi. Chưa kể các nước khác không chắc gì đã nhìn với đôi mắt thiện cảm sự thành hình của một cường quốc mới, chiếm một phần ba dân số thế giới... (Tin Tuổi Trẻ 17.3 và The Korea Herald 19.3.2001)

Tây Nguyên (tiếp theo kỳ trước)

Hơn một tháng sau các vụ biểu tình bạo động ở Tây Nguyên, và vài ngày sau khi một quan chức toà đại sứ Mỹ ở Hà Nội tuyên bố là sự thiếu vắng những bài điều tra độc lập về các vụ việc xảy ra đang gây khó khăn cho việc quốc hội Mỹ thông qua hiệp định thương mại giữa hai nước, bộ ngoại giao VN đã tổ chức cho các nhà báo nước ngoài một chuyến “du lịch có hướng dẫn” lên vùng núi này. Được dự trù vào đầu tuần 12.3, rồi lại có tin bị hoãn, sau cùng chuyến đi đã diễn ra từ ngày 14 tới 17 vừa qua, từ Buôn Ma Thuột, Bản Đôn, vườn quốc gia Yok Don, tới Plây Cu. Chuyến đi dĩ nhiên không đủ giúp các nhà báo làm sáng tỏ lý do của các cuộc bạo động. Những viên chức đi theo đoàn theo dõi chặt chẽ những cuộc gặp gỡ với những người dân, khiến họ không dám nói chuyện với nhà báo. Các quan chức địa phương cũng chỉ lặp lại những luận điểm đã được đưa ra trên các phương tiện truyền thông trung ương. Yêu cầu của các nhà báo được phỏng vấn những người theo đạo Tin Lành bị bác bỏ, “vì chuyện này không dinh dáng gì tới vấn đề tôn giáo”, song một viên xã trưởng ở De Ktu, cách Plây Cu 32km, xưng tên là Wanah, lại nói là theo ông ta thì chỉ có những người theo đạo mới biết được chương trình (của các vụ biểu tình) !

Lý do khác đã được đưa ra về vụ bạo động là tranh chấp đất đai giữa những người dân địa phương và dân đồng bằng lén lập nghiệp. Ông Nguyễn Văn Lang, quyền chủ tịch tỉnh Đắk Lắc, gián tiếp công nhận có vấn đề này khi ông nói rằng Đắk Lắc không muốn nhận thêm dân di cư từ nơi khác đến nữa. Tuy nhiên, ông nói thêm, nếu trung ương đòi hỏi thì tỉnh cũng phải chịu thôi. Vấn đề, theo các nhà ngoại giao ở Hà Nội, là có thực vì nhà nước đang phải tìm chỗ tái định cư cho khoảng 700 000 người ở Sơn La để xây đập thủy điện. Theo kế hoạch được biết tới nay, có ít nhất 100 000 người sẽ được đưa lên Tây Nguyên, và có thể chính thông tin về cuộc di dân lớn này đã là ngòi nổ cho vụ bạo loạn. (Reuters 8-9.3, AFP, Reuters, AP, Mercury News, 15-17.3.2001)

Putin thăm VN (tiếp theo kỳ trước)

Như đã được báo trước (xem DĐ số 105), tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin đã tới thăm VN từ chiều ngày 28.2 đến ngày 2.3.2001. Đây là lần đầu tiên người lãnh đạo cao cấp nhất của Nga tới thăm VN, kể từ năm Liên Xô tan rã thành nhiều quốc gia độc lập. Trước ông, dưới thời tổng thống Eltsine, thủ tướng V. Chernomyrdin đã sang thăm VN năm 1997.

Trong một bài trả lời phỏng vấn của báo Nhân Dân, ông Putin đã coi việc phát triển quan hệ với VN là một ưu tiên của Nga ở châu Á. Lý do hiển nhiên vì trong khu vực này, VN là nước có quan hệ gần gũi, lâu đời nhất với Nga. Khoảng 50 ngàn người Việt đã được đào tạo ở các trường đại học và các cơ quan, xí nghiệp của Liên Xô ngày trước. Trong số đó có chủ tịch nước Trần Đức Lương, thủ tướng Phan Văn Khải và chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh, là ba trên 4 nhà lãnh đạo cao cấp VN đã tiếp xúc, hội đàm với ông Putin trong hai ngày ở Hà Nội (người thứ tư là tổng bí thư Lê Khả Phiêu).

Trong ngày 1.3, chủ tịch Trần Đức Lương và tổng thống V.V. Putin đã ký Tuyên bố chung về *quan hệ đối tác chiến lược* giữa Việt Nam và LB Nga và nhiều thỏa thuận hợp tác mới trong các lĩnh vực kinh tế- thương mại, khoa học-kỹ thuật và văn hoá, trong đó có nghị định thư liên chính phủ về việc mở rộng diện hoạt động của liên doanh dầu khí Vietsovpetro, thỏa thuận về hợp tác giữa ngân hàng ngoại thương hai nước, hai thỏa thuận giữa ủy ban tiêu chuẩn Nga và Bộ khoa học-công nghệ-môi trường Việt Nam về hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá, đo lường và chứng nhận...

Qua Tuyên bố chung, Việt Nam đã ủng hộ các quan điểm của Nga về sự duy trì và củng cố Hiệp ước giữa Liên Xô (trước đây) và Hoa Kỳ về hạn chế các hệ thống phòng thủ tên lửa (ABM) ký năm 1972. Hai bên cũng nhấn mạnh đến tác động tiêu cực đến an ninh, ổn định của khu vực của việc (Mỹ) triển khai các hệ thống phòng thủ chống tên lửa chiến trường (TMD) khép kín ở châu Á - Thái Bình Dương. Phía Nga tin tưởng rằng với tư cách đang là Chủ tịch ủy ban thường trực của ASEAN, Việt Nam sẽ thúc đẩy sự phát triển quan hệ đối tác giữa Nga với ASEAN.

Trong buổi họp báo chung sau lễ ký kết, tổng thống V.V. Putin đề nghị hai nước tăng cường hợp tác thương mại, đưa kim ngạch trao đổi hàng năm từ mức 400 triệu USD hiện nay lên từ 500 đến 700 triệu USD/năm và có thể lên tới khoảng hai tỷ USD trong tương lai.

Ông Putin cũng tuyên bố trước các nhà báo là, theo ông, VN không những cần duy trì, bảo quản những vũ khí, trang thiết bị quân sự mua của Liên Xô trước đây, mà còn cần và có khả năng mua những vũ khí hiện đại, mà Nga có thể cung cấp. Tuy nhiên, hai bên không cho biết thêm thông tin nào về vấn đề này. Cũng trong lĩnh vực quân sự, vấn đề nối dài thỏa thuận cho phép Nga sử dụng cảng Cam Ranh có vẻ như không được hai bên đề cập đến trong dịp này. Theo một tuyên bố của thứ trưởng ngoại giao Nga Alexander Losyukov tuần trước khi ông Putin lên đường đi Hà Nội, Nga “chờ đợi những cuộc đàm phán dài và khó khăn về vấn đề này”. Năm 1979, sau vụ xâm

lăng của Trung Quốc, Việt Nam đã thoả thuận cho Liên Xô thuê quyền sử dụng Cam Ranh trong 25 năm (và sau khi LX sụp đổ, chấp thuận cho Nga hưởng quyền nối tiếp). Như vậy, chỉ còn 3 năm nữa là hết hạn thoả thuận này.

Về món nợ của VN với Liên Xô, mà nay Nga lấy lại, phó thủ tướng Viktor Khristenko cho biết hai bên đã giải quyết hoàn toàn từ năm ngoái. Nga đã chấp thuận giảm nợ đó xuống còn 1,5 tỷ đô la, và cho Việt Nam trả trong 23 năm tới, mỗi năm 100 triệu (kể cả lãi). Nga có thể dùng món tiền này để tái đầu tư vào VN, hoặc mua gạo, cà phê hoặc hàng hoá khác của VN... (tổng hợp tin nhiều hãng thông tấn quốc tế và báo chí trong nước 1-6.3.2001)

VN và máy bay quân sự Nga

Báo Lao Động ngày 5.3 đã thực hiện một cuộc phỏng vấn ngắn với các đối tác Nga nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống V. Putin. Dưới đây là những câu hỏi và trả lời của ông Pogosyan M., tổng giám đốc hãng sản xuất máy bay quân sự "Sukhoi".

H. Theo ông thì đâu là thị trường tiềm năng cho các sản phẩm của Hãng "Sukhoi"?

D. Những thị trường hấp dẫn đối với chúng tôi là Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á. Kế đến là Châu Phi và Mỹ Latinh. Ở Đông Nam Á chúng tôi đã có quá trình hợp tác truyền thống lâu dài với binh chủng phòng không không quân Việt Nam. Hiện nay quân đội Việt Nam đang có một số máy bay Su-27. Chúng tôi muốn giới thiệu với Việt Nam loại máy bay mới của chúng tôi là Su-30 MK.

H. Su-30 MK có gì đặc biệt không?

D. So với những mẫu cũ, thì Su-30 MK có những thay đổi rất lớn về mặt thiết kế, tuy không có ảnh hưởng đến hình dáng bên ngoài. Chẳng hạn cánh của chiếc máy bay này có giá đỡ mới với hai điểm treo. Thể tích của bình chứa nhiên liệu cũng lớn hơn. Ngoài ra, để máy bay có thể bay được xa hơn và hoạt động trong phạm vi rộng hơn, nó còn được trang bị hệ thống tiếp nhiên liệu trên không. Su-30 MK có thể không chiến với tên lửa tầm ngắn và tầm trung và có khả năng không kích hữu hiệu đối với các máy bay chiến đấu hiện có, cũng như các loại máy bay không người lái.

H. Hướng hợp tác chủ yếu với Việt Nam hiện nay là gì?

D. Trước hết chúng tôi muốn nâng cấp cho những chiếc máy bay Su-22 M4 đã giao cho Việt Nam trước đây. Chúng tôi đang xem xét khả năng kéo dài thời gian sử dụng của những chiếc máy bay này lên 18 năm mà không cần sửa chữa, đồng thời bàn đến việc cung cấp phụ tùng thay thế. Một ý tưởng thú vị khác là xây dựng tại Việt Nam một trung tâm bảo dưỡng máy bay Su cho toàn bộ khu vực Đông Nam Á. Tôi thực sự tin rằng chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Putin sẽ đem lại xung lực mới cho quan hệ kinh tế - thương mại nói chung và hợp tác trong lĩnh vực kỹ thuật quân sự nói riêng.

Nghệ sĩ Việt Nam đi Mỹ biểu diễn

Đầu tháng 3, một đoàn ca sĩ VN gồm Phương Thanh, Lam Trường, Hồng Vân, Huy MC, Thu Phương, Lê Tuấn Anh đã đi Mỹ biểu diễn trong hai tuần. Đoàn do Công ty Tổ chức biểu

diễn TPHCM tổ chức, qua lời mời và bảo lãnh của nhà phát hành đĩa hát Kim Lợi ở San Jose (California).

Hai tuần lễ đoàn hoạt động ở Mỹ cũng là hai tuần sôi động trong dư luận người Việt tại đây. Hầu hết các báo xuất bản bằng tiếng Việt ở Mỹ đều đưa tin ở trang nhất về hoạt động của đoàn. Báo Việt Mercury số ra ngày 9-3 đã giật tít lớn ở trang nhất: " Họ đã đến, đã hát, được tán thưởng và bị chống đối ". Theo tường thuật của báo này, cộng đồng người Việt ở Mỹ có hai khuynh hướng: "chống đối" và "nhạc hay thì phải đi xem". Người ủng hộ đa số là giới trẻ. Còn thành phần chống đối phần lớn là những người có tuổi, từng dính dáng chế độ cũ.

Trong hai tuần, đoàn đã diễn bảy suất (một suất chiêu đãi) ở Washington DC, Atlanta, Atlantic, Boston và San José với giá vé 50-80 USD. Riêng đêm diễn ở San José, giá vé 100 USD, đã có hơn 1.000 khán giả đến xem, và cũng là đêm có lực lượng biểu tình đông đảo nhất.

Tờ USA Today đã đặt câu hỏi "*điều mâu thuẫn trong khi đĩa nhạc của các ca sĩ VN được bán khắp nước Mỹ thì người ta lại biểu tình khi các ca sĩ này trình diễn!*". Điều đáng nói hơn, ông Diệu Hùng, trưởng đoàn, được báo chí tiếng Việt ở Mỹ phong chức "phó giám đốc sở nghệ thuật" (thực tế chỉ là phó giám đốc Công ty Tổ chức biểu diễn TPHCM); ca sĩ Phương Thanh là "đảng viên cộng sản" và chống cả cô khiến cô phải la lên " tại sao chống tôi trong khi tôi chỉ muốn hát cho đồng bào tôi thưởng thức ? ". (theo Trần Nhật Vy, báo Tuổi Trẻ 17.3.2001)

Mua tạm trữ một triệu tấn gạo và 150 nghìn tấn cà-phê

Ngày 6-3, phó thủ tướng Nguyễn Công Tạn đã ký quyết định mua tạm trữ một triệu tấn gạo ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và 150 nghìn tấn cà phê ở Tây Nguyên. Ngày 16.3, một công điện khác của thủ tướng xác định giá mua lúa, gạo đồng xuân để tạm trữ phải đạt tiêu chuẩn chất lượng với mức giá tối thiểu 1.300 đồng/kg lúa. Cố lẽ đây là lần đầu tiên nhà nước có một quyết định như trên, nhằm giúp nông dân giữ được giá sản phẩm của mình.

Mặc dù trong cả hai trường hợp, chính phủ đã có chính sách hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho các doanh nghiệp, việc thực hiện chỉ thị gấp nhiều khó khăn cụ thể chưa được giải quyết. Báo Sài Gòn giải phóng nêu lên 3 loại khó khăn trong việc mua gạo tạm trữ :

– Về phía người mua, tính theo mức giá sàn Chính phủ vừa qui định, mua 1 triệu tấn gạo cần 1.300 tỷ đồng, trong khi hầu hết các doanh nghiệp đều đang thiếu vốn, mà thủ tục vay vốn ngân hàng vẫn còn rất nhiêu khê, phiền hà.

– Đối với người bán, tức là nông dân, câu hỏi là bán lúa cho ai ? Không thể là các công ty lương thực, vì họ chỉ mua kho và trực tiếp mua tại kho chứ không xắn quần lội ruộng để thu mua lúa. Do đó, lại phải thông qua khâu trung gian, và trong trường hợp này, hầu như không bao giờ họ được bán với giá mà về mặt nguyên tắc, lẽ ra họ phải được hưởng !

– Đối với người... bán lại, lại có cái khó khác. Theo UBND các tỉnh ĐBSCL, việc triển khai mua gạo tạm trữ chủ yếu "nhắm" vào các doanh nghiệp đầu mối xuất khẩu gạo. Sau

thời hạn 6 tháng tạm trữ, các doanh nghiệp có quyền bán gạo không, và bán như thế nào ? Nếu lúc đó giá gạo thế giới giảm xuống thấp hơn giá mua tạm trữ thì ai sẽ bù lỗ cho doanh nghiệp và bù lỗ với hình thức nào ? Cái khó khác là hệ thống kho bãi có đủ sức chứa lúa tạm trữ hay không, và bảo quản được hạt lúa hay không. Công nghệ sau thu hoạch phát triển ập ập và năng lực quá thấp (theo thống kê, năng lực sấy toàn vùng ĐBSCL chỉ đạt 15%) cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tạm trữ hạt lúa nói chung. Như vậy, việc tìm đâu ra cho hạt gạo dự trữ là điều phải tính ngay từ bây giờ... (theo Sài Gòn giải phóng 8 và 19.3.2001)

Gạo pha hoá chất nhập lậu từ Trung Quốc

Cục Quản lý thị trường (QLTT) vừa có công văn yêu cầu chi cục QLTT các tỉnh, thành phố, đặc biệt ở các tỉnh biên giới phía Bắc và ven biển miền Trung tổ chức lực lượng và phương tiện, phối hợp cùng cảnh sát giao thông phát hiện, kiểm tra, bắt giữ triệt để và xử lý nghiêm các đối tượng kinh doanh, vận chuyển loại gạo nhập lậu từ Trung Quốc. Theo thông báo của bộ công an, từ tháng 1.2001 trở lại đây, các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) xuất hiện một loại gạo chế biến từ những loại gạo kém phẩm chất trộn với một loại hoá chất màu trắng, không mùi vị (tương tự như nến) mà chính quyền Trung Quốc đang truy lùng, xử lý rất gắt. Do bị truy nã gắt gao, các tư thương đã tìm cách đưa lậu loại gạo này sang Việt Nam bằng đường bộ (các tỉnh biên giới phía Bắc) và đường biển (các tỉnh miền Trung), rồi từ đó đưa đi các tỉnh, thành phố khác tiêu thụ. (Thanh Niên, 20.3.2001)

Trống đồng tìm thấy ở miền nam Việt Nam

Đầu tháng 2-2001, ở xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, Bình Dương, người ta lại mới phát hiện thêm một chiếc trống đồng cùng một kiểu dáng với chiếc trống đồng đầu tiên tìm thấy ở đây, cách đây 6 năm. Đây là chiếc trống đồng thứ tư tìm thấy ở vùng này. Mặt trống cũng có hình mặt trời với 10 tia chiếu (khác với trống đồng Đông Sơn có 12 tia chiếu), sáu con chim "lạc" đang xoải cánh, và hoa văn trang trí hình tròn như chữ o, nhỏ bằng đầu đũa, chạy vòng quanh mặt trống. Các trống đồng này đã được tìm thấy bởi những người làm nghề đào tìm phế liệu, và đã được bảo tàng Bình Dương mua lại. Nơi tìm được trống đồng nằm trong một vùng đất thường xuyên có nước, cạnh một con suối có tên là Thợ Ục. Ngay cả vào mùa nắng, trong khi các vùng đất xung quanh khô cháy, thì ở đây vẫn xanh tươi. (Tuổi Trẻ, 24-2-01)

Cấp phép xây dựng, hay khoán trắng cho dân lo ?

Ông Đỗ Xuân Anh, giám đốc Sở xây dựng Hà Nội, đã trình một dự thảo lên UBND thành phố về thủ tục cấp phép xây dựng nhà ở cho nhân dân, theo đó thành phố sẽ ủy quyền cho UBND quận, huyện, cấp giấy phép xây dựng nhà ở từ 5 tầng trở xuống, và người dân khi xây dựng nhà ở có thể tự thiết kế và chịu trách nhiệm về việc thiết kế xây dựng của mình (?). Người ta không khỏi ngạc nhiên khi đọc những dòng này trên mặt báo chí, vì thông thường, ở các nước phát triển trên thế giới, các công trình dân dụng thuộc diện kiến trúc đô thị, ngay từ 5 tầng trở xuống, đều cần được bảo đảm về các mặt chất

lượng kỹ thuật và thẩm mỹ. Không biết trong bản dự thảo kia có nói đến vai trò của người kiến trúc sư, của ban quản lý kiến trúc, của người kỹ sư xây dựng, và của các ban giám định kỹ thuật, cũng như của chế độ bảo hiểm đối với các công trình xây dựng này không ? (Thanh Niên, 5-3-01)

Bưu chính - viễn thông : giảm giá và đầu tư

Theo tổng cục bưu điện, bắt đầu từ 1.7.2001, giá cước điện thoại chiều đi quốc tế giảm 15 % ; Cước điện thoại di động : dịch vụ điện thoại trả tiền sau, giảm cước hoà mạng và cước thuê bao 20-25 %, giảm cước đàm thoại 10 % ; Cước thuê kênh viễn thông đường dài trong nước và quốc tế giảm 25-30 %. Về internet, cước thuê công internet trực tiếp của IAP

được giảm xuống tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực ; cước truy cập internet qua mạng điện thoại sẽ do tổng cục bưu điện ban hành khung cước thay vì quy định mức cước cố định như hiện nay. Người ta chưa được biết, theo khung cước đó, giá truy cập internet sẽ được giảm bao nhiêu. Cho tới nay, các giá này vẫn là một nhân tố hạn chế sự phát triển internet ở VN. Tới cuối tháng 2.2001, số máy nối vào mạng mới lên tới 114 796 (theo Saigon Times 16.3).

Tổng công ty Bưu chính - viễn thông Việt Nam (VNPT) cho biết, VNPT dự kiến sẽ đầu tư khoảng 1.500 tỷ đồng để xây dựng hạ tầng viễn thông tại 10 tỉnh là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.

Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh : ám ảnh chung cư xuống cấp

Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là hai thành phố có nhiều chung cư cao tầng nhất nước. Tuy nhiên, hàng trăm chung cư tại hai thành phố đều đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng và có nguy cơ sụp đổ bất cứ lúc nào. Những người dân sống trong các chung cư đó đang ngày đêm nơm nớp lo sợ. Vậy nhưng các cấp, các ngành hữu quan vẫn còn rất lúng túng trong việc tìm giải pháp...

Hà Nội : Chung cư “ liên tục lún, nứt ”

Hiện nay, Hà Nội có hơn 60 vạn mét vuông nhà chung cư lắp ghép tấm lớn, chiếm 1/4 quỹ nhà ở của thành phố, tập trung phần lớn tại 16 khu nhà ở : Thành Công, Giảng Võ, Trung Tự, Khương Thượng, Văn Chương, Bách Khoa, Quỳnh Lôi, Kim Giang, Vinh Hồ, Thanh Xuân, Nghĩa Đô... Theo số liệu khảo sát ban đầu của sở địa chính - nhà đất, có 14 công trình nhà ở lắp ghép tấm lớn hư hỏng nặng do biến dạng lún nghiêm trọng, lún nhanh (tốc độ hơn 2mm/tháng) ; có nơi tốc độ lún lớn nhất như E7 Thành Công, A6, B6 Giảng Võ. Theo số liệu khảo sát của cục giám định (bộ xây dựng), trong tổng số gần 500 nhà ở lắp ghép tấm lớn tại Hà Nội có tới 35 nhà bị lún nặng, trong đó có 13 nhà bị lún nghiêm trọng : B7, E3, E4, E6, E7 Thành Công ; B6, A6 Giảng Võ ; B2 Văn Chương ; A8 Nghĩa Đô ; K7 Thành Công, A9 Nghĩa Đô ; E6, E7 Quỳnh Mai. Trong số đó có nhiều nhà hiện đang ở trong tình trạng có độ lún và độ lún lệch vượt quá giới hạn cho phép theo các tiêu chuẩn thiết kế như : Nhà B1 Nghĩa Đô, F1 Thành Công 2, A1 Giảng Võ, E6 Quỳnh Lôi, A11 Khương Thượng. Các chuyên viên cục giám định cũng cho biết : Biến dạng lún nghiêm trọng đã làm những ngôi nhà bị nứt, nghiêng hoặc bị vồng xoắn - gây phá hoại cấu kiện tấm, liên kết mối nối - đe doạ trực tiếp đến an toàn của người sử dụng. Đồng thời, việc lún không đồng đều của ngôi nhà đã gây nên nội lực phá hoại kết cấu của nhà lắp ghép, gây hư hỏng nặng cho hệ thống thoát nước, vệ sinh, gây thấm ngấm, úng ngập nước, giảm chiều cao phòng ở...

Ông Đào Văn Bầu (phó giám đốc sở địa chính - nhà đất Hà Nội) cho biết : “ *Đã có một số nhà được cíutu chữa kịp thời như A8 Nghĩa Đô, B7 Thành Công, E3, E4, E7 Thành*

Công, B6 Giảng Võ và một số khu nhà ở thuộc khu vực Bắc Thanh Xuân. Tuy nhiên, đến nay đã lại xuất hiện thêm rất nhiều các khu nhà chung cư khác trên địa bàn Hà Nội bị lún nứt nghiêm trọng”.

TP. Hồ Chí Minh : “ Lở lói ” và hơn thế nữa...

Chung cư 289 Trần Hưng Đạo, quận 1 là một điển hình : Tường nứt nhiều chỗ, trần nhà thấm nước, từng mảng vữa rơi rớt đe doạ đến tính mạng người dân. Chủ hộ phòng 201, bà Trần Thị Loan (thuộc diện được mua trả góp) cho biết : Trần phòng vệ sinh và ống dẫn nước thải nhà bà bị thấm, cứ mỗi lần phòng 301 tầng trên có người “đi” thì nước lại nhỏ tong tòng xuống phòng của bà. Thế nhưng bà vẫn phải chịu cảnh sống hôi hám khó chịu trong suốt mấy năm nay. Trong khi đó, ở tầng trên - phòng 310, bà Yên chủ hộ cũng không yên tâm gì khi tường nhà và trần nhà đã có các vết nứt dài 2-3 mét. Ngoài ra các phòng 210, 202... cũng đang trong tình trạng xuống cấp trầm trọng. Trước đây, chung cư 289 có ban công chìa ra 80 cm ở tầng 2, nhưng cách đây vài tháng vì đã quá cũ mục, nó đã bị đổ và gây nên tai nạn kinh hoàng làm một người chết tại chỗ. Chung cư Tháp Mười đã có quyết định phá bỏ của UBND TPHCM khi thực trạng lâu 1 và 2 nhiều phòng bị sập hoàn toàn không còn ở được, còn lại các phòng khác bị nứt trầm trọng. Do chưa thỏa thuận được mức giá đền bù, hết đợt khiếu kiện này đến đợt khiếu kiện khác, một số hộ dân ở chung cư này vẫn tiếp tục “ sống chung với tử thần ” tại căn phòng của mình. Một trường hợp khác, chung cư 21 Điện Biên Phủ được ví von là “ chung cư gầy tro xương ” vì các mảng vữa, bêtông cứ rơi rụng dần để lộ những thanh sắt hoen gỉ đầy ám ảnh. Dù đã có kết luận là hư hỏng nặng về kiến trúc, kết cấu và hệ thống kỹ thuật, không còn đủ điều kiện sử dụng và phương án đưa ra là giải tỏa, đập bỏ, thế nhưng đến nay quanh tòa nhà chỉ được giăng lưới B40 để che chắn rác, bêtông... rơi xuống.

Phải khẳng định rằng, sự xuống cấp nhanh chóng của một số chung cư bắt nguồn từ việc xây dựng kém chất lượng. Còn nhiều đợt tu sửa các chung cư cũ lại rất hìnhd thức, chỉ đơn thuần phết lớp son lên bộ khung đã cũ, mục.

Giải pháp hữu hiệu nào để ngăn chặn tai hoạ từ nhà chung cư xuống cấp? Đường như các cấp, các ngành hữu quan còn đang rất lúng túng.

Theo dự án này, VNPT sẽ xây dựng hệ thống chuyển mạch cho 77 điểm với tổng dung lượng lắp đặt là 118.728 số, tổng dài chính có dung lượng tối đa là 40.000 số, hệ thống truyền dẫn cáp quang bảo đảm cho 144 điểm chuyển mạch với tổng chiều dài các tuyến là 1.698 km, hệ thống truyền dẫn vi ba số sử dụng thiết bị phổ dụng cho 4 tuyến...

Công viên phần mềm ở TP HCM

Ngày 16-3, Công viên phần mềm Quang Trung (quận 12, TP Hồ Chí Minh) một trong số 12 công trình trọng điểm của TP Hồ Chí Minh đã chính thức mở cửa. Đây là trung tâm phần mềm lớn nhất khu vực phía nam, với tổng kinh phí gần 200 tỷ đồng. Với sáu tòa nhà cao tầng có tổng diện tích 7.800 m², công viên này đã thu hút được 32 công ty hoạt động, trong đó có 8 công ty nước ngoài. Khoảng 34 công ty khác đang chờ được giao đất để xây dựng hạ tầng hoặc thuê hạ tầng. Trong năm nay, tại đây, sẽ có khoảng một nghìn lập trình viên làm việc. Công viên có hệ thống dịch vụ internet với tốc độ 2MBit/giây.

Các chủ đầu tư được giao đất sử dụng lâu dài, đóng một lần tiền sử dụng đất tương đương 15 USD/m²/năm hoặc được thuê đất tối đa 50 năm với giá 0,4 USD/m²/năm. Chủ đầu tư phải đóng tiền bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật 0,15 USD/m²/năm. Chủ đầu tư nước ngoài được thuê đất xây công trình cùng mức giá như chủ đầu tư trong nước (0,4 USD/m²/năm). Ngoài ra, CVPMT còn cung ứng các dịch vụ: hỗ trợ miễn phí về thành lập doanh nghiệp, giấy phép đầu tư, visa xuất nhập cảnh nhiều lần và một số thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động trong CVPMT.

Tin Ngắn

* Năm 2000, cả nước phát hiện 68.000 trường hợp ung thư. Tuy nhiên, con số đó còn thấp xa so với thực tế, bởi mới chỉ dựa vào thống kê của hai nhóm ghi nhận quần thể về ung thư ở 2/61 địa phương là Hà Nội và TPHCM. Theo GS Phạm Thuý Liên, hội trưởng Hội ung thư VN, chưa có bất cứ thống kê đáng tin cậy nào về tình hình ung thư ở VN. Các chuyên gia ung thư đều thống nhất ước đoán số mắc ung thư thực tế hàng năm ở nước ta phải từ 100.000 đến 150.000 trường hợp và số chết hàng năm ít nhất 50.000 người.

* Trong các phiên đấu thầu gạo ngày 8.3 và 12.3.2001 do Philippines tổ chức, tổng công ty Lương thực miền Nam đã trúng hai gói thầu cung cấp 50.000 tấn và 150.000 tấn gạo cho Philippines. Theo Reuters phân thắng thuộc về phía Việt Nam chỉ vì gạo Việt Nam có ưu thế là giá chào bán thấp (158 - 160 USD/tấn giá FOB 5 % tấm và 138 - 143 USD/tấn giá FOB 25 % tấm), thấp hơn 8 - 19 USD/tấn cùng loại của Thái Lan.

* Cụ Nghiêm Xuân Yêm, nguyên tổng thư ký đảng Dân chủ Việt Nam, nguyên phó chủ tịch Quốc hội, bộ trưởng Nông Lâm (từ năm 1953 đến năm 1963), bộ trưởng Nông trường cho đến năm 1971, bộ trưởng phụ trách Khoa học kỹ thuật nông nghiệp... đã từ trần ngày 18-3 tại Hà Nội, thọ 88 tuổi.

* Ngày 19-3, thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định về việc phê duyệt chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2001 - 2010. Mục tiêu phấn đấu để mọi người dân

được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Các chỉ tiêu được đưa ra là vào năm 2010 cả nước đạt tuổi thọ trung bình 71 tuổi, tăng bốn tuổi so với hiện nay, tỷ lệ trẻ mới đẻ có trọng lượng dưới 2.500 gam giảm xuống dưới 6%, tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống 20%.

* Từ ngày 27.3, Hàng không Nhật Nippon Airways mở đường bay thẳng đầu tiên của hãng này từ TP Hồ Chí Minh đi Tokyo, với hai chuyến bay mỗi tuần bằng Boeing 777 hạ cánh tại sân bay Narita. Như vậy, Nippon Airways có tất cả 23 chuyến bay đón khách từ Việt Nam đi Nhật Bản, trong đó hai chuyến bay thẳng và 21 chuyến nối chuyến qua các sân bay của Thái Lan, Singapore và Hồng Kông. Lượng khách Nhật Bản vào Việt Nam năm 2000 là 150.000 người.

* Theo bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao VN, báo cáo về nhân quyền của bộ ngoại giao Mỹ năm nay đã “khách quan hơn”, song VN vẫn cho rằng “việc nước Mỹ tự cho phép đánh giá về quyền con người ở các nước khác là một sự can thiệp vào nội bộ của các nước này, đi ngược lại hiến chương Liên hiệp quốc, và dĩ nhiên không thể chấp nhận được”.

* Trong Liên hoan thế giới “xiếc ngày mai”, diễn ra ở Paris kỳ thứ 22 đầu tháng 2 vừa qua, một cặp tài tử trẻ VN, Định và Anh, sang học tại trường xiếc quốc gia Pháp, đã đoạt huy chương đồng. Định và Anh là một trong 3 cặp đại diện cho xiếc Pháp dự thi, và và cặp duy nhất đoạt giải.

* Tại Liên hoan phim về môi trường toàn cầu lần thứ 9 vừa được tổ chức ở Tokyo (Nhật Bản), bộ phim *Nơi chiến tranh đã di qua* của nữ đạo diễn Vũ Lê Mỹ (Hàng phim Tài liệu và Khoa học trung ương) đã đoạt giải nhì. Phim nói về hậu quả của chất độc màu da cam do quân đội Mỹ rải xuống Việt Nam.

* Tính đến nay, cả nước đã có 40.000 bệnh nhân phong (cùi) được điều trị khỏi bệnh bằng phương pháp đa hóa trị liệu. 7.000 người bị di chứng phong được chăm sóc phục hồi chức năng. Cả nước đã hoàn thành chỉ tiêu loại trừ phong do Tổ chức Y tế thế giới quy định từ năm 1996. Tỷ lệ lưu hành bệnh phong đã giảm mạnh, từ 5,36/100.000 dân xuống 0,23/100.000 dân năm 2000.

* Ban quản lý di tích và thắng cảnh Hương Sơn (huyện Mỹ Đức, Hà Tây), cho biết huyện đã niêm phong 37/42 hang, động và chùa giả mỏ trái phép ở khu vực chùa Hương. Nạn mỏ hang động giả tồn tại qua nhiều mùa lễ hội quá chật được khắc phục là một lý do khiến lượng du khách tới chùa Hương đang giảm mạnh.

* Một chiếc tàu chở dầu của Việt Nam, trọng tải 10.000 tấn, đã chìm ở vịnh Thái Lan ngày 15.5. Dầu chảy ra tạo một lớp váng dày hơn 1 km chung quanh cảng An Thới trên đảo Phú Quốc.

* Nhiều tin tức mâu thuẫn đã được đưa ra chung quanh một phụ nữ 75 tuổi chết cháy ở xã Tân Hội, tỉnh Vĩnh Long ngày 20.3. Những nguồn tin của các tổ chức Hoà Hảo ở nước ngoài nói nạn nhân là bà Nguyễn Thị Thu, một chức sắc Hoà Hảo đã tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp tôn giáo của chính quyền. Trong khi đó, nhà cầm quyền địa phương nói rằng nạn nhân không phải là một người trong làng, và đã chết cháy ở một nơi khác rồi xác được mang tới bỏ ở đây.

Thư Hà Nội

Hội nghị Trung ương 11B (kỳ họp trước là 11A) hôm nay (21 tháng 3) họp vẫn chưa xong. Nghe nói sẽ kéo dài đến cuối tuần. Sau 11, sẽ còn hội nghị 12 để bàn dứt điểm “vấn đề nhân sự”, rồi các vị uỷ viên trung ương sẽ ở lại luân để họp “đại hội trù bị” tức là đại hội 9 “thật”: khi nào báo đài đưa tin “Đại hội 9 khai mạc trọng thể” (sang tháng 4), xin các anh chị hiểu rằng mọi sự đã an bài, các hình ảnh tiếp theo đó chỉ là một sự trình diễn “cho Tây nó xem” mà thôi.

Nói khác đi, khi tôi viết dòng này, đúng ngày xuân phân, cuộc đấu đá vẫn chưa ngã ngũ. Nếu căn cứ vào cuộc bỏ phiếu thăm dò ở hội nghị 11A, thì ông Lê Khả Phiêu coi như đã “hoàn thành nhiệm vụ”. Cùng ra đi với tướng Phiêu là tướng Phạm Thanh Ngân, và các ông Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Mạnh Cầm. Ai sẽ thay thế Lê Khả Phiêu làm tổng bí thư? Thư trước, tôi đưa ra ba tên: Trần Đức Lương (chủ tịch nước), Nông Đức Mạnh (chủ tịch quốc hội), Nguyễn Phú Trọng (mới được cử làm bí thư thành ủy Hà Nội, trước đó phụ trách khối tư tưởng, văn hoá và khoa giáo, chứ không phải trưởng ban đối ngoại, như toà soạn đã chú thích nhầm). Trong cuộc bỏ phiếu thăm dò, người được nhiều phiếu nhất là Nông Đức Mạnh. Trước đại hội 8, phiếu cũng dồn vào ông Mạnh, nhưng người ta đã kéo dài nhiệm kì của ông Đỗ Mười để đến giữa khoá, ông Phiêu lên thay. Lần này ông Mạnh có khả năng thắng cử không? Mất yếu cũng là mặt mạnh của ông là không thuộc phe phái nào, không có kẻ thù nhưng cũng không có hậu thuẫn. Nếu từ nay đến cuối tháng, ông Phiêu khéo vận động để ở nán thêm nửa nhiệm kỳ, số phiếu xấp xỉ với ông Lương, không phe nào chịu phe nào, thì Nông Đức Mạnh trở thành giải pháp dễ chấp nhận cho hai phe. Còn ông Nguyễn Phú Trọng (sinh năm 1944) mà nhiều thế lực coi là “người của tương lai”, thì một số người e còn quá “trẻ”, nên đợi khoa sau hãy tính. Bởi vậy có mấy tay quân sư bày kế cho ông Phiêu: tự nguyện ở thêm nửa nhiệm kỳ (bảo đảm ổn định là điều đáng ta đang cần, nhất là sau mấy vụ lộn xộn ở Tây Nguyên), rồi sau đó truyền thống ngôi cho Nguyễn Phú Trọng. Nói thế các bạn cũng hiểu là mọi sự chưa ra đầu vào đâu cả, nên các nhà ngoại giao và các phóng viên nước ngoài tha hồ mà ngóng tin hành lang và đoán mò.

Có điều gần như chắc chắn, và trái với những tin đồn của các hãng thông tấn nước ngoài, ông Phan Văn Khải sẽ làm thủ tướng thêm nửa nhiệm kỳ nữa, sau đó ông Nguyễn Tấn Dũng sẽ lên thay. Điều chắc chắn nữa: tuổi trung bình của Ban chấp hành mới sẽ hạ thêm vài bậc, với 2 quy định: ai quá 65 tuổi thì không ở lại (trừ vài nhân vật chủ chốt, được thêm 5 tuổi), uỷ viên mới không quá 55 tuổi.

Lãnh đạo quá già đã sinh ra thảm trạng gì, điều đó ai cũng thấy. Nhưng lãnh đạo trẻ không nhất thiết là đầu óc trẻ, khi mà phương thức đềbat, tuyển chọn vẫn theo nếp cũ, nghĩa là muốn leo cao thì phải tron tru, lươn lẹo. Và trong cái bầu

không khí tính toán, nhì nhằng và đầy bất trắc áy, trong một môi trường xã hội đã thay thế niềm tin bằng tưởng số, thần linh... cái bệnh mê tín đã lan tràn trong hàng ngũ cán bộ, càng lên cao càng tin tưởng số, càng nghe những lời chỉ dẫn của các thầy phong thuỷ, của các nhà thần giao cách cảm ngày ngày nằm mộng thấy Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hồ Chí Minh... về dạy dỗ.

Tôi chỉ xin đơn cử hai thí dụ để các bạn hình dung ra phản nào mức độ vừa nghiêm trọng vừa khôi hài đến phát khóc lên được của nỗi trạng này.

Thí dụ thứ nhất là ông chủ tịch nước, người có khả năng làm tổng bí thư khoá tới. Ông Lương sinh năm 1937, cầm tinh con trâu. Tiểu sử chính thức của ông ghi thiếu một điều tối quan trọng (ít nhất đối với vợ chồng đương sự): ngày từ năm 1977, một nhà tử vi đã tiên đoán “số ông là số làm vua”. Đúng quá đi: ông chẳng đang làm chủ tịch nước đó sao. Khoảng một nỗi, ông thày ấy lại phán thêm, cũng ngay từ năm 1977: đến năm 2003, mệnh yếu, ông sẽ chết tan xác. Kết thật, làm chủ tịch nước hay tổng bí thư thì phải đi tàu bay hơi bị nhiều. Chẳng lẽ năm 2003 này, ông sẽ đi từ bắc vào nam, công du năm châu bốn biển bằng ô tô tàu thuỷ? Khỏi phải nói, từ ba mươi năm nay, đệ nhất phu nhân vẫn ngày ngày cúng vái Trời Phật, biết đâu Nam Tào Bắc Đẩu sẽ thuận tay đổi một con số trong sách trời?

Không phải chỉ là chuyện cá nhân. Việc nước cũng thế. Tháng 10 vừa qua, người dân Huế đã được chứng kiến hai cuộc tế lễ cực kỳ long trọng (và cũng rất kín đáo), hôm trước ở đền Nam Giao, hôm sau ở trên núi Bạch Mã. Tế ai, cầu gì? Người dân chỉ nghe loáng thoáng: tế trời tế đất, cầu mong mưa thuận gió hòa (hai năm liên, Thừa Thiên và miền Trung bị bão lụt to). Điều ít ai biết: tỉnh uỷ Huế Thừa Thiên chỉ là người thừa hành lệnh trên. Cùng ngày, tại tư thất của các ông Phiêu và Lương ở Hà Nội, cũng đã diễn ra một cuộc cúng vái, tuy kín đáo, tại gia, nhưng không kém phần long trọng và thành khẩn. Nguyễn uỷ cầu chuyện như sau: ngoài ba ông cố vấn chính thức, Bộ chính trị còn có một số cố vấn khác, trong đó có bà Tuyết Nga. Năm nay khoảng lục tuần, bà Nga làm giám đốc một cơ sở du lịch ở ngoại ô Thành phố Hồ Chí Minh. Bà dòi cách mạng (thân sinh của bà, một thành uỷ viên Sài Gòn đã hy sinh trong kháng chiến), lại có biệt tài là hàng ngày đàm đạo với đức Thánh Trần, với vua Quang Trung. Cuối hè 2000, thiên tai đe doạ cả ba miền đất nước, bà được lãnh đạo hỏi ý kiến. Bà Nga giải thích: mấy chục năm chiến tranh, bao nhiêu người chết, người Việt dẫu sao cũng đã được thân nhân chôn cất hay cúng vái vong linh, nhưng người nước ngoài vẫn lẩn quất, vất vưởng, tất có oan hồn phá phách. Vậy phải tế lễ long trọng ở Nam Giao, ông Phiêu ông Lương phải đứng ra làm chủ tế. Kết một nỗi, nước ta là nước xã hội chủ nghĩa, đáng ta là đảng mác-xít lê-nin-nít, tổng bí thư và chủ tịch nước đứng giữa trời mà tế lễ thì cũng hơi bất tiện. Bà cũng đồng ý, nên cuối cùng các vị đã nhất trí kế hoạch hành động và mọi việc đã diễn ra theo đúng kế hoạch như đã kể trên.

Cho nên, các bạn cũng đừng trách tôi chưa thể thông báo các quyết định nhân sự về đại hội 9. Không phải vì đại hội chưa họp mà có lẽ vì các bậc thần linh chưa bàn thảo dứt điểm. Hoặc là các Ngài đã bàn xong rồi, mà chưa kịp phổ biến cho bà Tuyết Nga.

N. S. P.

đọc “Thế kỉ ngắn XX” của E. J. Hobsbawm

Thời đại của những thái cực

Nguyễn Quang

(tiếp theo số trước)

Như đã nói trên, cuộc đại biến động 1914 đã đẻ ra thế kỉ XX. Điều này càng rõ nét khi ta nhìn lại thời kì giữa hai cuộc thế chiến : sự kiện trung tâm của thời kì ngắn ngủi này là cuộc đại khủng hoảng năm 1929 và đứa con hoang của nó là chủ nghĩa phát-xít, đánh dấu sự đoạn tuyệt triệt để với thế giới liberal (hiểu theo nghĩa chính trị - kinh tế) của thế kỉ XIX.

Đại khủng hoảng

Với khoảng cách thời gian, ngày nay chúng ta có thể thấy rõ, thời kỉ 1919-1939 đúng là giờ giải lao giữa hai cuộc đại chiến. Những ai đã trải qua cuộc thế chiến 1914-1918, với kinh nghiệm về các cuộc xung đột của thế kỉ XIX, có thể nghĩ khác. Họ có thể hi vọng rằng một khi đã quét dọn xong những hoang tàn của chiến tranh, Lịch sử sẽ tiếp tục dòng chảy “bình thường” của nó, cũng như cuộc sống trở lại bình thường sau một cơn phong ba, một trận động đất. Hobsbawm mỉa mai các nhà sử học (trang 84), ông nói họ thua xa dân cá ngựa, vì họ không biết tiên đoán kết quả cuộc chạy đua, chỉ biết phân tích sau khi ngựa về tới đích (của đáng tội, các nhà kinh tế học cũng thế mà thôi). Còn chúng ta, ngồi từ thế kỉ XXI mà nhìn lại, chúng ta đã biết ba con ngựa nào đã về đâu : khủng hoảng kinh tế, chủ nghĩa phátxít, chiến tranh...

Có bao nhiêu học thuyết kinh tế thì có bấy nhiêu cách “lí giải” cuộc Đại khủng hoảng kinh tế năm 1929. “Trong sự vận hành của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa bao giờ chẳng xảy ra những trực trặc đột xuất, và những biến động dài ngắn khác nhau, có lúc rất mạnh, là thuộc tính của cung cách làm ăn [tư bản chủ nghĩa] xử lí công việc của thế giới. Các doanh nhân và các nhà kinh tế thế kỉ XIX đều biết là có những “chủ kỉ kinh tế”⁽¹⁾, tăng trưởng và suy thoái luân phiên nối tiếp nhau. [Họ] chấp nhận điều đó, như người nông dân chấp nhận thời tiết thất thường sớm nắng chiều mưa” (tr. 126), nhưng họ đâu ngờ các biến động đó có thể mạnh tới mức đe doạ cả sự tồn tại của hệ thống kinh tế. Điều ấy, chỉ có các nhà kinh tế học mác xít dám khẳng định vì họ cho rằng những chu kì nói trên chỉ là những biểu hiện trông thấy của một quá trình qua đó chủ nghĩa tư bản để ra những mâu thuẫn cuối cùng sẽ huỷ diệt nó. Xém một chút thì năm 1929 lời tiên tri của họ trở thành sự thực : cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra, “cuộc động đất toàn cầu chưa bao giờ xảy ra trên thang đo Richter của lịch sử kinh tế. Nền kinh tế tư bản dường như đang sụp đổ, [không những thế] chẳng ai biết có cách gì cứu vãn nó được” (tr. 125).

Đối với thế hệ chúng ta, thật khó nhận thức được “tính chất phô quát và sự nghiêm trọng cực kỳ của cuộc khủng hoảng đã nổ ra, như cả những người không chuyên về sử cũng biết, vào ngày 29 tháng 10 năm 1929, với cuộc phá sản tài

chính của thị trường chứng khoán New York. Chỉ một chút xíu nữa là nền kinh tế tư bản toàn cầu sụp đổ, nó như bị siết chặt trong cái vòng lẩn quẩn, mỗi chỉ số kinh tế tuột dù lại kéo theo sự xuống dốc của tất cả các chỉ số khác” (tr.130). Muốn hình dung mức nghiêm trọng của suy thoái kinh tế Bắc Mĩ, chỉ cần đưa một vài con số : trong vòng 2 năm 1929-1931, sản lượng công nghiệp giảm đi 1/3 ; doanh số của công ty khổng lồ về điện khí Westinghouse mất đi 2/3 ; sản xuất xe hơi giảm một nửa. Ở qui mô đó, sự suy thoái của kinh tế Bắc Mĩ không thể không “toàn cầu hoá” : nhờ chiến tranh, sang thập niên 1920, Hoa Kì đã vượt xa các nước và trở thành cường quốc kinh tế và tài chính số 1 trên thế giới. Chẳng hạn, năm 1929, sản lượng Hoa Kì chiếm 42 % sản lượng toàn cầu trong khi tổng sản lượng của ba cường quốc châu Âu gộp lại chưa tới 28 % – những “con số thật sự kinh hoàng” (tr. 138). Trung tâm công nghiệp thứ nhì lâm vào khủng hoảng là nước Đức mà nhược điểm là tài chính (năm 1928, riêng nước Đức đã thu hút gần một nửa tổng số vốn xuất khẩu toàn cầu, khoảng từ 20 000 đến 30 000 tỉ mark, trong đó một nửa là những khoản tiền vay ngắn hạn). Thế là từ đó, cuộc khủng hoảng trở thành toàn cầu. Nó lan sang khu vực kinh tế 1, khu vực sản xuất lương thực thực phẩm và nguyên liệu (trong các lĩnh vực này, nhiều mặt hàng sụt giá tới 2/3, thậm chí 3/4), làm chao đảo các nước sản xuất đại trà (mỗi người còn nhớ hình ảnh cà phê ế của Brasil được dùng thay than chạy đầu máy xe lửa).

Chúng ta đã sống qua thập niên 80, biết thế nào là kinh tế trì trệ và thất nghiệp triền miên, song cũng khó mường tượng cuộc khủng hoảng 1929 đã gây chấn thương như thế nào đối với “tất cả những người hoàn toàn không có hoặc không kiểm soát được các phương tiện sản xuất [người nông dân chẳng hạn còn nắm được phương tiện sản xuất], nghĩa là thành phần những người sống bằng đồng lương, [họ phải gánh chịu] hậu quả đầu tiên [của cuộc khủng hoảng] là nạn thất nghiệp qui mô chưa từng có và kéo dài quá mức dự đoán [ở phương Tây, cao điểm từ 25 đến 30 %, riêng ở Đức lên tới 44 %]. Tình trạng còn nguy kịch hơn nữa vì chế độ an sinh xã hội (trong đó có trợ cấp cho người thất nghiệp) hoặc có gì cả (như ở Mĩ) hoặc không thấm vào đâu so với tiêu chí cuối thế kỉ XX, nhất là đối với những người thất nghiệp dài hạn” (tr. 133). Ngoài hình ảnh cà phê đốt lò xe lửa, kí ức tập thể về những năm tháng đen tối này còn ghi khắc hình ảnh những cuộc “tuần hành đói” và hình ảnh phát chấn xúp cho người thất nghiệp.

Nhưng đối với một sử gia như Hobsbawm chủ tâm truy tìm sự nhất quán của những “trào lưu lớn” thì trong “sự kiện chấn động nhất của lịch sử chủ nghĩa tư bản”, điều quan yếu cần ghi nhớ là hệ quả lâu dài của nó trên ý thức hệ kinh tế. Nói gọn một câu, **cuộc đại khủng hoảng đã triệt tiêu chủ nghĩa liberal kinh tế của thế kỉ XIX** đã phủ định những ý niệm đơn giản (nếu không nói là quá giản đơn⁽²⁾) đã được dùng làm nền tảng tư tưởng cho giai đoạn phát triển của Tư bản (1948-1875) và của các Đế quốc (1875-1914) : mậu dịch tự do, qui luật thị trường, Nhà nước không can thiệp vào kinh tế... nghĩa là những dụng cụ hàng hải truyền thống có thể rất phù hợp với các bản đồ thế giới của thế kỉ XIX, nhưng các bản đồ này nay đã quá lỗi thời. “Ấn tượng đại họa, mất phương hướng do

cuộc khủng hoảng gây ra cho các doanh nhân, các nhà kinh tế học và các nhà chính trị, có lẽ còn sâu sắc hơn so với đại chúng (...) Giới nắm quyền kinh tế lâm vào một tình trạng bi đát chính vì họ không thấy có một giải pháp khả dĩ nào trong khuôn khổ nền kinh tế liberal cũ (...). Sự lưỡng đoạn của các đại công ti làm cho từ ngữ “cạnh tranh hoàn hảo” trở thành hoàn toàn vô nghĩa, thử hỏi còn gì là “kinh tế thị trường” nữa ? Chẳng cần phải đọc Marx, chẳng cần là người marxit, cũng nhận ra rằng chủ nghĩa tư bản của giai đoạn giữa hai cuộc thế chiến khác xa nền kinh tế cạnh tranh của thế kỉ XIX” (tr. 134-146). Để tránh khỏi nguy cơ bùng nổ, chính quyền các nước Tây phương đã buộc phải cấp tốc “đặt nặng những vấn đề xã hội, thay vì những vấn đề kinh tế, trong việc hoạch định chính sách chính thức”, đề ra những biện pháp đánh dấu sự đoạn tuyệt với thế kỉ XIX (phân lớn những biện pháp này đều tỏ ra vô hiệu, nhưng đây lại là chuyện khác) : từ bỏ nguyên tắc tự do mậu dịch (Hobsbawm nói mỉa : đối với quan niệm kinh tế của nước Anh, nguyên tắc này cũng “thiêng liêng” như Hiến pháp trong đời sống chính trị Hoa Kì), thiết lập hàng rào quan thuế, chính sách trợ cấp nông nghiệp... Trong khi chờ đợi Keynes...

Thời kì bản lề này đã được Hobsbawm tóm tắt như sau : “Cánh quan những năm 1929-1933 cũng ví như một cái canyon (hẻm núi) cắt ngang địa hình lịch sử : không thể có, không thể nào mơ tưởng tới một sự quay lại tình thế 1913. Chủ nghĩa liberal kiểu cũ đã chết rồi, hoặc vô phương cứu chữa. Trên bầu trời chính trị và trí thức, từ nay chỉ còn sự lựa chọn giữa ba hướng đi. Hướng thứ nhất là chủ nghĩa cộng sản marxit [đối với thế giới tu bản, sự “miễn dịch” của Liên Xô trong cuộc khủng hoảng kinh tế là cả một sự thách đố]. Hướng thứ hai là một thứ chủ nghĩa tư bản không còn tin tưởng vào tính tối ưu của thị trường, chính thức kết hôn “vì quyền lợi” hay bắt bồ, sống chung không giá thú⁽³⁾ với xu hướng dân chủ xã hội ôn hòa của phong trào công nhân không cộng sản [sau Thế chiến lần thứ hai, hướng đi này tỏ ra có hiệu quả nhất, điều này chúng tôi xin trả lại trong một phần sau]. Hướng thứ ba và cuối cùng : chủ nghĩa phatxit” (tr. 150).

Chủ nghĩa phatxit và sự sụp đổ của chủ nghĩa liberal

Như đã nói trên, cuộc Đại khủng hoảng đã đánh dấu sự đoạn tuyệt vĩnh viễn với thế kỉ XIX. Đối với Hobsbawm, nó còn biểu thị sự “sụp đổ của chủ nghĩa liberal”, nghĩa là của tư tưởng liberal thế kỉ XIX : về mặt kinh tế, như đã trình bày ở trên ; về mặt xã hội, sẽ trình bày ở một phần dưới ; về mặt chính trị, đó là sự di lên của chủ nghĩa phatxit. “Trong tất cả những sự kiện đánh dấu Thời đại của những tai họa [mà cuộc chiến tranh 1914 đã mở màn] thì cái làm cho những ai đã sống bắt đầu từ thế kỉ XIX bị chấn thương nhất có lẽ là sự đổ vỡ của những giá trị và những định chế của nền văn minh liberal. Trong các giá trị ấy, có sự ngại mọi chế độ độc tài và mọi quyền lực tuyệt đối ; có sự gắn bó với chế độ hiến định có chính phủ và những nghị viện do những cuộc tuyển cử tự do lập ra, bảo đảm cho Nhà nước pháp quyền ; có một loạt các quyền và các tự do dân sự đã được thừa nhận, trong đó có tự do ngôn luận, tự do báo chí xuất bản và tự do hội họp. Lí trí, thảo luận công khai, giáo dục, khoa học và khả năng cải thiện

cuộc sống con người (...), đó là những giá trị tưởng như phải là nền tảng tinh thần cho Nhà nước và xã hội (...). [Thế mà] trong vòng 20 năm trời, từ cuộc Tiến về Roma của Mussolini (năm 1921) đến cực điểm thắng lợi của phe Trục trong Thế chiến lần thứ nhì, người ta đã chứng kiến sự suy vong mỗi lúc một nhanh, càng ngày càng thảm khốc của các cơ chế chính trị liberal” (tr. 154-155).

Không thể hiểu được chủ nghĩa phatxit⁽⁴⁾ nếu trước tiên ta không liên hệ nó với một khuynh hướng cố hữu của phái hữu bảo thủ là phái, ngay từ đầu, đã chống lại triết học Ánh Sáng. “[Song] cũng phải giải thích tại sao, sau Thế chiến lần thứ nhất, dưới dạng phatxit, lực lượng phản động phái hữu đã giành được những thắng lợi quyết định như vậy. Ngay từ trước 1914, đã có những phong trào cực đoan của phái cực hữu (...). Sau khi chiến tranh kết thúc, các phong trào này đã gặp thời vận thuận lợi, đó là sự cáo chung của các chế độ cũ, và cùng với các chế độ ấy, là sự sụp đổ của các giai cấp lãnh đạo, của bộ máy cầm quyền, của mạng lưới ảnh hưởng và vị trí bá quyền của các giai cấp này” (tr. 174-175).

Danh từ “phatxit” thường được dùng để gọi toàn bộ các phong trào chính trị, bắt đầu là tổ chức *Fasci italiani* ở Ý (Mussolini, 1921), rồi tới tổ chức quốc-xã Đức (Hitler, 1933), từ đó đã khích động và ủng hộ các lực lượng chống liberal khác, mang lại cho phái hữu quốc tế một diện mạo lịch sử vững chãi đến mức, trong những năm 1930, tưởng như nó sẽ chiếm ngự tương lai nhân loại.

Có thể nêu ra mấy đặc tính chung : chối bỏ các định chế chính trị liberal ; dựa vào những lực lượng vũ bão (quân đội, công an, dân vệ) để thi hành quyền lực bằng hình thức cuồng bức ; chống lại cách mạng xã hội, nghĩa là chống lại cả chủ nghĩa bônsêvich lẫn chủ nghĩa xã hội dân chủ (hai tiếng “xã hội” trong cái tên “quốc gia - xã hội” chỉ là một sự treo đầu dê bán thịt chó) ; chủ nghĩa quốc gia... Đại để có thể tóm tắt như vậy, không chính xác cho lắm, nhưng cũng tạm tạm, vì thật ra rất khó xác định học thuyết của những phong trào mà lí luận không phải là mặt mạnh, nhất là các phong trào này lại nhấn mạnh tới các nhược điểm của lí trí, của chủ nghĩa duy lí để đề cao sự ưu việt của bản năng và ý chí (đó là không nói tới những cuồng tín về chủng tộc aryen, những hoang tưởng theo kiểu Wagner là đặc trưng của chủ nghĩa nazi Đức). Tuy nhiên, theo Hobsbawm, cũng cần nhấn mạnh sự khác biệt chủ yếu giữa phái hữu phatxit và phái hữu không phatxit : khác hẳn các phong trào phản động truyền thống, chủ nghĩa phatxit “nằm trong thời đại của đời sống chính trị dân chủ, nghĩa là nó đã động viên được quần chúng (ở Nuremberg hay Piazza Venezia), dù chỉ để trao hết quyền lực cho lãnh tụ ‘cứu tinh’ (Führer hay Duce)”.

Nếu không có cuộc đại khủng hoảng, liệu chủ nghĩa phatxit có thể lớn mạnh như vậy trong lịch sử thế giới không ? Có lẽ không. “Một mình Italia không phải là căn cứ địa hứa hẹn để từ đó lay chuyển cả thế giới”. Thế giới chỉ thực sự bị rung chuyển khi cuộc khủng hoảng đưa Hitler lên nắm quyền ở Đức “tức là một quốc gia mà tầm cỡ, tiềm lực kinh tế và quân sự, vị trí địa lý đã cho nó một vai trò quan trọng ở châu Âu, bất luận dưới một dạng thức chính quyền nào” (tr.180).

Trong điều kiện nào đảng nazi đã nắm được chính quyền ở nước Đức khủng hoảng ? Hobsbawm tóm tắt như sau : “ *Điều kiện tối ưu để phái hữu cuồng tín thắng lợi là một bộ máy Nhà nước già cỗi, với những cơ cấu chính quyền không còn vận hành được nữa : quần chúng công dân chán ngán, mất phương hướng và bất mãn, không còn biết trông cậy vào ai ; các phong trào xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ thì doạ dâm, hoặc có vẻ doạ dâm, muốn làm cách mạng xã hội mà thực ra không có đủ thế lực ; và tâm lí quốc gia chủ nghĩa bùng lên, oán hận các hoà ước 1918-1920* ” (tr.175-6).

Ở đây, cũng cần nhanh chóng gạt bỏ một số luận điểm không mấy vững chắc về chủ nghĩa phatxit :

* luận điểm thứ nhất (của chính xu hướng phatxit) nguy tạo ra một “ *cuộc cách mạng phatxit* ” vào thập niên 1930. Vẫn biết “ *trong các phong trào phatxit, có những nhân tố của phong trào cách mạng, trong chừng mực là chúng đã tập hợp được những người khát khao biến đổi xã hội một cách triệt để, thường khi có cả một chiêu kích khá quan trọng chống tư bản và tài phiệt* ” (tr. 177). Nhưng ở Italia và Đức, hai căn cứ thực sự của nó, thử hỏi chủ nghĩa phatxit đã đạt được những thành tựu gì trước ngày Thế chiến bùng nổ ? Ở Italia, sau khi đã làm thành luỹ chống lại các hoạt động cách mạng sau 1918, phatxit đã nhanh chóng trở thành một chính thể phục vụ quyền lợi của các giai cấp thống trị cũ. Ở Đức, chủ nghĩa quốc-xã đã tiến hành “ *thành công* ” cuộc thanh trùng tận diệt giới thượng lưu và những cơ cấu đế chế cũ, đã thực hiện một phần cương lĩnh xã hội (chế độ nghỉ hè, phát triển thể thao, sản xuất xe hơi “ *bọ rùa* ” Volkswagen (“ xe nhân dân ”), và nhất là đã chấm dứt nạn thất nghiệp ⁽⁵⁾...). “ *Nhưng chế độ quốc xã thực ra là một chế độ cũ đã được cải biến và đổi mới chút không phải là một chế độ mới lạ về cơ bản* ” (tr.177).

* luận điểm thứ nhì (của chủ nghĩa macxit Liên Xô chính thống) coi chủ nghĩa phatxit là biểu hiện của “ *chủ nghĩa tư bản độc quyền* ”. Có điều, như Hobsbawm nói châm biếm, “ *giới đại tư bản – thật sự là đại tư bản – sẵn sàng làm ăn với bất cứ chế độ nào không tìm cách truất hưu tài sản của nó* ⁽⁶⁾, và chế độ nào cũng lại làm ăn với nó (...). So với các chính thể khác, phatxit có những ưu điểm lớn [đối với giới tư bản]. Một là, nó đã tiêu diệt hay đập tan cuộc cách mạng xã hội phái tả, và trong thực tế nó làm thành luỹ chống lại cách mạng. Hai là, nó đã loại trừ các công đoàn và phá bỏ mọi sự kiêm chế trong việc quản lý nhân viên của giới chủ. Sự thật là cái nguyên tắc mà phatxit tôn vinh, “ *nguyên tắc thủ lĩnh* ”, cũng ăn khớp với sự ứng xử của giới chủ và cán bộ cầm đầu xí nghiệp đối với người công sự, chủ nghĩa phatxit chỉ mang lại cho nó một sự biện minh nặng kí mà thôi. Ba là, sự huỷ diệt phong trào công nhân đã góp phần làm cho các doanh nghiệp tìm ra lối thoát thuận lợi trong cuộc khủng hoảng ” (tr.179).

* luận điểm thứ ba (mới đây) đánh đồng phatxit và cộng sản, bỏ chung cả hai chủ nghĩa vào rọ “ *toàn trị* ”. Ở đây chúng tôi không trở lại cuộc luận chiến này ⁽⁷⁾ mà chỉ, như Hobsbawm, tố cáo tính “ *bất chính* ” của sự đồng hoá này. Những tương đồng bề ngoài – ngôn từ, bộ máy, kĩ thuật cai trị – không thể nào che lấp một điều : đó là hai hệ tư tưởng đối kháng, không thể rút gọn cái nọ thành cái kia được. Trước tiên

cũng cần minh xác một vấn đề từ ngữ. Là người của thế kỷ XXI, chúng ta nên phân biệt chủ nghĩa macxit-leninit (đã chết) với chủ nghĩa xã hội macxit (còn sống), mà trong những năm khủng hoảng, phái hữu phản dân chủ đã đánh đồng hai cái. Các giai cấp trung lưu và tư sản (là hai giai cấp đã cung cấp phần lớn người trong hàng ngũ phatxit) “ *đã chọn lựa con đường chính trị theo phán xạ hoảng sợ của họ (...). Sự phản kích của phái hữu không phải chỉ nhắm phong trào bônsêvich mà chống lại tất cả các phong trào (trong đó có giai cấp công nhân có tổ chức) để doạ trật tự xã hội hiện hữu (...). Trong một giai đoạn xã hội đảo điên, không có một đường ranh phân biệt rõ rệt [những người xã hội chủ nghĩa với] những người bôn sê vich* ” (tr. 173-4). Xin khép ngoặc vấn đề danh từ.

Trở lại “ *tình huống chính trị khác thường* ” mà Eric J. Hobsbawm đã lưu ý : mặt trận liên minh giữa Liên Xô và các chế độ dân chủ phương Tây chống lại chủ nghĩa phatxit (từ 1933 đến 1945 ⁽⁸⁾). Trong thời kì chiến tranh lạnh, bộ máy tuyên truyền chống cộng gần như đã làm người ta quên hẳn một cuộc thăm dò dư luận Mĩ năm 1939 : được hỏi trong trường hợp có chiến tranh Xô-Đức, 83 % người Mĩ trả lời là họ mong Liên Xô chiến thắng ! Thật đáng kinh ngạc nếu ta nhớ rằng đó là thời điểm kinh khủng nhất của chế độ độc tài Stalin... Phải chăng là trong cuộc chiến tranh lúc đó đang ló dạng, “ *đường phản tuyến không tách bạch chủ nghĩa tư bản và cuộc cách mạng xã hội cộng sản, mà ly cách hai gia đình ý thức hệ : một bên là những hậu duệ của Thế kỉ Khai sáng, của các cuộc đại cách mạng trong đó hiển nhiên có cách mạng Nga, và bên kia, [những kẻ ngạo mạn và ngô ngược chủ trương] một thế giới xây dựng trên sự lật đổ nền văn minh* ” (tt. 97 & 204).

NGUYỄN QUANG

(bản dịch của Kiến Văn)

Kỳ sau : THỜI ĐẠI HOÀNG KIM / THẾ GIỚI THỨ BA / MẶT KỈ

(1) Đó là những chu kì mà sách vở kinh tế học gọi là “ *Chu kì Kondra-tiev* ”, theo tên nhà kinh tế học Nga, người đầu tiên, trong những năm 1920, đã phát hiện qua những số liệu thống kê về giá cả (sau đó, Kondratiev cũng là một trong những nạn nhân đầu tiên của Stalin).

(2) Quá giản đơn, nhưng vẫn dai dẳng, bằng chứng là chúng đã được đầu thai trở lại vào thập niên 1980. Từ 15 năm nay, chính cái “ *tư duy duy nhất* ” này đã ngự trị trên hoàn cầu.

(3) Nói theo ngôn ngữ hiện nay của đời sống xã hội Pháp, có thể gọi là sống theo PACS (Pacte civil de solidarité / Định ước dân sự liên đới), liên kết quyền lợi và nhiệm vụ của những lứa đôi (đối tính hay đồng tính) sống chung không hôn thú.

(4) Khó hiểu không kém là sự phân biệt tả/hữu, nhất là đối với một người không sống ở phương Tây. Những năm đầu ở Pháp, kẻ viết bài này tưởng rằng trong đời sống chính trị, có hai phe : phe “ *nhan bǎn* ” (kiểu Victor Hugo trong *Những kẻ khốn cùng*) và phe “ *bên kia* ”.

(5) Jörg Haider (cục hữu Áo) đã công khai ca ngợi chế độ quốc xã với thành tích này.

(6) Các công ty Ford và IBM đã tiếp tục làm ăn với nazi. Xem *IBM et l'Holocauste* vừa xuất bản của E. Black (nxb. R. Laffont).

(7) Xem bài về *Sách đen của chủ nghĩa cộng sản* (ĐĐ số 76, 7.98).

(8) Nếu để sang một bên bản hiệp ước Xô-Đức năm 1939, ván bài poker ngắn ngày giữa hai tên độc tài.

HỒI KÍ TRẦN ĐỘ

Vừa qua, Nhà xuất bản Văn Nghệ (P.O. Box 2301, WESTMINSTER, CA 92683, Hoa Kỳ) đã ấn hành cuốn hồi ký của tướng Trần Độ : *ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHUA TRỌN* (314 trang, với *Vài lời giới thiệu* của Nguyễn Minh Cẩn, giá bán tại Mĩ : 14 USD, ngoài Mĩ : 17 USD). Thực ra, đây là phần II của tập hồi ký nhan đề *CHUYỆN NGÀY XƯA*, với phần I mang tựa đề *NHỮNG NĂM THÁNG SÔI NỔI*.

Trong lời giới thiệu, nhà xuất bản cho biết đã nhận được phần II trước và khi lên khuôn gần xong mới nhận được phần I, nên dành quyết định phát hành phần II như một tập riêng.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và trước khi vào Nam chiến đấu, trong một số tác phẩm, Trần Độ đã kể lại thời thanh niên hoạt động cách mạng và thời kháng chiến. Tập hồi ký mới này kể lại 10 năm chiến đấu ở miền Nam (phần I), và những năm 1975-1991 (phần II) trong đó hai lần ông phụ trách Ban văn hóa văn nghệ Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, cả hai lần đều kết thúc bằng sự cách chức vì lồng léo, lệch hướng. Mọi người đều biết đóng góp tích cực của ông đặc biệt ở giai đoạn 1986-88 trong việc cải trùi văn nghệ.

Điển Đàm đã nhận được sao ảnh bản thảo tập hồi ký Trần Độ từ cuối năm 1999, song không công bố vì tôn trọng ý muốn của tác giả lúc đó chưa muốn xuất bản. Nay phần II đã được phát hành ở Mĩ, chúng tôi có thể chứng thực tính trung thực của án bản này.

Dưới đây, chúng tôi trích đăng một phần chương II (Đại hội V) của tập hồi ký, trong đó tác giả kể lại trong hoàn cảnh nào, ông đã bị Lê Đức Thọ loại ra khỏi công tác văn hóa văn nghệ, nhưng ông Thọ lại thất bại trong việc đưa Trần Độ ra khỏi Trung ương tại Đại hội V của Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1982).

Tôi bước chân đến cổng 4 Nguyễn Cảnh Chân, đồng chí thường trực quen biết tôi chạy ra mời đón đả : Các anh đến đủ cả rồi, mời anh vào.

- Các anh nào nhỉ ?

Tôi bước vào thì ô, lạ chưa ? Toàn là các khuôn mặt quen thuộc cả, đầy đủ toàn bộ các vị trong ban cán sự Bộ văn hóa mà tôi là Bí thư : Nguyễn Văn Hiếu, Hà Xuân Trường, Cù Huy Cận, Lê Thành Công, Nông Quốc Chẩn, Mai Vi... Rõ ràng đây là một cuộc họp Ban cán sự mà tôi không hề biết... Tôi im lặng bước vào phòng, không chào hỏi ai, không bắt tay ai, cố gắng giữ vẻ bình tĩnh, tìm một chỗ ngồi ở cạnh cửa sổ. Ở Bộ văn hóa, mỗi lần có những cuộc họp gồm những nhân vật này, bao giờ tôi cũng ngồi ghế chủ trì, và những người vây quanh tôi bao giờ cũng vui vẻ, niềm nở.

Còn bây giờ mọi người nhìn tôi bằng những cặp mắt khác. Thì ra thời thế đổi thay thì nhân tình thế thái cũng đổi thay. Trong lúc tôi đang cố đoán xem ai đứng ra triệu tập cuộc họp này và mục đích cuộc họp là gì thì một cán bộ trong Ban tổ chức từ phòng bên bước ra vui vẻ nói :

- Xin các anh chờ cho ít phút nữa, anh Thọ đang có tí việc mắng bận.

Thì ra người chủ trì cuộc họp hôm nay là ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban tổ chức – Lê Đức Thọ.

Té ra người ta triệu tập một cuộc họp Ban cán sự của một Bộ mà Bí thư của Ban cán sự ấy không được biết.

Nói là chờ ít phút nhưng cũng phải đến nửa tiếng. Mỗi người cầm trong tay một chén nước để trước mặt nhưng hầu như không ai uống. Họ ngồi gần nhau, thỉnh thoảng rỉ tai nhau một chuyện gì đó, cặp mắt hướng về chiếc cửa thông sang buồng bên, nơi trưởng ban tổ chức xuất hiện.

Hầu như ai cũng muốn mình là người đầu tiên được nhìn thấy Trưởng ban tổ chức Trung ương bước vào phòng.

Và cuối cùng thì Lê Đức Thọ bước vào phòng họp, dáng đi nhanh nhẹn, nụ cười mở rộng trên môi. Phải nói là anh Thọ có nụ cười khá hiền hậu cộng với cách ăn mặc giản dị làm cho người ta ngay cái phút đầu tiên cảm thấy dễ gần gũi. Không ai nghĩ rằng, đằng sau nụ cười ấy, bên trong sự giản dị ấy là một con người quyền uy, nắm trong tay sinh mệnh chính trị của hàng triệu cán bộ đảng viên.

Khi anh Thọ bước vào, tất cả đều đứng dậy. Riêng tôi vẫn ngồi yên. Làm sao mà phải thế. Động tác này chỉ có thể dành cho Bác Hồ, hoặc chí ít là Tổng Bí thư. Hà Xuân Trường chạy đến bắt tay trước, rồi dẫn anh Thọ đi một vòng bắt tay từng người.

Khi đến gần tôi, tôi mới đứng dậy, anh Thọ bắt tay tôi và hỏi vui :

– Thế nào, người bạn tù Sơn La của tôi dạo này có khỏe không ?

Tôi vui vẻ đáp lại :

– Khoẻ lắm !

Đối với tôi, anh Thọ là một người có nhiều kỷ niệm tốt đẹp nhưng cũng có những tình cảm trái ngược nhau, mà bản thân tôi chưa phân tích một cách rõ ràng được. Về cơ bản mà nói, tôi phục và quý mến anh Thọ. Cho đến nay, khi tôi viết những dòng này, tình cảm quý mến vẫn hâu như nguyên vẹn, mặc dầu ở phần dưới đây, tôi sẽ kể lại toàn bộ sự việc Trường ban tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ không muốn tôi tiếp tục ở Trung ương khóa V như thế nào.

Thực ra ngay trước Đại hội V tôi đã nghe nói nhiều về quyền hành của Lê Đức Thọ, về sự bất bình của người này người khác khi bị Lê Đức Thọ đối xử thế này thế khác nhưng tôi thì vẫn giữ nguyên những tình cảm quý mến anh, bởi tôi cho rằng những điều tiếng này họ đối với anh Thọ là khó tránh khỏi khi anh ở cương vị một người phụ trách công tác tổ chức – một công tác cực kỳ phức tạp, liên quan đến sự tồn vong của một Đảng, động chạm đến quyền lợi sống còn đối với nhiều người. Nếu không có quan điểm toàn cục, khách quan thì sẽ sinh ra oán trách khi sự phân công bổ nhiệm không vừa ý mình.

Mà việc này thì làm sao tránh được.

Tôi biết anh Thọ vẫn thường quan tâm đến tôi. Gần đây khi nằm điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy, có cô cháu gái về dâng vợ anh Thọ là bác sĩ ở đó, kể cho tôi nghe câu chuyện chiếc áo anh Thọ mang từ Paris về, một số người trong gia đình muốn xin anh cũng không cho. Anh bảo : Cái này để làm quà cho thằng Độ. Cô bác sĩ ấy nói : “ *Cháu không hiểu do đâu mà Bác Thọ cưng chú đến thế* ”. Tôi kể cho cô bác sĩ ấy biết rằng tôi và anh Thọ quen nhau ở nhà tù Sơn La từ năm 1942, đã trải qua những ngày gian khổ sống chết có nhau : Đạo đó, tôi là một thanh niên hăng hái, mới 18 tuổi, trẻ đẹp có học thức. Anh Thọ là người kết nạp tôi vào Đảng...

Cũng như năm 1945, sau Cách Mạng tháng 8, anh Thọ gọi tôi lên bảo :

– Bây giờ có hai việc, cậu tự chọn lấy, một là làm Chủ tịch tỉnh Phúc Yên. Hai là về Hà Nội làm lính chiến đấu.

Và tôi đã chọn cuộc đời làm lính, rồi sau đó trở thành Chính ủy đầu tiên của Mặt trận Hà Nội. Tiếp đó làm lính suốt 30 năm trời.

Cuộc họp hôm nay, chính người kết nạp tôi vào Đảng cách đây 35 năm, chủ trì kiểm điểm tôi, một cách làm đã trở thành quen thuộc của cơ quan tổ chức, nhằm mục đích

hợp lý hóa một vấn đề nhân sự.

Khi mọi người đã ngồi yên chỗ, anh Thọ tuyên bố lý do cuộc họp ngay, không rào đón gì cả :

– Hôm nay tôi mời các đồng chí trong Ban cán sự Bộ Văn hóa lên để tiến hành việc kiểm điểm đồng chí Trần Độ.

Trong lúc tôi đang bị bất ngờ trước lời tuyên bố của anh Thọ thì anh Thọ vẫn tiếp tục bằng cái giọng đều đặn :

– Tôi biết các đồng chí trong ban cán sự cũng đã họp, đã kiểm điểm đồng chí Độ rồi, nhưng gần đây có nhiều dư luận về đồng chí Độ, trong đó có những vấn đề thuộc về quan điểm, phong cách nên tôi mời các đồng chí lên đây, tôi sẽ trực tiếp chủ trì để cuộc kiểm điểm đạt kết quả tốt.

Ông Lê Đức Thọ vừa dứt lời thì Hà Xuân Trường với quyền số đã cầm sẵn trên tay từ bao giờ :

– Tôi xin có ý kiến !

Thế là ông ta mở sổ ra, mắt thì nhìn vào sổ, tay thì vung lên nói luônl. Xem ra Hà Xuân Trường đã chuẩn bị rất kỹ và chờ đợi từ lâu cái giờ phút này.

Tôi nhớ hôm đó Hà Xuân Trường phát biểu khá dài, nhưng mạch lạc, từng điểm rõ ràng, có phân tích... Chứng tỏ bài phát biểu chuẩn bị khá công phu. Đặc biệt phần lên án khá nặng nề, nâng lên thành quan điểm hàn hoi, cùng với những dẫn chứng rất cụ thể. Ví dụ : khi lên án Trần Độ có quan điểm sai lầm nghiêm trọng, nhất là muốn tách văn nghệ khỏi chính trị. Ông ấy dẫn chứng những câu tôi viết trong bài nào, những lời tôi nói trong cuộc nói chuyện hay hội nghị nào. Thậm chí có những câu, những lời bản thân tôi không còn nhớ tôi đã viết ở đâu, đã nói ở chỗ nào. Vì tôi viết khá nhiều, đi nói chuyện cũng khá nhiều và đọc diễn văn cũng khá nhiều. Chỉ biết rằng nói chuyện ở đâu, đọc diễn văn ở đâu tôi cũng đều được hoan nghênh.

Bây giờ Hà Xuân Trường đem trích ra từng câu, từng chữ ở nơi này, nơi khác trong một mạch văn có trước có sau, có thuận có nghịch... để đi đến kết luận : Là người lãnh đạo văn nghệ mà không giữ vững lập trường quan điểm của Đảng như đồng chí Trần Độ thì sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Tôi nhớ Hà Xuân Trường còn cho những lời phát biểu của tôi về vấn đề tự do sáng tác trong văn nghệ rất gần với quan điểm của Garaudy, người đang bị Đảng Cộng sản Pháp và các nước xã hội chủ nghĩa lên án.

Hà Xuân Trường vẫn tiếp tục phát biểu say sưa, hết quan điểm thứ nhất đến quan điểm thứ hai, thứ ba, quan điểm nào cũng đi đến kết luận là Trần Độ thường có những biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, thậm chí có đôi lúc chế giễu sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa văn nghệ, như cho Ban Tuyên huấn của Đảng chỉ thích làm nhiệm vụ một người lính gác cần mẫn, chỉ nhăm nhăm gọt đâu cắt đuôi các tác phẩm văn nghệ, để cuối cùng còn hai chữ lập trường rồi hoan hỷ coi như hoàn thành nhiệm vụ...

Chưa hết, bản “ tham luận ” của Hà Xuân Trường còn phê phán Trần Độ về chuyện tóc tai, quần áo, nếp sống, thẩm mỹ. Chẳng là vừa qua tôi cũng thường hay phát biểu

các vấn đề này và rõ ràng là tôi không tán thành việc phê phán quần loe, tóc dài là mất lập trường, là kém đạo đức. Tôi nói : Bác sĩ Tôn Thất Tùng có bộ tóc rất dài, nhưng ai dám bảo Tôn Thất Tùng là kém đạo đức. Mà ngược lại đó là một con người làm việc rất giỏi, được phong là anh hùng lao động. Nhưng có những tên tướng cướp hàn hoi tóc lại cắt rất ngắn, thậm chí có đứa để đầu trọc, thì lại là thằng có đạo đức hay sao...

Vấn đề quần loe, tóc dài một thời đã sôi nổi trong cuộc sống đời thường của đất nước và tồn tại bao thời gian để xử lý nó. Người ta không những lên án nó trong các cuộc họp, trong Nghị quyết, mà còn tổ chức những đội thanh niên cờ đỏ chặn đường cắt tóc, cắt quần khách qua đường...

Cho đến hôm nay, nhìn lại, ta cảm thấy buồn và có pha chút thương hại cho một thời ấy trĩ. Đau lòng hơn khi ta nghĩ đến việc một số người nào đó tưởng mình có quyền lực trong tay, muốn cả một cộng đồng phải sống theo một khuôn mẫu theo ý riêng mình.

Bây giờ ai muốn mặc quần loe, loe mươi lăm, hai mươi phân chử loe ba mươi phân, bốn mươi phân cũng mặc, nếu anh muốn, và cho như thế là đẹp. Tóc cũng vậy, nếu anh muốn thì cứ để quá gáy, hoặc dài hơn cũng tùy anh.

Điều quan trọng là anh có được xã hội công nhận hay không.

Người phát biểu thứ hai là anh Nguyễn Văn Hiếu. Từ ngày về Bộ văn hóa, tôi và anh Hiếu luôn có mối quan hệ thân tình và hiểu biết lẫn nhau. Anh Hiếu là Bộ trưởng, tôi là Thứ trưởng. Về chính quyền tôi là cấp dưới của anh, nhưng là Bí thư Ban cán sự, nên tôi được anh Hiếu luôn tỏ ra tôn trọng. Tôi biết đây trước hết là sự tôn trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng. Để đáp ứng lại, tôi cũng luôn luôn tôn trọng những ý kiến của Bộ trưởng, không bao giờ áp đặt, kể cả trong công tác cán bộ. Vì vậy mà khi thấy anh Hiếu giơ tay phát biểu trong một cuộc họp mà chủ đề là để kiểm điểm tôi, thực lòng tôi không thể đoán biết được anh Hiếu sẽ phát biểu như thế nào. Phải chăng đây là lúc có thể nói thẳng ra nhiều điều cần nói.

Khác với của anh Hà Xuân Trường, anh Hiếu nói từ tốn, điềm đạm, nhưng rất chân thành. Anh nói :

– Ban cán sự chúng tôi cũng thường họp để kiểm điểm lẫn nhau. Nhưng cũng xin nói thật là những cuộc họp như thế chúng tôi chưa nói hết được những ý kiến của mình, tuy đôi lúc cũng muốn góp ý với anh Độ ý này ý khác, nhưng vì anh Độ là Bí thư, thường chủ trì các cuộc họp nên chúng tôi cũng ngại nói. Vả lại thực ra anh Độ sống với chúng tôi, làm việc với chúng tôi rất tốt, rất chân thành và biết tôn trọng lẫn nhau. Anh am hiểu sâu sắc nhiều vấn đề văn hóa và thường có những ý kiến sắc sảo, có những chủ trương sáng tạo, mạnh dạn, được nhiều người, nhất là lớp trẻ trong các giới văn học nghệ thuật hoan nghênh, ủng hộ. Cho nên có thể nói trong Ban cán sự, trong lãnh đạo Bộ không có vấn đề gì căng thẳng và nghiêm trọng cả.

Giọng anh Hiếu toát lên một vẻ rất chân thành. Mắt anh nhìn bao quát cả phòng họp. Tôi ngồi nghe và cảm thấy

càng quý mến anh nhiều hơn.

Tuy nhiên, do đây là một cuộc họp kiểm điểm có mục đích cụ thể, mà lại do người có uy quyền nhất trong Đảng chủ trì, nên anh cũng không thể không có một số ý kiến tỏ ra nghiêm khắc đối với người bị kiểm điểm. Tôi nghĩ như thế nên không hề ngạc nhiên hoặc phật lòng khi nghe anh nói : “ Anh Độ có nhược điểm là hơi thiên về cảm tình, rộng rãi, độ lượng, đôi khi quá thoái mái làm cho công tác lãnh đạo có lúc chưa được nghiêm ”.

Sau anh Hiếu là anh Nông Quốc Chẩn, thứ trưởng Bộ văn hóa. Tôi nhớ anh Chẩn phát biểu có hai ý : “ Thứ nhất là đối với anh Độ thì chúng tôi rất kính trọng vì quá trình tham gia cách mạng lâu, có nhiều cống hiến trước cách mạng cũng như trong Quân đội ”. Nhưng lại có ý kiến thứ hai là : “ Chúng tôi chỉ phục thôi chứ chưa thật mến, vì phong cách của anh quá rộng rãi, khoan dung làm cho chúng tôi gặp khó khăn trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình... ”

Như vậy là cả anh Hiếu – Bộ trưởng – lẫn anh Chẩn – Thứ trưởng – không có phê phán về quan điểm, đường lối như Hà Xuân Trường.

Không khí đang hời chừng lại thì đến lượt anh Cù Huy Cận, cũng là Thứ trưởng phát biểu ý kiến. Anh nói giọng khu bốn, sôi nổi, rất tự nhiên. Cũng như anh Hiếu và anh Chẩn, anh Cận không có sổ tay chuẩn bị trước gì cả mà chỉ nói vo như trong một buổi gặp mặt nói chuyện bình thường. Anh nói : “ Anh Độ mới về lĩnh vực văn hóa văn nghệ nhưng nắm bắt vấn đề rất nhanh, rất sâu do anh rất chịu khó học tập, nghiên cứu đặc biệt là rất say mê. Tôi thấy là người lãnh đạo phải như thế, chứ không thể cứ chung chung lĩnh vực nào cũng phán được nhưng lĩnh vực nào cũng chỉ lướt qua dăm câu, ba điều. Tôi đã nhiều lần nghe anh Độ phát biểu và lần nào tôi cũng học thêm được một điều gì mới mẻ. Điều này làm cho tôi vừa ngạc nhiên, vừa thú vị, bởi lúc đầu được tin anh Độ sẽ sang lãnh đạo văn hóa văn nghệ tôi đã nghĩ bụng : không hiểu rồi ông Trung tướng từng xông pha trăm trận này sẽ làm ăn sao trong cái lĩnh vực này. Cho đến bây giờ thì điều hổ nghi ấy không còn trong tôi nữa ”. Cuối cùng anh Cận kết luận : “ Tôi không nói anh Độ là người lãnh đạo văn hóa, văn nghệ tốt, nhưng có thể khẳng định rằng, anh Độ đang trên đường trở thành người lãnh đạo văn hóa văn nghệ tốt ”.

Kể từ khi nhận được giấy triệu tập lên Nguyễn Cảnh Chân, mà không biết lên để làm gì, rồi khi biết có cuộc họp ban cán sự Bộ văn hóa mà chính mình là Bí thư cũng không biết và cuối cùng nghe đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương tuyên bố mục đích cuộc họp là để kiểm điểm Trần Độ, tôi thấy một nỗi phiền muộn dâng dậy trong tâm hồn.

Sau 30 năm phục vụ trong Quân đội, tôi tự nguyện chuyển sang môi trường mới với hy vọng phục vụ Đảng được nhiều hơn trong một lĩnh vực mà tôi ưa thích. Hơn 4 năm qua, tôi đã đưa hết sức mình ra làm việc, tất nhiên không tránh khỏi vấp váp, thiếu sót mặt này mặt khác,

nhưng nói chung là tôi đã toàn tâm toàn ý phục vụ hết mình.

Tôi còn nhớ trong phát biểu của mình, Cù Huy Cận còn nói điều là : “ Không biết có phải do tên anh là Độ hay không mà trong cuộc sống đời thường anh tỏ ra rất độ lượng, đầy lòng nhân ái, giải quyết việc gì cũng vừa có tình, có lý, mà chủ yếu là thuyết phục bằng tình cảm. Có lẽ vì thế mà một số người cho anh Độ là lỏng lẻo. Theo tôi thì đây là một đức tính cần có của một người lãnh đạo văn hóa văn nghệ. Thuyết phục con người bằng tình cảm chứ không phải bằng mệnh lệnh ”.

Lúc này tôi thấy cả Lê Đức Thọ và Hà Xuân Trường đều nhìn về phía Lê Thành Công. Và tôi thấy Lê Thành Công đứng dậy mở sổ ra phát biểu ngay : “ Thời gian qua đồng chí Trần Độ có nhiều sai lầm thuộc về quan điểm... ”. Thế rồi Lê Thành Công nêu lên một loạt vấn đề mà ông cho là những sai lầm thuộc về quan điểm của tôi mà không thể nào nhở hết.

Chỉ nhớ là ông ta nhắc lại vấn đề quần loe, tóc dài và quy cho tôi là tách rời thẩm mỹ với đạo đức. Còn những câu nói rất nghiêm túc của tôi, thì ông ta không nêu ra, chẳng hạn tôi thường dẫn một câu nói rất hay của Gorki là : “ *Đạo đức học tương lai chính là mỹ học* ”. Tức là loài người bao giờ cũng có xu hướng vươn tới cái đẹp, đến một lúc nào đó, cái đẹp được thể hiện chính trong đạo đức của con người, hoặc nói như Sholokhov : “ *Đôi khi một cô gái mặt rỗ mà vẫn có sức hấp dẫn bởi cái đẹp bên trong của tâm hồn và trí tuệ* ”. Cũng như thế đừng nên nhìn một người quần loe, tóc dài là một người xấu. Nhưng tôi nhớ nhất trong “ bài phát biểu ” của Lê Thành Công quy kết tôi có hai quan điểm sai lầm, mà có lẽ cho đến suốt đời tôi không thể nào quên được :

Quan điểm sai lầm thứ nhất là quan điểm “ Văn hóa xóa thông tin ”. Ông ta phân tích là từ khi Tổng cục Thông tin sát nhập vào Bộ văn hóa thì đồng chí Trần Độ để cho văn hóa lấn át thông tin, bớt cả quyền hạn, bớt cả điều kiện làm việc, làm cho Thông tin chỉ là cái bóng mờ của Văn hóa, làm cho anh em thông tin rất bất bình.

Quan điểm sai lầm thứ hai Lê Thành Công quy kết là quan điểm tách rời thẩm mỹ với đạo đức, cho rằng thẩm mỹ không dính dáng gì đến đạo đức và lại xoay quanh vấn đề quần loe, tóc dài...

Lê Thành Công phát biểu xong thì hội nghị giải lao.

Tôi đến gần Nguyễn Văn Hiếu, kéo anh ra một góc hỏi nhỏ : “ Anh nhận được giấy mời như thế nào ? ” Thế là anh Hiếu rút trong túi ra cái giấy mời đúng như là giấy mời của tôi : Ngày ấy, giờ ấy, đến 4 Nguyễn Cảnh Chân họp với Ban nhân sự. Tôi lại hỏi : “ Thế anh có biết là mời tất cả ban cán sự không ? ” Anh Hiếu lại đáp : “ Không hề biết một tí gì, chỉ khi lên đây mới té ra là họp Ban cán sự ”.

Sau đó anh Hiếu rỉ tai tôi, nói rất khẽ : “ *Chắc chắn là Hà Xuân Trường và Lê Thành Công biết việc này, vì cách đây ba hôm, Hà Xuân Trường có nói riêng với tôi là sắp có cuộc họp kiểm điểm Trần Độ* ”.

Thế là đã rõ như hai với hai là bốn. Không còn nghi ngờ nữa, đây là cuộc họp nhằm chuẩn bị nhân sự mới mà người phải thay là tôi.

(...)

Khoảng một tháng sau cuộc họp ấy, anh Thọ gọi tôi lên gặp riêng tại văn phòng Trung ương số 4 Nguyễn Cảnh Chân.

Trước đây khi chuẩn bị đi B, ngoài việc được ăn cơm với Bác Hồ, được các đồng chí trong thường trực Quân ủy, các đồng chí Thủ tướng Tổng cục Chính trị chiêu đãi chia tay, tôi cũng được anh Thọ mời cơm riêng trong không khí gia đình. Có thể nói anh Thọ thật sự quan tâm và thương yêu tôi. Anh hỏi thăm tình hình gia đình, vợ con, có gì cần đê đạt... Nhưng tôi nói với anh Thọ là tôi ra đi rất yên tâm và phấn khởi, mọi việc về chính sách đã được các anh bên Tổng cục lo cho chu đáo. Là người đã từng nhiều năm ở chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Pháp nên hôm ấy anh dành thời gian nói cho tôi khá nhiều kinh nghiệm trong sinh hoạt và chiến đấu...

Hôm nay anh lại gọi tôi lên sau cuộc kiểm điểm và tôi biết rõ cuộc gặp này chắc không ngoài mục đích báo cho tôi biết là tôi sẽ không còn ở trong Trung ương nữa và tất nhiên cũng sẽ thôi giữ chức Trưởng ban văn hóa văn nghệ, theo cách thức mà cơ quan Tổ chức từ trên xuống dưới thường hay làm trước đại hội.

Hôm ấy tôi lên vẫn thấy anh Thọ niềm nở, thân mật.

Sau vài câu hỏi thường tình về gia đình, sức khoẻ, anh vào câu chuyện chính một cách rất tự nhiên :

– Cậu như thế là lỏng lẻo quá. Anh em người ta nói như vậy mà tôi cũng nhận thấy như vậy. Do đó nên không thể tiếp tục lãnh đạo văn hóa văn nghệ được. Mà không là Trưởng ban văn hóa văn nghệ thì cũng không có cơ cấu vào Trung ương. Hôm nay tôi thông báo cho cậu biết Bộ Chính trị không dự kiến giới thiệu cậu.

Anh Thọ vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt tôi và hỏi : “ Ý cậu thế nào ? ”

Tuy đã biết cái kết cục của cuộc kiểm điểm sẽ dẫn đến kết quả hôm nay, nhưng một lần nữa tôi bỗng cảm thấy hụt hẫng. Con người ta thường có tâm lý như thế. Tuy biết chắc một chuyện không may nào đó sẽ đến, nhưng vẫn hy vọng là có thể nó không đến. Trong trường hợp này hy vọng của tôi là có thể không còn giữ chức Trưởng ban văn hóa văn nghệ nhưng vẫn là ủy viên Trung ương và sẽ được chuyển sang phụ trách một lĩnh vực khác.

Nhưng qua anh Thọ thì cùng một lúc tôi phải rút lui cả hai cương vị, có nghĩa là nghỉ hưu... Và đây quả là một điều tôi chưa từng nghĩ đến. Năm đó tôi chưa đến tuổi 60, sức khỏe đang hồi phục tốt, đang rất muốn làm việc, cống hiến, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ.

Tôi nói với anh Thọ :

– Tính đến nay, tôi đã 21 năm ở Trung ương, cũng có thể nghỉ để cho lớp trẻ hơn thay thế. Tôi không phải là con

người tham quyền cố vị. Đã 40 tuổi Đảng, 30 năm tuổi quân, hai cuộc kháng chiến tham gia trọn vẹn, nghỉ cũng được rồi. Nhưng như anh phát biểu hôm kiểm điểm tôi là hiện nay đang có nhiều vấn đề mới đặt ra đối với sự lãnh đạo văn hóa văn nghệ và tôi đang cố gắng tìm tòi phát hiện những vấn đề mới ấy về đề xuất của Đảng... Vì vậy, tôi xin thẳng thắn phát biểu với anh, người làm công tác tổ chức của Đảng, nguyện vọng của tôi là còn muốn làm việc. Tuy nhiên quyền quyết định là ở các anh, tôi sẵn sàng chấp nhận ý kiến của tổ chức.

Mặc dù nghe tôi phát biểu một cách chân thành tha thiết như vậy, nhưng nét mặt anh Thọ vẫn không có một chút thay đổi. Xem ra việc đã được phán quyết rồi...

Cũng như chỉ mới cách đây một tuần, Trưởng ban Tổ chức Lê Đức Thọ đã gặp Bí thư Trung ương Đảng, chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Song Hào. Kết quả là Song Hào thôi giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị để ra làm Bộ trưởng Bộ thương binh xã hội, lý do là vì có một số “ sai lầm về quan điểm ”.

Sau lần gặp đó, ở Hội nghị Trung ương về công tác nhân sự để trực tiếp chuẩn bị cho Đại hội V, trong danh sách dự kiến của Bộ Chính trị về Trung ương mới không có tên tôi mà có tên Hà Xuân Trường. Nhưng có một điều bất ngờ đã xảy ra : Các tổ vẫn đề nghị tôi vào danh sách, đặc biệt là các đồng chí ủy viên Trung ương khóa IV thì rất nhiều đồng chí nhất trí ủng hộ tôi. Họ nói thẳng : “ *Tại sao lại rút tên Trần Độ. Trần Độ đang có sức khỏe, có năng lực. Nếu nói tiêu chuẩn của một ủy viên Trung ương là lòng trung thành với sự nghiệp của Đảng, là trình độ hiểu biết, là năng lực hành động thì Trần Độ rất xứng đáng* ”. Đúng trước tình hình nhiều tổ, bất chấp dự kiến của Ban nhân sự, nhưng được nêu danh nghĩa là dự kiến của Bộ Chính trị, cán bộ của Ban Tổ chức Trung ương được chia nhau đi các tổ để giải thích vì sao Bộ Chính trị lần này không đề cử Trần Độ. Mặc dù vậy, nhiều tổ vẫn giữ ý kiến đề cử Trần Độ vào danh sách.

Và thế là đích thân ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng, phải đến từng tổ để giải thích trường hợp này. Vẫn là cái lý do Trần Độ lỏng lẻo, không lãnh đạo Văn hóa Văn nghệ được nên không thể có trong cơ cấu, nhưng đặc biệt lần này anh Thọ có nói thêm một chi tiết liên quan đến một câu phát biểu của Hoàng Ngọc Hiến mà chính bản thân tôi cũng không biết. Tôi còn nhớ rất rõ ý kiến của anh Thọ nói ở tổ tôi như sau : “ *Đúng, anh Độ là người có năng lực, tuổi còn ít, có sức khỏe, làm việc tốt, có nhiều cống hiến. Thế nhưng anh Độ đã bị kiểm điểm về lỏng lẻo trong lãnh đạo văn hóa văn nghệ, gần đây có người phát hiện ra một sai lầm còn lớn hơn : Cụ thể là ở một hội nghị, có một văn nghệ sĩ phát biểu công khai rằng thân tượng Đảng đã đổ rồi, thân tượng Bác Hồ đã đổ rồi, thế mà anh Độ có mặt ở đấy vẫn cứ cho qua không nói gì. Đến mức như vậy thì làm sao để anh Độ tiếp tục lãnh đạo văn hóa văn nghệ được* ”. Câu nói của anh Thọ có sức nặng đến mức như bà Định, xưa nay vẫn rất ủng hộ tôi, phải thét lên : “ *Chu cha ! Thế thì hết biết !* ”, sau đó, bà Định còn

lấy đi, lấy lại : “ *Thật quá lắm, quá lắm !* ”...

Riêng đối với tôi thì đây đúng là “ Oan Thị Kính ” vì Hoàng Ngọc Hiến phát biểu câu nói trên ở đâu, vào lúc nào tôi đâu có biết... Mãi sau này tôi đi hỏi Hoàng Ngọc Hiến, hỏi lại chị Lê Minh và một vài người khác thì thực chất việc đâu có phải như thế... Mà ý của Hoàng Ngọc Hiến là ta không nên thần thánh hóa Bác Hồ, thần thánh hóa Đảng, bởi vì không làm như thế thì uy tín của Đảng vẫn còn đó, uy tín của Bác Hồ vẫn còn đó... Nếu cứ tìm cách thần thánh, linh thiêng hóa Đảng và Bác Hồ thì lợi bất cập hại.

Trong nội dung phát biểu này không hề có ý gì xúc phạm đến Đảng, xúc phạm đến Bác Hồ.

Thế mà đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương lại dựa vào cái câu nói đó để phê phán tôi và đưa tôi ra khỏi danh sách dự kiến vào Trung ương khóa V thì thực là một việc đau lòng. Đau lòng không phải là việc tôi sắp bị mất chức ủy viên Trung ương, mà đau lòng do cái cách làm việc của cơ quan tổ chức, quy kết, bất chấp sự thật, chỉ nhằm mục đích đạt cho bằng được ý của mình. Như vậy là trong Đảng ta còn có một quyền lực tối thượng nào đó, nhưng lại nhân danh Bộ Chính trị, nhân danh Đảng quyết định tất cả...

Trong lúc đa số Trung ương ủy viên đều yêu cầu đưa Trần Độ vào danh sách ủy viên Trung ương khóa V thì Trưởng ban Tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ vẫn tìm mọi cách kiên quyết gạt ra.

Nhưng do ý kiến đa số Trần Độ vẫn có tên trong danh sách và Trần Độ vẫn trúng cử ủy viên Trung ương chính thức.

Nhưng, như trên tôi có nói, Lê Đức Thọ là một con người quyết đoán không bao giờ chịu thua hoàn toàn.

Không đưa được tôi ra khỏi Trung ương vì đây là thuộc quyền của Đại hội, thì Lê Đức Thọ dùng quyền của cơ quan tổ chức, sau Đại Hội V, chỉ chưa đầy một tuần, bổ nhiệm ngay Hà Xuân Trường – uỷ viên Trung ương dự khuyết vào chức vụ Trưởng Ban văn hóa - văn nghệ Trung ương. Và kể từ đó, tuy trúng cử ủy viên Trung ương chính thức, nhưng tôi “ bị treo giò ”, nghĩa là không được trao nhiệm vụ gì cả. Đây cũng là một trường hợp hiếm có...

Sau này có dịp đi các địa phương, gặp lại những bạn bè thân thiết cũ từng tham gia Đại hội V, họ kể lại cho tôi nghe là hồi đó chính họ cũng được một nhóm người đi vận động không bỏ phiếu cho tôi. Vận động một cách khá trắng trợn. Kể xong họ cười mỉa và nói : “ *Nhưng chúng tôi có chính kiến của chúng tôi chứ. Cái gây chỉ huy mà không trung thực thì chỉ huy được một số người thôi, chứ không thể chỉ huy được tất cả* ”.

Ở Đại hội V còn có chuyện to hơn chuyện của tôi, có thể nói là chuyện “ tây đình ”, so với chuyện của tôi thì đúng như trên tôi đã nói “ chẳng là cái đinh gì ”. Đó là chuyện anh Giáp và anh Linh ra khỏi Bộ Chính trị...

Trần Độ

Đôi lời tâm sự



Nhiều người đã nghe nói, đã được biết bộ tranh Oger.

Bộ tranh được in trên giấy dờ khổ lớn 65 x 42 cm, dày 700 trang và được xuất bản tại Hà Nội năm 1909. Đây là một bộ ký họa gồm hơn 4500 bức vẽ, trong đó có 2529 bức có người. Kích thước các tranh không đều, có vài tấm chiếm hết mặt giấy, nhiều tấm chỉ lớn không quá 4 cm. Số lượng ấn hành rất hạn chế : chỉ được 15 bộ. Mỗi bộ được đóng thành 7, 8 hay 10 quyển. Hiện nay chỉ mới thấy có 2 bộ tại Việt Nam và 1 bộ tại Pháp (bộ này thiếu 50 trang).

Trong nước đã có nhiều người quan tâm tới bộ tranh này. Thư Viện Trung Ương Hà Nội đã chụp vi phim năm 1979, Thư Viện Khoa Học Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh chụp vi ảnh năm 1975. Năm 1962 Viện Khảo Cổ Sài Gòn cũng đã chụp vi ảnh.

Vì phim và vi ảnh rất tiện lợi cho việc lưu trữ, bảo quản nhưng đồng thời cũng rất phiền toái cho việc tham khảo, khai thác tranh.

Tri Thức Bách Khoa (Viện Từ Điển Bách Khoa) đã giới thiệu một số tranh. Nhưng vì điều kiện vật chất quá thiếu thốn nên các bức vẽ chỉ được can lại với ít nhiều trung thực. Nguyễn Mạnh Hùng (**Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20**, Trẻ, 1989) cho đăng ký làm đề tài nghiên cứu bộ tranh, đề nghị ngành mỹ nghệ sơn mài khai thác một số tranh.

Tinh cờ tôi được xem một bộ tranh Oger bằng âm bản cỡ 3,5 x 5,2 cm chụp trên phim 6 x 9 cm. Chỉ nhớ mang máng là hôm ấy thích quá, tôi bị những tấm âm bản thôi miên, lôi cuốn đến... nổi da gà !

Phản ứng đầu tiên của tôi là xin phép được phóng lớn mấy tấm tranh già, tranh lợn quen thuộc, treo chơi trong nhà. Ánh rủ ra rồi mới thấy chưa được hoàn toàn vừa ý. Một phần vì vật liệu, một phần vì kỹ thuật in nên có rất nhiều nét bị gãy, nhiều chỗ mực bị mờ, bị mất. Phải tu sửa thêm. Dùng mực đen tô những nét bị hư hỏng, bị mờ, dùng màu trắng bôi xoá những vết lem của in ấn.

Sau gà, lợn, tôi tò mò khám phá thêm leo dừa, đánh vật, tổ tôm xóc đĩa... Phóng thêm vài tấm. Cố thêm vài tấm nữa...

Bụng bao dạ xong mấy tấm này thì ngừng. Khổ một cái là ngừng thì lại thấy tiếc, thấy ngứa tay muốn cố làm thêm.

Thế rồi cứ hết thêm lại cố, cố xong lại thêm. Rốt cuộc

thêm với cố đến... hết cả bộ tranh.

Không ngờ tôi đã lâm mò trong buồng tối, giữa thanh thiên bạch nhật, hết sờ soạng cái máy phóng nhà nghề, lại đến hiện với hâm, rồi rửa cho sạch, phơi cho khô, rồi lại phải tó điểm, tẩy xoá, cứ như vậy trong suốt một thời gian dài hơn 10 năm. Sở dĩ lâu như vậy vì đây chỉ là thú vui nằm ngoài những lúc kiêm com (mặc dù giờ giấc nhà giáo công chức đôi lúc, đúng hơn là nhiều khi, cũng lỏng lẻo). Mỗi tấm tranh được phóng lớn ra giấy ảnh (tấm nào nhiêu chi tiết thì phóng ra 21 x 29, đơn giản thì 9 x 12 cm). Tu sửa xong tôi cần thận chụp lại tấm tranh hoàn chỉnh bằng phim đặc biệt để có một âm bản cỡ 24 x 36 mm.

Bên cạnh bộ âm bản tôi làm thêm một bộ tranh 9 x 12 cm, đóng thành tập (khổ A4, mỗi trang 4 tranh) để tiện tra cứu, ngắm nghía cho vui.

Một điều không ngờ khác là bộ tranh tôi khai thác bị thiếu, bị mất một số trang. Thế mới gay, làm thế nào để bổ sung đây ? Bây giờ tôi vẫn còn tự trách mình đã vụng về, thiếu khôn khéo ngoại giao, có thể còn nhiều yếu kém khác mà chính mình chưa biết, để đến nỗi vấp phải nhiều khó khăn như vậy. Cũng may là sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi vừa đi xin, đi mượn (rất trơ trẽn, vô duyên, chả ai thèm...), vừa đi mua (tuy biết rằng mua bán văn hóa là không nên), sau cùng là nham nhở đi nhờ (thì ra giữa thời buổi kinh tế thị trường tình bạn tuy hiếm nhưng vẫn còn), rồi đâu cũng vào đấy. Cuối cùng tôi cũng có được những trang còn thiếu. Chỉ tiếc rằng đã mất cả chục năm chờ đợi. Thời gian chờ đợi dài ngang với thời gian làm việc (có ích ?).

Nhiều lúc chán nản, mệt mỏi, muốn bỏ rơi bộ tranh, nhưng rồi lại nghĩ người xưa đã có công, nay mình chỉ tiếp tay vớ vẩn, ăn thua gì ! Thế là lại tiếp tục lùi thủi... vác ngà voi !

Bao nhiêu bức dọc hôm nay xin gác qua một bên để báo tin vui, để khoe với bạn bè rằng tôi đã hoàn thành việc chuyển hơn 4 000 tấm tranh lớn nhỏ khác nhau của bộ tranh Oger ra âm bản 24 x 36 mm và ra *tranh dùng liền* 9 x 12 cm (ta đã có món mì ăn liền, vậy tạm đặt tên *tranh dùng liền* cho món ăn tinh thần này). Bộ tranh mới này gọn gàng, sạch sẽ, rõ ràng và dễ tham khảo. Nhưng điều quan trọng nhất mà tôi muốn nhấn mạnh là các tranh vẫn giữ được trọn vẹn nét vẽ của các nghệ sĩ dân gian.

Công việc tu sửa, thay đổi kích thước tranh của bộ tranh dân gian Oger, vừa được làm xong. Tuy lâu và tốn kém, nặng về kỹ thuật nghiệp ảnh, nhưng xét cho cùng thì cũng tương đối dễ. Giai đoạn tiếp theo có thể còn khó hơn và cần phải làm càng sớm càng tốt. Tôi nghĩ đến vài việc như :

- dịch tên tranh ra nhiều thứ tiếng và phổ biến rộng rãi bộ tranh tới nhiều người, trong và ngoài nước.

- sắp xếp tranh theo đề tài, có thứ tự.

- lập bảng mục lục để tìm kiếm cho dễ.

- khai thác kho chữ nôm bình dân của bộ tranh để tìm hiểu đời sống xã hội và một số phong tục xưa của ta.

Có người hỏi : *làm để làm gì* ? Xin tâm sự : *Thích thì làm, ngoài ra thì... chả làm gì cả*.

Nguyễn Dur

Lyon, tết Tân Ty 2001

Âm tiếng việt và chính tả

Hà Dương Tuấn

1. Giới thiệu

Vấn đề đánh dấu chỗ nào trên chữ tiếng việt đã được giải quyết lâu rồi, ngay cả chúng minh có thể giải quyết một cách tự động [1]. Chữ tiếng việt mang dấu trên chủ âm. Trong [2] tác giả đã đưa ra một số quy luật cho phép chúng ta có thể đánh dấu mà không sai chính tả, những quy luật này dựa trên nguyên tắc xác định đâu là chủ âm trong chuỗi nguyên âm của một chữ tiếng việt. Bài này không có gì mới trên những ý lớn so với hai bài đã dẫn. Nó chỉ có tham vọng có ích vì : một là những bài kia đã cũ khó tìm, hai là nó dựa vào ngữ âm để thấy rõ hơn tại sao có các quy luật nêu ra trong [2], được tóm gọn trong 4 (+1) mèo bỏ dấu ; và sau cùng xin đề nghị một quy ước nhất quán nhỏ về chính tả.

Để thêm rõ ràng, trong bài này : *tiếng* là một đơn vị phát âm hoàn chỉnh của tiếng việt, *chữ* là biểu hiện bằng chữ viết của tiếng, chữ do một chuỗi *ký tự* (thay vì *chữ cái*, hay *con chữ*) hợp thành, bao gồm các *phụ âm* ở đầu, các *nguyên âm* (còn gọi là *mẫu âm*) ở giữa, và các phụ âm ở cuối. Các phụ âm đầu và cuối đều có thể không hiện diện. *A ā â* ... là những nguyên âm, các nguyên âm đều có thể thêm *dấu* (viết gọn của *dấu thanh*, signe diacritique, tức là các dấu *huyền*, *hỏi*, *ngã*, *sắc*, *nặng*). Trong các chuỗi *nhị âm* (diphthongues) hay *tam âm* (triptongues) thì có hai hay ba nguyên âm, trong đó *thường* thì một nguyên âm có ảnh hưởng mạnh nhất khi nói và nghe và được gọi là *chủ âm*, một hay hai nguyên âm kia mờ nhạt hơn được gọi là *bán nguyên âm*. Dấu thanh dùng để phân biệt sự thay đổi tần số khi phát âm, và nó ảnh hưởng đến chủ âm là chính. Vì vậy đánh dấu trên chủ âm vừa đúng lý thuyết vừa đúng thực tiễn, người không biết gì về ngôn ngữ học cũng viết 90% như vậy.

2. Chủ âm

Nhưng cả vấn đề là xác định đâu là chủ âm của tiếng. Trong [4], tác giả đã dẫn những nhà ngôn ngữ học Lê văn Lý, Nguyễn Đình Hoà và Gregerson cho rằng tiếng Việt chỉ có hai bán nguyên âm /j/ (đọc gần như *i*) và /w/ (đọc gần như *u*). Còn các nhị âm khác như *iē*, *uō* và *uô* là những “ khóm mẫu âm phức hợp ”, không thể nói đâu là chủ âm. Trong [3] có lẽ tác giả cũng đồng ý như thế, vì đã sáp nhập các cặp nhị âm *ia*, *ua*, *ua*, *iē*, *uō*, *uô* ; và chia các bảng khác theo bán nguyên âm.

Không làm về ngôn ngữ học nhưng chúng tôi nhận thấy có thể theo quy luật (ít ra là) có tính hình thức sau đây : nếu một nguyên âm có thể thay thế bằng một phụ âm mà không thay đổi (nhiều) cách phát âm của nguyên âm đứng trước hay sau nó thì có thể coi nó là bán nguyên âm. Chẳng hạn trong *thìn*, *thìn* và *thìa* ; *mú*, *múa* và *mún*... trên thực tế người ta cũng thấy dấu được đánh trên các nguyên âm không thay đổi là *i* hay

u. Nếu lý luận như vậy thì có thể chấp nhận trong đó âm *a* cũng là bán nguyên âm, nó không phải là âm /w/ vì *thìa* khác hẳn với *thìn* ; trong tam âm *uya* ta cũng thấy *a* đóng vai trò bán nguyên âm (tam âm này cũng thật đặc biệt, người viết không tìm được thí dụ nào ngoài *khuya*, có thể còn vài tiếng pháp được việt hoá (trong một thời ?) : rất *duya*, *xuya* rồi).

Chỉ còn lại trường hợp *iē* và *uō* mới thực sự là những âm tiết kết hợp chặt chẽ, không thể biệt lập là chủ âm, cũng như các trường hợp khá hiếm *oo* và *ôô*. Ở đây chúng tôi sẽ coi như đánh dấu ở sau theo truyền thống là đúng, và như vậy ‘*theo định nghĩa*’ những chữ đi sau của bốn trường hợp trên là chủ âm. Điều này cũng phù hợp với quy luật nêu trong [2] : “ *neu có thể có ký tự nào đi theo nó là chủ âm* ”. Nếu quy luật này không xuất phát 100% từ cách phát âm tự nhiên thì nó cũng đúng trên một phần rất lớn. Trong khoa học nhân văn có lẽ điều gì cũng có ngoại lệ, nhưng vì trong thời đại ngày nay, với máy tính và mạng viễn thông, cần có chuẩn mực chính tả, ta cũng nên lấy một quy luật tự nhiên đúng 90% thành một quy luật chuẩn mực (loi normative) cho 100%, nhất là khi trong các ngoại lệ nó không đi ngược lại những thói quen đã có.

Do đó các bảng (*) sau đây, phỏng theo [3], có thay đổi theo

Bảng 1

Tam âm và thí dụ

oai	Xoài
ao	Ngoáo (ôp)
oay	(Trái) khoáy
uây	Nguây nguẩy
oeo	(Chết) ngoéo
iêu	Nhiều
yêu	Yếu
uya	Khuya
uyu	Khuỷu (tay)
uôi	Tuổi
ươi	Người
uou	Rượu
uyê	Thuyền

Bảng 4

Nhị âm có bán nguyên âm cuối /j/ và thí dụ

ai	Mái
ay	Máy
ây	Máy
oi	Thói
ôi	Nhồi
oi	Mói
ui	Múi
uri	Ngủi, khung cửi

Bảng 5

Nhị âm có bán nguyên âm cuối /w/ và thí dụ

ao	Cháo
au	Tháu
âu	Máu
eo	Méo
êu	Mếu
iu	Míu
uu	(Mắc) mứu

Bảng 2

Nhị âm với bán nguyên âm cuối *a* và thí dụ

ia	Kìa
ua	Múa
ưa	Khứa

Bảng 3

Nhị âm với *i* hay *u* làm ‘bán nguyên âm’ đầu, và thí dụ

iē	(Khập) khiêng
uō	Chườm

Bảng 6

Nhị âm có bán nguyên âm đầu /w/ và thí dụ

oa	Choán
oă	Xoắn
uă	Luẩn quẩn
oe	Khoét
uê	Tuến (toáng)
uô	Xuống
uơ	Thuở, quẩn
uy	Suity (nữa)

Bảng 7

Nhị âm hiếm và thí dụ

oo	Goòng
ôô	Gôòng

đề nghị nói trên. Chúng cho thấy tất cả các nhị âm và tam âm của tiếng Việt, mỗi bảng được sắp xếp theo thứ tự chủ âm. Các bảng này loại trừ hai trường hợp **gi** và **qu**, ta sẽ xem kỹ lại các trường hợp này sau. Chúng cho phép tìm ra chủ âm một cách giản dị : trong các trường hợp in đậm thì chủ âm ở cuối, và trong mọi trường hợp khác chủ âm ở ngay trước cuối (tức ở giữa các tam âm và ở đầu các nhị âm). Để tiện việc xem xét các bảng đó xin nhắc lại là tiếng Việt có 11 nguyên âm, viết theo 12 cách, như sau : a, ā, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y. Trong đó ā, â, ê, ô, ơ, ư được gọi là những **nguyên âm phụ**, theo [2].

Các thí dụ trong các trường hợp in đậm cho thấy khi nào chủ âm nằm cuối cũng có thể thêm vào các phụ âm để làm thành tiếng, không có (còn) ngoại lệ. Và ngược lại, khi chủ âm không ở cuối một nhị âm hay tam âm thì *tiếng không thể thêm phụ âm*, vì khi đó *bán nguyên âm đã đóng vai trò phụ âm* để kết thúc một tiếng rồi.

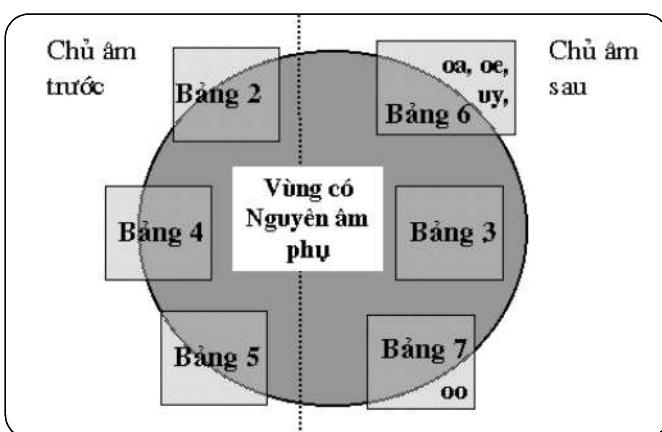
3. Mẹo bỏ dấu

Trong các bảng trên ta không bao giờ thấy (trừ hai ngoại lệ **ươ** và **ôô**) các nguyên âm phụ được dùng làm bán nguyên âm cả. Điều này cũng dễ hiểu, vì bán nguyên âm đóng vai trò thứ yếu, phát ra và nghe nhỏ hơn, nên không thể phân biệt kỹ như giữa **a** với **ă**... mọi thứ tiếng đều ít bán nguyên âm. Do đó có quy luật “**các nguyên âm phụ bao giờ cũng là chủ âm**”, trừ các trường hợp **ươ** và **ôô**.

Trong hình vẽ đi kèm, các bảng này (trừ bảng 1) được vẽ đè lên một vòng tròn bao gồm tất cả các nhị âm có nguyên âm phụ. Thêm vào đó ta lại phân phát các bảng theo hai phía : bên trái là các bảng nhị âm với chủ âm đi trước và bên phải là các bảng có chủ âm đi sau. Cách xem xét đó cho thấy chỉ còn lại 4 trường hợp nhị âm chưa được quyết định bởi vòng tròn và nửa trái : **oa, oe, uy, và oo**. Như vậy (theo [2]) ta có thể tóm gọn các quy luật bỏ dấu vào các mẹo sau :

- * Chữ có ba nguyên âm : dấu ở giữa, trừ trường hợp **uyê**.
- * Chữ có hai nguyên âm bắt đầu bằng **gi** hay **qu** : dấu ở sau.
- * Chữ có hai nguyên âm với một nguyên âm phụ ở sau : bỏ dấu trên nguyên âm phụ đó.
- * Chữ có hai nguyên âm khác : dấu ở trước, trừ các trường hợp **oa, oe, oo, và uy** dấu cũng ở sau.

Bốn mẹo trên giải quyết tất cả các trường hợp. Nhưng ngoài ra có một mẹo **phụ trội** khác cũng có ích : đó là bất cứ chữ nào kết thúc bằng phụ âm là cứ nhầm mắt bỏ dấu trên nguyên âm cuối. Không có ngoại lệ.



4. Sự không nhất quán giữa chính tả và phát âm

Tiếng Việt được phiên âm theo mẫu tự Latinh khá muộn trong lịch sử, với các dấu thêm vào như ta đã biết, và được các nhà ngôn ngữ học thời ấy sáng tạo với nhiều kinh nghiệm của các tiếng Latinh đi trước, cho nên đã đạt được sự nhất quán ở mức độ *tiếng*. Mỗi tiếng có một cách viết (trừ vài trường hợp), và mỗi cách viết đọc ra một tiếng trong mọi ngữ cảnh, không hề nhầm lẫn. Như thế là quá hoàn hảo rồi, các thứ tiếng Anh, Pháp... đều không được như vậy, nhiều khi phát âm phải tùy theo ngữ cảnh. Ở đây không có tham vọng đề nghị thay đổi chính tả, mà chỉ nêu ra những sự không nhất quán trong chi tiết để biết, và để hiểu những khó khăn cần khắc phục khi sửa chính tả tự động bằng máy tính.

Thêm nữa, thí dụ thấy trẻ em viết sai chính tả như **khuán** thay vì **khoán**, **Mái** thay vì **May**... nếu chúng ta đọc tiếp những đoạn sau thì sẽ thấy không nên mắng mỏ chúng nhiều, vì chúng đã *vô tư* viết đúng theo cách phát âm hơn chúng ta. Bảo “*đánh vần mà xem, này nhé : khò o kho a khoa en khoan sắc khoán*”, chúng sẽ hỏi lại : “*thế tại sao viết **quán** ?*”

Thật vậy, khi đi vào phân tích các âm vị, các cách phát âm và sự biểu diễn chúng bằng chính tả qua các *tiếng* và *chữ* khác nhau, ta còn thấy nhiều chỗ chưa được nhất quán. Thí dụ như trong bảng 5 (các bảng khác cũng có những vấn đề tương tự) ta thấy chỉ có một bán nguyên âm /w/, gần **u** hơn **o**, và **u** được dùng nhiều hơn. Nhưng ta lại thấy có cả **au** lẫn **ao**, vậy chúng khác nhau ở đâu ? Thực ra khác nhau không phải ở bán nguyên âm mà là ở chủ âm : đáng lẽ phải viết **ău** thay vì **au** và **au** thay vì **ao**. Như thế ta sẽ thấy có **au, ău, áu** : hoàn toàn tương ứng với các nguyên âm **a, ă, á** khi chúng đứng riêng.

Nhưng tại sao khi **o** khi **ă** để chỉ một bán nguyên âm duy nhất /w/ ? Đây cũng có lý do của nó. Nếu ta chọn **u** là duy nhất cho /w/ như trên, ta có thể theo đó sửa đổi bảng 5 và bảng 6 để cho nhất quán, và như thế sẽ phải viết **chuán** thay vì **choán** như hiện nay. Nhưng khi ấy nhìn vào bảng 6 dòng 1 và bảng 2 dòng 2, sẽ thấy không thể phân biệt được đâu là **Khua** của **Khoa** hiện nay và đâu là **Khua** của **Khua** hiện nay.

Vậy thì, để giữ sự nhất quán ở mức độ *tiếng*, bỏ sự nhất quán của /w/ (gần với **u** hơn **o**) bằng cách thay ký tự **u** bằng ký tự **o** nếu cần cũng chẳng sao. Và đến nay nhiều thế hệ đã quen nếp rồi, người nào đề nghị viết **t-h-ă-u** để đọc như **tháu** hiện nay và viết **t-h-á-u** để đọc như **tháo** hiện nay thì chắc sẽ được mời đi an dưỡng tâm thần ở đâu đó.

5. Nhưng chỉ xin phàn nàn một điều thôi

Điều đáng phàn nàn ở đây là **i** ngắn và **y** dài. Ngắn dài không theo thời gian phát âm, mà theo hình vẽ chữ. Người Việt phát âm hai ký tự này như nhau, bằng chứng là đối với những chữ đơn âm, hai ký tự **i** và **y** thay đổi theo thời trang. Ngày trước hay viết **kỷ luật** và **văn sĩ**, cái mới bây giờ lại hay viết **kỉ luật** và nhiều người lại thích **văn sỹ**. Tại sao lại có hai ký tự ? nếu không tìm được lý do ở đơn âm ta thử tìm ở nhị âm xem sao ?

Đây rồi ! ngay bảng 4 hai dòng đầu cho thấy rất rõ ràng sự cần thiết thêm vào **y** (hay **i**, tuỳ bạn là **văn sĩ** hay bạn là **văn sỹ**), để phân biệt giữa **ai / Mái**, và **ay / Máy**. Bé cái lầm ! thưa bạn. Đó cũng vẫn là cái lầm lẩn lịch sử để lại đã nói trong đoạn

4. Hai chữ đó khác nhau ở chủ âm, và thay vì **ay** đáng nhẽ phải viết **ai** cho đủ bộ **a, ā, á**. Và, với tinh thần *vô trước* cao độ, ta có thể đọc **Mái, Mái, Mái**, thoải mái một cách rất *cartésien*. **Mái một ngài ?**

Sự cần thiết không phải ở **ai** và **ay**, mà ở chỗ “ không thể cùng cách viết mà khác chủ âm ”, cũng như thí dụ trong đoạn 4, vì vậy cần bịa ra một cách viết khác, ở đây giải pháp là thêm vào một ký tự. Chúng ta thử xem dòng 7 bảng 4 và dòng 8 bảng 6 : ta có **ui** với **u** làm chủ âm, và **uy** với **y** làm chủ âm. Đáng nhẽ thế là tốt đẹp quá rồi, nhưng cái sự lùa nhau lịch sử đáng cho chúng ta lâu bao lâu là ở đây : thêm vào, nhưng lại không nhất quán. Nói chung ký tự **i** được dùng riêng nhiều hơn **y** (khi đứng riêng **y** chỉ xuất hiện ở cuối những chữ chỉ mang hai ký tự : ký, tỷ... nhưng : bỉ, thí, phỉ...), thế thì nên chọn **i** làm chủ âm trong mọi trường hợp mới phải, và chỉ dùng **y** như là bán nguyên âm thôi. Có thể quy ước : đơn âm thì **i**, trong nhị âm hay tam âm thì dùng **i** làm bán nguyên âm và **y** làm chủ âm ; cũng không sao. *Quy định vội cũng hải đãi nhỉ ? Kya con myu.*

Nhưng thay vì thế chữ việt đáng yêu lịch sử để lại cho chúng ta dùng rất hồn nhiên **i** cũng như **y** lúc là chủ âm lúc là bán nguyên âm (xem bảng 4, bảng 1, các dòng đầu các bảng 2, 3 và dòng 8 bảng 6). Lại còn hào phóng dùng hai cách viết cho cùng một tam âm nữa chứ : khi kết hợp với các ký tự khác thì phải viết **ieu**, khi đứng riêng ba ký tự với nhau thì mới là **yêu** (*sao lại ba ?*). Yêu là đặc biệt, yếu đuối yếu điệu thế thôi, mà không có thì tiêu điều thiếu thốn. Trách chi con cháu ngắn ngơ chẳng biết mình văn sĩ hay văn sỹ !

Vậy chỉ xin nhất quán một điều thôi, trước khi quá trễ, vì chữ **quý** đang trên đà trở thành **qui**, mong còn cứu vãn được : nếu trong nhị âm **uy** đã dùng ký tự **y** làm chủ âm thì phải viết **quý**. *Uỷ quyền* chứ, làm sao viết **uỉ quyền** được, nhỡ đánh dấu sai chỗ nó thành **uỉ quyền**, giống như **uỉ đất**, hỏng.

6. Trường hợp **qu**

Nhưng nhân tiện đây cũng bàn luôn về **u** và **i** trong hai cụm ký tự **gi** và **qu** : tại sao đó lại là những trường hợp đặc biệt phải tính đến khi bỏ dấu ? Như thế đó không phải là những nguyên âm. Thực ra trong trường hợp **gi** thì đúng như thế, vì trong mọi trường hợp (trừ **gia** trong **giặt gia**) có thể thay **gi** bằng **z**. Thí dụ **zấu** thay cho **giấu** vẫn đọc thế, chẳng thấy âm **i** đâu cả.

Còn lại ký tự **u**. Nếu có thể thay **qu** bằng một ký tự khác (chẳng hạn **k**, phát âm giống **qu** trong tiếng Pháp) không có âm **u**, thì **u** trong **qu** không mang theo âm vị gì cả, nếu không phải coi nó là một bán nguyên âm.

Bảng 8 cho danh sách những chuỗi ký tự có một nguyên âm đi theo **qu**. Trong bảng này ta không thấy trường hợp nào có thể bỏ ký tự **u** khi đọc lên cũng như cũng không thể thay **qu** bằng **k**. Vậy ở đây rõ ràng phải coi **u** là bán nguyên âm, cũng chính là bán nguyên âm /w/. **Qu** của chữ việt khác **qu** của chữ Pháp trong đó nhiều khi không có âm /w/.

Xem bảng này ta có thể có ba nhận xét :

Thứ nhất là sự bất nhất quán và trùng lặp giữa cột 6 (**qui**) và cột 9 (**quy**), nếu không ta có được 8 cột hoàn toàn tương ứng với bảng 6. Đề nghị phải bỏ trường hợp **qui** vì trong mọi biến dạng của nó như **quit**, **qui**, **quí**... thì cách viết **quýt**, **quý**,

Bảng 8 : nhị âm sau q và thí dụ

ua	uă	uâ	ue	uê	ui
uơ	uô	uy			
thí dụ	quáng	quắn	quấn	quén	quết
	quờn	quốc	quýnh		quít

Bảng 9 : tam âm sau q và thí dụ

uai	uaو	uaو	uay	uâي	ueo
uêu	uiو	uiو	uyê		
thí dụ	quải	quào	quau	quay	queo
	quêu	quiu	quoir	quyết	

quý... cũng đều phổ thông và nhất quán với quy ước “ **y** là chủ âm trong **uy** ”, phổ biến hơn rất nhiều. Vậy chương trình kiểm tra chính tả nếu thấy ký tự **i** đi theo sau **qu** nên đổi thành **y**, chỉ trừ trường hợp tam âm (q)**uiu**. Mục đích chúng tôi không phải là cách mạng chính tả toàn diện, mà chỉ là đề nghị sự nhất quán trong cách viết *một* nhị âm **uy** này. Còn sự bất nhất giữa các chữ của những tiếng khác chuỗi nguyên âm là thứ yếu và cũng vì vậy có nhiều.

Thứ hai, và điều này không quan trọng lắm, là các âm **uă**, **ua** và **ue**. Thực ra đây là hai cách viết khác của ba nhị âm đã có sẵn **oă**, **oa** và **oe**, vì chẳng hạn giữa **quắn** và **xoân**, **hoa** và **qua**, **choé** và **qué** thì cách phát âm tương tự nhau, chỉ khác vì ảnh hưởng của phụ âm.

Nhưng quan trọng hơn là giữa **ua** của **qua** và **ua** của **của**, có cùng một cách viết cho hai nhị âm khác nhau. Ta cũng đã gặp hai nhị âm này trong **khoa** và **khua** ở đoạn 4, có điều ở đây theo truyền thống không viết **quoá**, **qaô hay coâ**. Cứ có **q** là phải có **u** đi theo chẳng qua là do các vị cố đạo Âu Tây chưa đủ **phá chấp** khi phiên âm tiếng việt, qua con sông từ Âu sang Á rồi mà vẫn vác cái thuyền **qu** trên lưng.

Nhưng cái quá khứ ấy đưa đến phải chấp nhận hai hình thức viết cho nhị âm /w/a : **ua** cho âm **qua-**, và **oa** cho mọi trường hợp khác. Sự bất nhất này lại dẫn đến hai lối đánh dấu khác nhau trên cùng chuỗi nguyên âm **ua**, và chỉ phân biệt được khi đi tìm có hay không có ký tự **q** đằng trước.

Cuối cùng xin điểm qua các tam âm sau **q** trong bảng 9 :

Quan hệ giữa **uai**, **uay** và **uâي** thì cũng như giữa **ai**, **ay** và **âي** đã xem trong thí dụ **Mái, Máy, Máy**. Và cũng theo những phân tích ở trên, ở đây chúng ta dễ nhận thấy **uai**, **uaو**, **uay**, **ueo**, là những cách viết thay cho **oai**, **ao**, **oay**, **oeo**, dùng trong các trường hợp khác, **uâي** và **uyê** thì giữ nguyên.

Quíu thì cũng như **khuýu**. *Biết rồi, khổ lắm, nói mãi.*

Còn lại ba tam âm chỉ thấy có sau **q** là **uaو**, **uêu** và **uoí**. Thực ra những chữ như **khuau**, **khuêu** có thể đọc thành tiếng dễ dàng, có điều những tiếng loại này không có trong từ điển.

Những điều này không ảnh hưởng gì đến việc đánh dấu, vì bê giờ dấu cũng nằm giữa, trừ trường hợp duy nhất dấu nằm sau là **uyê** thì cũng đánh dấu như các tiếng không bắt đầu bằng **q**.

Trong mọi trường hợp âm **u** là một bán nguyên âm. Từ đó ta cũng có quy tắc dễ nhớ là : không bao giờ có dấu trên ký tự **u** của **qu**, vì nó bao giờ cũng chỉ định bán nguyên âm /w/. Ngày trước, có lẽ vì ảnh hưởng Pháp, coi chữ **u** trong **q** là chữ bỏ đi, nên không ai mắc lỗi lầm đánh dấu trên chữ u. Ngày giờ

lỗi ấy lại xuất hiện *hở* bị nhiều, chẳng biết tại sao, tại máy tính ? Và ta có thể nói thêm : nếu chữ *u* trong *qu* không thừa thì dù sao *qu-* vẫn là trùng lặp với *cu-* hay *co-*.

7. Đè kết luận

Đặc biệt trên vấn đề bỏ dấu trên chữ việt, chúng ta có thể dựa trên một quy luật gần như hoàn toàn tự nhiên để lấy làm một quy luật chuẩn mực (nghĩa là phần nhỏ nào có tính cách độc đoán), đó là : *dấu đánh trên chủ âm, và chủ âm là nguyên âm có thể có một hay nhiều ký tự đi theo nó trong một chuỗi ký tự để thành chữ tiếng việt.* Vì lẽ đạt được một quy luật chính tả đầy đủ và nhất quán như trên về đánh dấu, lại dễ nhớ và dễ áp dụng, là điều rất có lợi về sau này. Hy vọng rằng bài này, khi phân tích cách thể hiện các nhị âm và tam âm trong tiếng việt qua chữ quốc ngữ, biện minh được cho quy luật ấy.

Tuy nhiên, quá trình đó cũng cho thấy : tuy điều quan trọng nhất là sự nhất quán giữa tiếng việt và chữ việt là có thể trở thành hoàn hảo, khi đi sâu hơn vẫn phát hiện một số điều không nhất quán giữa âm và ký tự. Đó là : ký tự *i* sau *g* không phải là nguyên âm ; ký tự *u* và *o* đều có thể dùng cho bát nguyên âm /w/ ; các ký tự *i* và *y* không được *phân chia công tác rõ ràng* để làm bát âm hay chủ âm ; *qu* là thừa. Các điểm này có lý do khách quan và lý do lịch sử. Lý do khách quan nằm ở chỗ phải giải quyết sự phân biệt giữa mỗi cặp nhị âm *ui/uy* và *ua/oa*, trong mỗi cặp nhị âm thì chủ âm khi nằm trước khi nằm sau. Cách giải quyết không được nhất quán cho lắm là thuộc vào lịch sử.

Nhưng kinh nghiệm cho thấy những sự bất nhất về chính tả này không có gì là đáng kể, không cản trở gì lâm việc học nói và viết tiếng Việt, vì chúng vẫn nằm trong sự nhất quán và đồng thuận trong từng trường hợp ở mức độ chữ và tiếng.

Điều duy nhất chúng có thể thống nhất ngay là nhị âm *uy* phải viết với ký tự *y*. Việc dùng *i* hay *y* trong các nhị âm và tam âm khác thì tuy không nhất quán nhưng có đồng thuận. Còn việc lẩn lộn giữa *i* và *y* khi chúng là nguyên âm độc nhất thì chỉ có thể hi vọng có được một đại từ điển mà mọi người cho là nghiêm túc và đầy đủ nhất để lấy làm chuẩn mực. Xin thêm : quy ước trong “ Từ điển tiếng việt ” của Viện Ngôn Ngữ Học là : âm i cuối chữ viết bằng *i*, trừ trường hợp *uy*. Tức là không chấp nhận cả *ký luật lẩn văn sỹ*, nhưng chấp nhận cả *quýt lẩn quít*.

Hà Dương Tuấn

01.2001, Paris

[1] : Ngô Thanh Nhàn, James Đỗ, Nguyễn Hoàng : “Một số kết quả về cách đặt tự động đúng dấu phụ vào chữ tiếng Việt”. Tạp chí Ngôn ngữ số 86, tr. 14-23, 1992. Hà Nội, Việt Nam.

[2] : Nguyễn Ngọc Giao : *Bỏ dấu ở đâu ? Chính tả chữ Việt, máy vi tính và chương trình tự động bỏ dấu*. Diễn đàn số 13, tr. 20-21, 1.11.1992, Paris.

[3] : Nguyễn Phú Phong : *Le Vietnamien fondamental*, giáo trình Đại học Paris 7, 1974.

[4] : Diêm Châu : *Một điều khẳng định và điều có lẽ*, Diễn đàn số 90, tr. 23-24, 1.11.1999, Paris

(*) : Một người bạn đã thách đố tác giả không dùng tiếng hán việt cho các thí dụ trong các bảng. Nhưng cũng bị thất bại vài chỗ.

Mùa xanh xưa

Văn Ngọc

Em mãi là hai mươi tuổi
Ta mãi là mùa xanh xưa...

(Không để, thơ Quang Dũng, 1970)

Vào những ngày trước Tết năm nay, một hôm tôi bỗng nhận được một bao thư khá dày của anh Vũ, anh ruột tôi, gửi đến qua đường bưu điện. Mở ra xem, thì thấy đó là một xấp thư đã cũ nát, cùng với một số hình ảnh kỷ niệm. Những bức thư giấy đã úa vàng ở các cạnh góc, nhưng chữ viết vẫn còn rõ nét, mực vẫn còn tươi một màu xanh lá cây non. Tôi nhận ra đó là những bức thư của cô Loan gửi cho anh Vũ đã từ mấy chục năm nay, từ những năm tháng xa xưa : 1948, 1949,... 1977... Kèm trong xấp thư có mấy chữ của anh viết cho tôi như sau :

“ Anh gửi cho N. một chút kỷ niệm mà anh vẫn gìn giữ từ 50 năm nay.

Yêu sai lỡ để mang sâu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này thôi
Lá thư xưa màu mực đã phai rồi...

(Lá thư ngày trước, thơ Vũ Hoàng Chương)

Anh chỉ tiếc khi về Sài Gòn không được gặp lại Loan một lần cuối.

Nhưng biết đâu cũng là cái may mắn được giữ lại những nhớ thương ngày xưa cũ.

Anh,
Vũ

T.B./ Thư nào Loan cũng hỏi thăm N.”

Cô Loan mới mất cách đây vài năm. Mãi đến gần đây, anh Vũ mới cho tôi biết. Gần 50 năm không được nhìn thấy mặt nhau, băng đi gần 20 năm không được tin tức gì của nhau, năm 1998, khi anh về đến Sài Gòn, thì cô Loan đã ra người thiền cổ.

Tôi không biết anh Vũ, người trong cuộc, đã có phản ứng ra sao, khi nghe tin người yêu cũ qua đời ? Riêng tôi, cảm thấy một nỗi buồn tràn ngập tâm hồn, mặc dầu tôi chỉ là một nhân chứng, một người ngoài cuộc.

Bao nhiêu kỷ niệm về cô Loan, về anh Vũ, về cái thời còn trẻ ở quê nhà, bỗng nhiên lại như sống lại trong tôi.

Tôi bỗng nhớ lại nụ cười và khuôn mặt của người con gái ấy, với đôi má lúm đồng tiền, đôi môi khêu gợi, đôi mắt lá liễu lảng lơ. Nhớ lại bóng dáng của nàng trong cửa hàng của mẹ ở phố Hàng Đào, hay thấp thoáng trong vườn cây nhà cô Khang dưới Thái Hà ấp... Nhớ lại những buổi chiều ở làng Bông, trên đê Yên Lệnh (Hưng Yên), bên rặng nhãn um tùm trái quả, bốn người chúng tôi, anh Vũ, cô Loan, chị Thanh và tôi, ngồi bên nhau, nhìn trời cao lồng lộng trên đầu, và mơ hồ cảm thấy mình đang sống những giờ phút sung sướng nhất trên đời, vì được gần bên nhau...

Ở vào cái tuổi thiếu niên mới lớn lên ngày ấy, tôi vẫn thường dễ bị rung động trước sắc đẹp của những người phụ nữ mà mình có cái may mắn được giáp mặt, hoặc được chiêm ngưỡng từ xa. Hà Nội thời nào hình như cũng có nhiều cô gái

có nhan sắc, ở mọi lứa tuổi, mỗi phố đều có ít nhất một người đẹp. Bọn học sinh trường Chu Văn An chúng tôi, những giờ đi bát phố, đều kiểm kê hết : nào phố Hàng Đường có ai, Hàng Bạc có ai, trên Quan Thánh có ai, v.v. Cô Loan phố Hàng Đào là một trong những người đẹp ấy, nhưng lại không được bọn thiếu niên cõi chúng tôi xếp hạng và để ý đến, có lẽ vì cô lớn hơn bọn này vài tuổi chăng ? Riêng tôi, vẫn thầm lấy làm hâm mộ, vì một trong những hoa khôi của Hà Nội ngày ấy lại là người yêu của anh tôi, và đương nhiên là tôi thầm cầu nguyện cho mối tình giữa hai người.

Anh Vũ và cô Loan gặp nhau lần đầu tiên ở chợ Bông và yêu nhau từ dạo ấy. Đó là vào khoảng giữa năm 1947. Lúc bấy giờ, họ ngoại tôi tản cư về quê ở làng Bông, gia đình cô Loan cũng là người làng Bông, và cũng chạy về đây. Nhà cô Loan có cửa hàng tơ lụa trên phố Hàng Đào. Tản cư về đây, cô cũng giúp mẹ mang hàng ra chợ Bông bán. Anh Vũ tình cờ từ Hà Nam sang thăm họ hàng bên ngoại, ra chợ Bông gặp cô, thế là hai người mê nhau. Từ đấy trở đi, cứ thỉnh thoảng, hai ba tuần một lần, chàng lại xách ba-lô cuốc bộ sang Hưng Yên, nói là để sang thăm bà ngoại, nhưng kỳ thực là để sang gặp nàng.

Làng Bông cách Dũng Kim chừng 30 cây số, và phải qua hai lân đò, nên sang bên ấy cũng mất hơn nửa ngày đường. Nhưng khi người ta yêu, thì đâu còn ngại gì đường xa nữa ! Anh Vũ thèm được gặp cô Loan, thèm được nghe nàng nói, được thấy nàng cười, được cảm nhận trong ánh mắt của nàng cả một thế giới yêu thương, trùm mến. Lòng anh tràn ngập hạnh phúc vì yêu và đã được yêu - một tình yêu trong trắng và hồn nhiên. Có một lần hai người đi xe đạp chơi trên đê, gặp chỗ dốc hơi cao (dốc Lã), anh phải cầm tay kéo nàng lên đến mặt đê. Đây là lần đầu tiên anh hồi hộp được giữ tay nàng trong tay mình. Giây phút này anh không thể nào quên được. Xa xa có tiếng chim tu hú báo mùa nhãn chín. Mây lờ lững trôi trên nền trời xanh thảm...

Anh Vũ lúc đó mới 18 tuổi, nhưng thời đó các cậu trai Hà Nội 17, 18 tuổi đã dày dạn lắm rồi. Là tự vệ thành, anh đã ở lại chiến đấu đến sau Tết mới rút lui ra khỏi thủ đô. Sau khi được “giải ngũ” để về với gia đình, vì bố tôi cũng đã già, anh về ngay quê nội Dũng Kim (Hà Nam). Thấy ở đây chẳng làm được việc gì, mà tiền ăn thì sắp cạn, vì gia đình không lo liệu chạy đi từ trước, nên chẳng thể sống lâu dài ở đất quê này được, mặc dầu bố tôi vẫn còn một ít ruộng. Thoạt tiên, anh xin phép bố tôi cho đi buôn nữa, lên tận Hoà Bình mua nứa của những người Mường, người Thổ, rồi đóng bè, xuôi về dưới này bán lại cho các lái buôn ở ngoài sông Hồng. Nhưng đi buôn nữa, loli không được bao nhiêu, mà lại khá cực nhọc, rốt cục chuyện này cũng bỏ. Anh lại xin cho lên Đông Quan, Vân Đình, Cống Thần, Chợ Đại, v.v. Bố tôi cũng muốn cho anh đi đây đi đó, cốt để thăm dò tin tức. Cụ chỉ muốn về lại thành phố, chứ ở mãi đây thì biết làm gì ? Ăn không ngồi rồi, khéo rồi chết đói cả lũ, cụ thường bảo thế. Bởi vậy mà những chuyến đi sang Hưng Yên của anh Vũ cũng là với mục đích thăm dò đường về ! Mà quả thật là như thế : sau này, chúng tôi đã phải từ Dũng Kim đi bộ sang Hưng Yên, rồi lấy đò dọc dinh té về Hà Nội.

Gia đình cô Loan cũng đã trở về thành. Nhưng oái oăm thay, anh Vũ lại không về được Hà Nội, mà đã phải lưu lạc ra đến tận Hải Phòng ! Ở đây, lạ nước lạ cái, may gặp được bạn tốt tìm ngay cho chỗ ở và việc làm. Anh Vũ vốn có khiếu vẽ - trước tác chiến anh đang theo học trường Mỹ thuật - nên kiếm được ngay một chân phó vẽ ở cảng, lương lậu không

được là bao nhiêu, chỉ đủ để trả tiền trợ và tiền cơm hai bữa ở nhà một người bạn cùng sở. Ngủ thì tối tối phải hạ một cái cánh cửa xuống kê làm phản. Nhà chật chội đến mức không có chỗ để tiếp khách.

Cô Loan giúp mẹ buôn bán, thỉnh thoảng cũng được đi đây đi đó để chào hàng, hay đưa hàng. Lâu lâu cô cũng tìm cách xuống Hải Phòng, mỗi lần nàng xuống thăm chàng, hai người không có được lấy một chỗ để ngồi, cứ phải gặp nhau ở ngoài đường, ngoài phố. Chàng thỉnh thoảng lại còn bị lén cơn sốt rét ngã nước, người cứ run lên bần bật. Có lần nàng tới, gặp lúc chàng đang lén cơn sốt rét, cứ phải ngồi xuống cạnh giường mà nói chuyện. Đầu biết hồi ấy anh Vũ bị mặc cảm như thế nào ! Suy đi tính lại, anh thấy mình thiếu đủ mọi điều kiện vật chất để có thể tĩnh chuyện lập gia đình với cô Loan. Kịp đến khi người ta đến hỏi cô Loan, thì anh hoàn toàn bị động.

Và quả nhiên, bức thư của cô Loan gửi từ Hà Nội xuống Hải Phòng, đề ngày 8-12-1948, báo cái tin dữ dội ấy :

“Vũ thân yêu,

Loan rất lấy làm buồn khi báo tin này để Vũ biết. Hôm ở Hà Nội, (Anh Vũ có lên Hà Nội gặp cô Loan một hai lần) Loan đã nói chuyện với Vũ rằng hiện giờ có một người đang hỏi Loan. Thật Loan không ngờ họ tấn công mạnh, đến nỗi các cụ nhà Loan lại bằng lòng mới chết. Loan đã viện nhiều lý mà cụ không nghe... Cụ mợ Loan biết hết cả chuyện Loan và Vũ, nên lại càng muốn tổng cổ đi. Hôm ấy Loan đã phải đòn một trận nên thân. Ngày hôm sau, tức là ngày mồng 5-12-48, người ta đến chạm ngõ, và người ta định 12 này sẽ ăn hỏi Loan, 20 thì cưới. Thời thế là Loan đã phải bước sang ngang với bao nỗi buồn trong dạ... Còn nhiều chuyện nữa Loan không tiện nói ra, nếu Vũ muốn biết, cứ lên hỏi Khang, Khang sẽ nói chuyện để Vũ hiểu Loan, chứ không phải Loan đã ham người ta giàu hay đẹp giai hơn Vũ đâu, Vũ xét cho Loan một tí, Loan không phải là người bạc xưa nay, mà chỉ vì gia đình... Thời Loan khuyên Vũ vì chuyện đã xảy ra như thế rồi, Vũ có buồn cũng vô ích. Vũ sẽ vui vẻ lên, và Loan chúc Vũ lúc nào cũng mạnh khoẻ luôn luôn.

Loan

Thật khó mà hình dung được nỗi đau khổ và tuyệt vọng của anh Vũ khi nhận được bức thư này.

Mãi gần đây, có dịp gặp nhau, tôi hỏi lại, anh mới thổ lộ : Lúc ấy, cái tin như sét đánh, anh thấy như cả thế giới quanh mình sụp đổ, thấy oán hận, thù ghét lũ người có óc gia trưởng thô bạo, với lối suy nghĩ cũ mòn, lạc hậu, đã dập nát hạnh phúc của con cái. Không khi nào tình yêu lại có thể nảy sinh từ sự bức ép và sáp xếp dù cho có đầy thiện chí của người khác, dù cho những người ấy là cha mẹ !

Nhưng anh cũng thú thực : ngày ấy anh đã rất lúng túng : mới 19 tuổi đâu, kiém miếng ăn nuôi miệng còn chưa xong, đâu còn dám nghĩ gì đến chuyện vợ con. Quả tình là anh đã không biết xoay xở ra làm sao cả ! Ở Hải Phòng hồi ấy, anh lại chỉ có độc một thân một mình...

Cái cảnh duyên phận lỡ làng của các lứa đôi ngày trước lại như hiện ra trong đầu óc tôi :

“... Ba đồng một mó trầu cay

Sao anh không hỏi những ngày còn không... ? ”

(Ca dao)

Mấy dòng anh Vũ gửi cho tôi, kèm theo xấp thư, như để giải bày một tâm sự, song thoát đâu tôi không đoán ra được cái ẩn ý của anh : tại sao anh lại gửi cho tôi đọc những bức thư

đó ? Có khi anh chẳng có ẩn ý nào cung nêu, mà chỉ gửi cho tôi đọc chơi vậy thôi, để chia sẻ với anh một nỗi nuối tiếc, để gợi nhớ lại một kỷ niệm chung, một mối tình đẹp thời tuổi trẻ, mà anh vẫn muốn giữ nguyên vẹn hình ảnh trong trái tim từ 50 năm nay ?

Câu thơ của Vũ Hoàng Chương :

“ Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp ”

thật là đẹp ! Chỉ có câu chữ của các nhà thi sĩ mới nói lên được những tình cảm thật tế nhị của con người, có lẽ vì họ cảm nhận được một cách sâu xa nỗi đau khổ của chính họ và của người khác ?

Song, yêu và được yêu như anh Vũ và cô Loan ngày ấy, ở cái giai đoạn đẹp nhất của tình yêu, và của đời mình, là tuyệt vời rồi còn gì nữa ? Sao anh Vũ lại có thể nghĩ rằng mình đã sai lỡ nhỉ ?

Có sai lỡ chẳng là sau này, mãi nhiều năm sau này... Mà ai sai lỡ ? Chàng hay nàng ? Hay cả hai ? Điều đó khó mà biết được.

Dẫu sao câu thơ cũng nói lên được hộ cho anh một nỗi niềm nuối tiếc, một nỗi ân hận nào đó.

Anh gửi cho tôi xấp thư, có lẽ cũng muốn cho tôi làm chứng nhân cho đến cùng cuộc tình duyên lỡ dở giữa anh và cô Loan chẳng ?

Quả là tôi chưa bao giờ biết một cách chi tiết những tình cảm thâm kín giữa hai người. Làm sao mà biết được ? Cách đây đã lâu lắm, hồi anh Vũ lập gia đình ở bên này, anh có trao cho tôi một cuốn album, nhờ cất giữ hộ, để tránh mọi sự hiểu lầm của vợ con. Tôi vẫn giấu kỹ cuốn album ở một nơi kín đáo. Những điều bí mật trong cuốn album đó, chỉ có anh và tôi biết thôi. Thực ra thì cũng chẳng có gì : đám ba tám hình của cô Loan, chụp riêng và chụp chung với mấy cô bạn gái ở Hà Nội và ở dưới Thái Hà áp vào những năm 48-49, một vài bức thư, một vài bài báo Hà thành nói về vụ đám cưới mất cô dâu, vài trang lịch cũ, v.v. Tôi cũng hơi lấy làm lạ, là tại sao không có được lấy một cái hình nào có cô Loan và anh Vũ chụp chung, ít ra là ở Thái Hà áp, nơi cô Khang, bạn thân của cô Loan ở, và cũng là chỗ thân thuộc, họ hàng. Thái Hà áp là một thứ quê ngoại thứ hai của chúng tôi, vì đã từ lâu một bộ phận của họ ngoại tôi đã rời làng Bông lên định cư ở đây. Nhà cô Khang và nhà bà ngoại tôi chỉ cách nhau có một cái hồ sen. Có một lần, nồng lòng gặp nhau quá, anh Vũ đã phải kín đáo lên Hà Nội để gặp cô Loan. Liệu khi đó hai người có rủ nhau xuống đây chơi không, chỉ biết rằng đạo ấy cô Loan hay xuống đây tâm sự với cô Khang...

Cô Loan là mối tình đầu của anh Vũ, và có lẽ là mối tình duy nhất đã ghi khắc vào đời anh.

Từ cái ngày không lấy được cô Loan, hay đúng hơn, là vì cô Loan bị bố mẹ bắt ép đi lấy người khác, mà lúc đó anh còn trẻ quá không làm gì để cứu vãn được tình thế, anh đã phải rời quê nhà ra đi, lòng đầy hoài bão, nhưng cũng đầy sầu muộn... Bây giờ, đã qua hai đời vợ, nhưng cuộc sống tình cảm của anh vẫn như thiếu thốn một cái gì không thể nào bù đắp được. Anh không nói ra, nhưng tôi biết. Cái thiếu thốn nhất đối với anh vẫn là tất cả những cái gì gợi nhớ đến quê hương, đến những kỷ niệm xưa cũ, đôi khi ngay cả đến những cái nho nhỏ trong đời sống thường ngày, như một món ăn, một tiếng rao trên đường phố, một điệu nhạc, hay một bài hát. Anh thích nghe những điệu dân ca, những bài hát của Phó Đức Phương, thích đọc thơ Hoàng Cầm, Vũ Hoàng Chương, Thâm Tâm, v.v.

Nhưng cũng chỉ vậy thôi, chứ bây giờ anh không còn là chàng trai tơ lảng mạn ngày trước nữa. Bước đường nghề nghiệp gian truân, vất vả, từ lúc ra đi, cách đây đã năm chục năm, cuộc sống vật lộn hàng ngày trong cái xã hội đầy cạnh tranh này, đã làm cho anh trở nên một con người thiết thực, thậm chí cứng rắn. Cái con người tình cảm ở trong anh thỉnh thoảng lầm mói có dịp bộc lộ, những khi anh và tôi, hai anh em gặp nhau, nói chuyện quê nhà và nhắc lại những kỷ niệm cũ.

Câu chuyện giữa anh Vũ và cô Loan, ngày đó ở Hà Nội có lẽ ai cũng biết. Cô Loan, một cô gái đẹp nổi tiếng ở phố Hàng Đào, yêu một chàng trai (chàng trai đó là anh Vũ), mà rồi lại bị bố mẹ ép gả cho một người khác (một cậu sinh viên vừa mới đỗ xong tú tài). Đến ngày cưới, cô dâu trốn biệt. Người ta chia nhau đi tìm khắp mọi nơi, tra hỏi khắp hết cả các bạn bè, thân thuộc, mà vẫn không tìm thấy cô dâu đâu. Mười ngày sau, mới biết được là cô dâu đã vào lánh tạm ở trong nhà dòng Chúa cứu thế Nam Đồng. Sự kiện khá độc đáo và hiếm hoi này đã là một dịp để cho báo chí Hà thành ngày ấy quay lên lăm chuyện, và bà con hàng phố có thêm một giai thoại để bàn tán.

Nhưng đấy chỉ là chuyện nhìn từ bên ngoài vào, người ngoài cuộc chỉ thấy được có bấy nhiêu thôi. Thực ra, câu chuyện không đơn giản như vậy. Nó không phải là một câu chuyện tình lăng mạn thời Tự Lực Văn Đoàn, hay thời cô Phượng Trinh trong *Hoa Vông Vang* của Đỗ Tấn. Thực ra thì thời điểm của nó cũng không xa gì thời điểm của Tự Lực Văn Đoàn, hay của *Hoa Vông Vang* là bao nhiêu. Chỉ cách nhau có một cuộc cách mạng và một hai năm toàn quốc kháng chiến ! Song, cái khuôn phép lễ giáo phong kiến kia vẫn hay còn đó, và những chuyện như : bố mẹ ép gả con cái, hay không cho phép con trai con gái gần nhau để làm quen với nhau, hoặc coi trọng người giàu sang, có bằng cấp, khinh rẻ người chưa có danh phận, v.v. vẫn hay còn đó, mặc dầu trên thực tế, quan hệ nam nữ đã bắt đầu được cải thiện, từ Cách mạng tháng Tám trở đi, với những hình thức sinh hoạt, những ngày hội lớn đầy sức lôi cuốn và đầy chất lăng mạn, cho phép trai gái tiếp xúc, gần gũi với nhau hơn, như : Tuần Lễ Vàng, Tết Trung Thu 46 ở hồ Hoàn Kiếm, Kỷ niệm Một năm Cách mạng tháng Tám ở Ấu trĩ viễn, v.v.

Do đó, tình yêu đôi lứa trong trường hợp của anh Vũ và của cô Loan vào những năm 47-48, cũng đã mang dáng vẻ của một mối tình khá tự do rồi. Nó được bộc lộ một cách mạnh dạn, thẳng thắn, đồng thời cũng hồn nhiên và trẻ trung hơn là những mối tình của các đôi lứa thế hệ trước. Những con người như anh Vũ và cô Loan không còn giống như những nhân vật tiểu thuyết nữa, mà là những con người bằng xương bằng thịt, yêu nhau không phải trong mộng tưởng, hoặc trong sự nhàn rỗi, mà trong những tình huống có thật, đôi khi nghiệt ngã, của đời sống thực tế.

Một năm sau ngày cưới, (lúc này anh Vũ đã đi Pháp), cô Loan lại bỏ nhà ra đi hơn một tháng. Cả gia đình nhà chồng lại nhốn nháo đi tìm. Một anh bạn nối khố của anh Vũ từ Hà Nội viết thư sang kể :

“ Loan đã bỏ nhà ra đi được hơn nửa tháng nay. Bao công tìm kiếm mà vẫn biệt tăm. Tao ở giữa bị hai đứa thằng anh và thằng chồng già vò hăng háu. Chúng nó nêu ra bao nhiêu giả thuyết nhất định buộc tao giấu em chúng nó. Lần đầu tiên tao phải giao thiệp với chúng nó bằng những giọng quyết liệt. Lập trường của tao rất vững, kém thế có lẽ bỏ xác rồi ! Ôi ba hòn chín vía (xin lỗi anh) con Loan ở đâu thì về để gõ cho tao. Nếu nó không về, có lẽ tao chẳng dám đi qua phố Hàng Đào nữa !”

Tôi mở xấp thư kiêm lại một lần nữa. Lại lấy thêm cuốn album cũ ra để đổi chiếu. Không có thư nào trước 75, từ phía cô Loan, cũng như từ phía anh Vũ. Tôi vẫn biết, sau năm 49, cả hai người đều bước vào một đoạn đời khác. Đến năm 54, cô Loan và gia đình lại di cư vào Nam. Lại một cuộc đổi đời khác. Rồi những đứa con tiếp theo nhau ra đời... Rồi chiến tranh... Anh Vũ ở bên này cũng long đong vất vả, bận bịu với miếng sống, rồi cũng lập gia đình, có con cái... Trong khoảng thời gian này, anh Vũ mất hẳn liên lạc với cô Loan, không biết địa chỉ cô ở đâu nữa. Nghe nói cô không di cư vào ngay Sài Gòn, mà lại vào Nha Trang sống một ít năm. Những người trước kia giúp anh làm trung gian, như chị Thanh, hay những người bạn trai ở miền Bắc, nay cũng sống trong những điều kiện eo hẹp thiếu thốn, không làm gì được. Vả chăng họ cũng không thể nào giúp gì được nữa, đất nước lúc đó đã bị chia đôi.

Nhưng không lẽ mãi đến năm 1977 cô Loan mới nhận được lá thư đầu tiên (?) của anh Vũ đê ngày 1-8-1975, gửi qua chị Thanh, một người chị họ ở miền Bắc ? Về phía cô Loan, từ những năm 50 trở đi, cô có gửi thư nào cho anh Vũ không ? Điều đó, bây giờ cũng khó mà biết được. Thôi thì cứ cho rằng thời kỳ từ 1950 đến 1975 là không kể.

Chỉ biết rằng, bức thư đầu tiên của cô Loan, bắt lại liên lạc với anh Vũ, đê ngày 21-1-1977, và sau đó hai người có viết thư đều cho nhau trong gần một năm. Song bắt đầu từ tháng 11-1977 trở đi, thì thư từ thưa thớt hẳn, về phía anh Vũ. Bức thư cuối cùng của cô Loan đê ngày 6-11-1980, trách :

“ *Đã gần 3 năm nay rồi, Loan không nhận được thư nào của Vũ cả, không biết vì lý do gì. Nay ở đây nhà nước cho phép gọi điện thoại để nói chuyện với gia đình bà con, vậy Loan viết thư sang để Vũ cho Loan số tél. để Loan có thể nói chuyện với Vũ, Vũ có bằng lòng không ? Giờ đây Loan ở với thày mẹ. Vậy Vũ còn nhớ tới bạn, thì có thể cứ viết thư thẳng về đây, không có chuyện gì trớ ngai cả. Loan có quen nhiều người ở Pháp, nghỉ hè vừa rồi họ về đây, có một cô tên là Ng., Loan cũng có nhờ cô ấy về bên ấy nếu gặp Vũ, chuyển lời hỏi thăm Vũ hộ Loan. Vậy Vũ có gặp cô Ng. không ?..* ”

Đến lê Giáng sinh năm 1982, cô Loan còn gửi một tấm thiệp chúc mừng và cho anh Vũ biết là tất cả gia đình bố mẹ, anh chị em của cô đã sang cả Mỹ, và rất có thể gia đình cô cũng sẽ sang đó, chỉ chờ được bảo lãnh.

Tôi điện thoại hỏi anh Vũ về các chi tiết này, thì anh trả lời rằng *chính anh đã ngừng viết về cho cô Loan ngay từ cuối năm 1977*, vì hồi ấy anh đang gặp khó khăn trong công việc làm ăn ở đây, lại vừa mới xây dựng lại gia đình sau một chuyến đồ vỡ. Vả lại, trong đáy lòng, anh vẫn chỉ muốn nâng niu những kỷ niệm đẹp của mối tình ngày trước mà thôi, còn chuyện kéo dài quan hệ, không phải chỉ với cô Loan, mà còn cả với gia đình con cái cô ấy nữa, anh thấy nó cũng không đi đến đâu. Và anh đã phải chọn lựa.

Tôi không thể nào trách anh, nhưng cũng không thể nào không hình dung sự đau khổ của cô Loan trong bao nhiêu năm trời : từ 1949 đến 1977, tổng cộng 28 năm ; nối lại được liên lạc trong 2, 3 năm, rồi lại biệt tin tức của nhau gần 20 năm nữa, cho đến ngày cô mất.

Trong bức thư đê ngày 6-4-1977, cô Loan viết :

“ ... Vũ ơi, thư của anh viết cho em qua những dòng chữ thân yêu, đã 30 năm rồi em mới lại được nhìn thấy, như một liều thuốc hồi sinh, tim em lại nóng bỏng, tình yêu ở đâu lại tới rào rạt, những kỷ niệm đã qua lại vừa như ở trước mặt, tưởng như mới ngày hôm qua. Ở đây em mới vừa xem vở kịch

Lá Sầu Riêng của Kim Cương đóng. Trong Lá Sầu Riêng, tình yêu chỉ có 20 năm, mà chúng mình tới 30 năm, như thế là mình chiếm kỷ lục rồi đấy... ”

Trong thư đê ngày 8-5-1977, cô lại viết :

“ ... Em chắc thế nào giờ phút này anh cũng nhận được quà của em, quà của em là ô mai, thứ hương vị của tình yêu, ngọt là khi ta thấy yêu nhau, còn chua là ta xa nhau, cay là ta ghen nhau, phải không anh ? Vũ ơi, anh phải gấp C.T. và nhớ bé con bé của C.T., trước khi đi em đã hôn vào má phải của nó để qua Pháp anh sẽ tới hôn vào má bé tức là anh hôn em đó. Mới đây em Dung ở Bắc vào, lần này là lần thứ ba sau hai năm giải phóng, chị Thanh có gửi cho Dung cầm vào cho em lá thư của anh viết vào ngày 1-8-1975, làm em đọc thư anh em bồi hồi xúc động quá, tình yêu lại đến với em. Tim em bốc cháy còn hơn thời kỳ con gái nũa, nhiều đêm không ngủ được vì câu anh viết “ *đã lâu rồi em vẫn của anh* ”... ”

Vũ còn nhớ lần hai chúng mình đi từ bờ hồ Hoàn Kiếm, trời mưa lát phắt, rồi đi bộ xuống phố Huế, rồi các phố nũa. Loan cũng không nhớ là Vũ đã nói gì với Loan. Thật ra thì chúng mình đã yêu nhau từ năm đi tản cư ở quê Bồng cơ, nhưng không hiểu vì lẽ gì mà ta xa nhau ? Loan thì cho là lỗi tại Vũ hết. Giá Vũ cứ đến nói sự thật cho ba má Loan biết thì đâu đến nỗi, để bây giờ chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông, biết bao giờ mới gặp lại nhau, mà có gặp nhau thì người nào cũng có gia đình cả rồi, thoi thì dành chờ kiếp sau vậy... ”

Cô Loan viết những dòng thư trên vào năm 1977, lúc đó cô đã 47 tuổi, đã có 3, 4 đứa con ở tuổi trưởng thành cả rồi, và tóc chắc cũng đã bắt đầu bạc ! Vậy mà lời lẽ còn trẻ trung, như thời con gái ! Đọc những bức thư, tôi cứ ngỡ là mình mơ. Hay là chính những người trong cuộc mơ cũng nên ! Họ tưởng là họ còn trẻ lắm chăng ? Hay là tình yêu đã cho họ một nghị lực mới, một nguồn cảm hứng mới ? Hay là tình yêu bỗng lại đem đến cho họ những đau khổ, dằn vặt của những ngày mới yêu ? Người ta thường cho rằng cao điểm của tình yêu là lúc người ta yêu nhau đến mức đau khổ, có phải thế chăng ?

Tình yêu, ôi tình yêu ! Hoạ chặng chỉ có mi mới chống lại được sức tàn phá của thời gian ? Chỉ có mi mới cho phép nhà thi sĩ nói được câu :

*Em mãi là hai mươi tuổi,
Ta mãi là mùa xanh xưa !*

Một ngày nào đó, tâm sự cùng tôi, chắc anh Vũ sẽ nói : Ngày ấy đã qua đi với năm tháng, mối tình đầu đã trao cho nhau với tất cả sự thơ ngây, trong trắng, với tất cả ước mơ, đam mê, của thời tuổi trẻ. Dù cuộc sống có làm cho anh thay đổi đi nũa, thì hình ảnh của Loan vẫn mãi mãi theo anh. Trước kia, bây giờ, và quãng đời còn lại, Loan vẫn là Loan của anh năm xưa.

Và chắc hẳn anh sẽ lại mượn hai câu thơ của T.T.Kh để nói lên nỗi lòng mình :

*Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên*

Bây giờ không còn cô Loan phố Hàng Đào nữa, cũng như đã từ lâu rồi, trong tâm tưởng của những lớp người như anh Vũ và tôi, không còn phố Hàng Đào ngày xưa nữa, cũng như chẳng còn Thái Hà ấp nữa, nhưng tất cả những kỷ niệm đẹp cũ đều vẫn còn nguyên vẹn, như mới ngày nào còn thấp thoáng những tà áo ấy, những nụ cười ấy, và hô sen ấy...

Văn Ngọc

Hàn Thuỷ

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ (3)

4. Bộ não con người và điện não

Chữ *điện não bộ*, nếu người viết không nhớ sai, được dùng ở Trung Quốc để dịch chữ *computer* (Anh, Mỹ) hay *ordinateur* (Pháp), mà miền Nam ngày xưa gọi là *máy điện toán*, ngày nay phổ biến trong nước là *máy tính điện tử* (MTĐT). Khi dùng lại chữ *điện não* trong tiêu tựa người viết không có ý đồ bịa vê thuật ngữ, mà chỉ vì nó thích hợp với khung cảnh của bài. Thật vậy, khi MTĐT mới ra đời, người ta hổn hển nghĩ rằng nó sẽ thay thế cho bộ óc con người (gọi là *sinh não* cho gọn), nên trên báo chí tại Âu Mỹ cũng đã thấy dùng những chữ như : *cerveau electronique, electronic brain...* Tuy rằng đó chưa bao giờ là những thuật ngữ chính thức của các nhà tiên phong về tin học, đa số trong họ đều tin vào khả năng thay thế *sinh não* bằng *điện não* trong tương lai. Các nghiên cứu trong chiều hướng đó chưa bao giờ bị gián đoạn, nhưng hiện nay chúng ta đều biết tác dụng kinh tế xã hội rất to lớn của tin học không phải ở chỗ nó đã thay thế được tư duy của con người, mà ở chỗ nó trở thành một công cụ hỗ trợ rất hữu hiệu. Trên thực tế sử dụng đại trà hiện nay, MTĐT cơ bản chỉ làm được hai chuyện, một là tính toán với vận tốc hàng tỷ phép tính một giây, và hai là lưu trữ và tìm kiếm thông tin nhanh từ phần nghìn giây đến vài giây, trong một khối lượng thông tin rất lớn ; và với sự bùng nổ của Internet những thông tin đó có thể nằm bất cứ đâu trên toàn cầu. Còn những chuyện rất đơn giản với sinh não, như nhận ra ngay một gương mặt quen biết, thì MTĐT lại chưa làm được chuẩn xác và nhanh bằng.

Phải chăng quan hệ giữa điện não và sinh não cũng như giữa con chim và chiếc máy bay ? Ước mơ bay bổng của con người, từ Icare buộc cánh chim vào tay, qua những chiếc máy (không) bay đầu tiên có cánh võ giống hình chim, chỉ thành hiện thực với các máy bay có cánh cố định, không võ, không có chức năng động cơ. Chúng đã không còn gì là bắt chước con chim nữa, chúng chỉ làm được một chuyện là vận tải đường không, nhưng làm tốt hơn thiên nhiên rất nhiều, chở hàng trăm người xuyên đại dương trong vài giờ.

Sự so sánh trên có phần đúng về hiện tượng, nhưng như thế là bỏ qua một khía cạnh có tính bản chất : các công cụ nhân tạo như xe hơi, máy bay... là các sản phẩm vật chất được quan niệm và chế tạo cho một mục đích nhất định, còn MTĐT là một công cụ trùu tượng *vạn năng*. Trùu tượng, vì điều quan trọng trong MTĐT không phải là cái hộp đựng bộ vi xử lý và ổ đĩa, công bàn phím và màn hình, mà là những chương trình nằm trong bộ nhớ của máy ; và chương trình cũng chỉ là một chuỗi chữ viết mà thôi. Và *vạn năng*, vì khi người ta thay đổi chương trình thì khả năng của MTĐT cũng thay đổi.

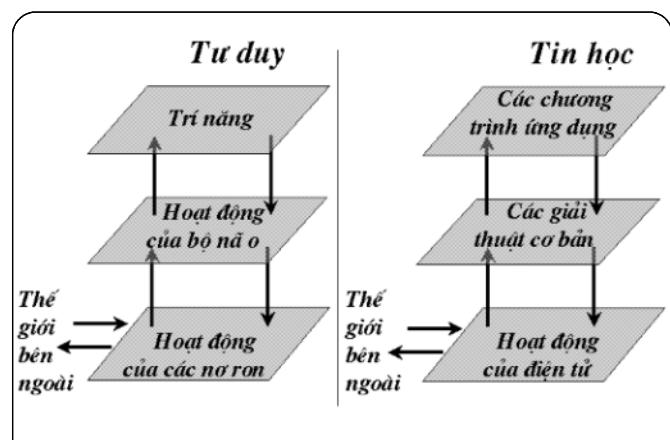
- “ Tôi phản đối, nói như vậy có thể bảo đó là *đa năng* chứ chưa phải là *vạn năng* ”.

- Vâng, đúng là có thể làm nhiều việc khác với có thể làm mọi việc. Nhưng thực ra MTĐT vẫn là vạn năng, theo một cách hiểu “ chuyên môn ” hơn : bất cứ điều gì có thể được mô tả hoàn toàn đầy đủ và chính xác thì có thể viết chương trình giao cho nó thực hiện ; dĩ nhiên với hai hạn chế : thời gian nó làm nhiệm vụ không thể bằng không (trên thực tế với sức máy hiện nay thì đây không còn là vấn đề), và để thực hiện những nhiệm vụ có ảnh hưởng vật chất tức thời thì cần cho nó những bộ phận cơ khí và điện tử vào-ra thích hợp để đóng vai trò tai mắt và chân tay. Hiện đã có hàng tỷ bộ vi xử lý làm những công việc như vậy trong máy bay, xe hơi, máy ảnh... và khi đó nó trở thành một bộ phận trong những công cụ chuyên dụng như những công cụ chuyên dụng khác, nhưng mềm dẻo, dễ dùng và rẻ hơn.

Xin mở ngoặc về dòng chữ *mô tả hoàn toàn đầy đủ và chính xác*, đây chính là cốt lõi trong việc ứng dụng tin học trong mọi vấn đề, và đây là khâu của con người, nó quyết định phần lớn sự thành bại trong một đề án tin học hoá. Đó là chuyên thường ngày, nó giải thích tại sao các chuyên gia tin học là những người rất “ ma nhắc ”, hoạnh họe tỉ mỉ đủ mọi thứ chuyện mỗi khi cần đến họ. Vì như có người nói “ con quỷ nằm trong các chi tiết ”, có cái gì không chạy mà lại hỏi chuyên gia cây nhà lá vườn, thí dụ như “ tại sao máy tôi nó không chịu in... ” là sẽ bị hỏi lại : “ anh đã làm thế nào ? ... ” vì nếu không biết đủ chi tiết thì không thể đổi điện cái MTĐT, trong mọi trường hợp từ nhỏ đến lớn.

Trở lại việc so sánh sinh não và điện não. Trong hình 2 dưới đây, bình diện tư duy của hình 1 trong bài trước được phân tích chi tiết hơn thành ba bình diện : trí năng, hoạt động của bộ não, và hoạt động của nơ ron. Dĩ nhiên với sự phức tạp của tư duy thì phân chia tuyến tính như thế rất là đại khái, đây không phải là một giải thích khoa học, mà chỉ là những cái mốc để bàn luận và so sánh mà thôi. Bên cạnh là hình vẽ tương tự cho tin học.

Tương ứng với các chương trình ứng dụng tin học chỉ xin để một chữ *trí năng* mà thôi, vì tuy hoạt động tư duy của con người còn nhiều mặt khác, tất cả những gì máy tính làm được cho đến nay chắc là chưa đầy một chữ *trí năng* này. Còn những nghiên cứu để dùng tin học mô phỏng các chuyện khác như trực giác, sáng tạo... sẽ xin được nói sau. Ở đây có vài dòng về thuật ngữ *trí tuệ nhân tạo* đã được dùng quen, theo thiển ý nên sửa lại là *trí năng nhân tạo* (theo đề nghị của giáo sư Hồ Thuần ở Việt Nam), vì trong *trí tuệ* có *tuệ giác*, một khái niệm của duy thức học Phật giáo khác hẳn, nếu không nói là đối lập



Hình 2 : Các tầng lớp trong hoạt động tư duy và của các hệ thống Tin học.

với, tư duy thuần lý ; điều mà máy tính hoàn toàn chưa có (cũng vì tuệ giác là cái gì chưa mô tả được hoàn toàn đầy đủ và rõ ràng ! chỉ có thể bản thân mỗi người thử nghiệm mà thôi).

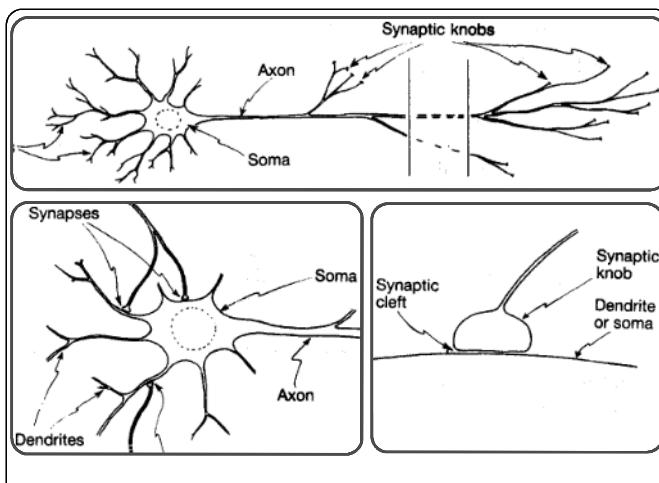
Trong bình diện tương đương với những hoạt động khác nhau của bộ não mà hiện nay người ta đã có một số hiểu biết, như nghe, nhìn, vận dụng ngôn ngữ... có thể sắp đặt một số những giải thuật và cấu trúc có tính cơ bản và tổng quát của tin học. Và bình diện cuối cùng đặt ngang hàng hai công cụ nhỏ nhất từ đó xây dựng các bình diện trên : nơ ron của sinh não và các mạch điện tử của điện não. Sau đây xin đi vào chi tiết từ dưới lên trên, qua đó ta có thể tóm tắt một số kết quả và vấn đề tương lai của công việc nghiên cứu hội tụ tin học - sinh học.

4.1. NƠ RON VÀ TRANSISTOR

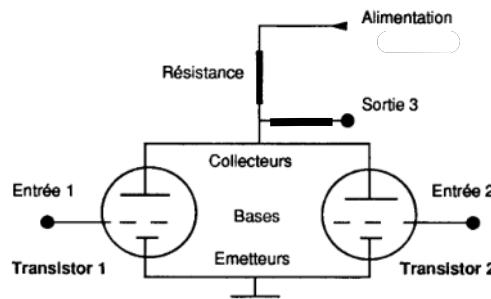
Hai hình vẽ 3 và 4 là loại có trong nhiều sách báo phổ biến khoa học vì chúng đem lại những thông tin đã vững chắc từ khoảng vài chục năm nay. Hình 3 cho thấy sự cấu tạo và hoạt động của nơ ron, và hình 4 biểu diễn một trong vài hàm lôgic cơ bản nhất dùng trong MTĐT.

Mỗi nơ ron là một tế bào, có màng bao bọc và hạt nhân nằm trong, nhưng thay vì chỉ có một màng bao bọc 'nhẵn', màng nơ ron được gắn với nhiều dây tua ra gọi là *dendrites* (thượng nguồn) và một sợi *axon* (sợi thần kinh) mảnh dẻ vài micron, nhưng dài có khi đến vài chục cm, axon cũng kết thúc bằng một chùm dendrites (hạ nguồn), phần thân tế bào và hạt nhân còn được gọi là *soma*. Dendrites của một số nơ ron có thể được gắn với bắp thịt và các giác quan, nhưng phần lớn hơn là để nối các nơ ron với nhau, điểm nối này gọi là *synapse* (synaptic knob). Đa số các nơ ron chỉ nối với các nơ ron khác mà không có liên hệ với 'bên ngoài', các dendrites của axon nối với các dendrites của soma hay nối thẳng vào soma.

Có thể coi nơ ron như một cơ chế xử lý thông tin. Nơ ron hoạt động như sau : Tín hiệu được truyền đi từ soma, qua axone, dendrites hạ nguồn, tới các synapses gắn với các nơ ron khác, vận tốc truyền vào khoảng vài trăm mét một giây, và soma hoạt động theo nhịp, mỗi giây có thể truyền đi khoảng từ 1 tới 1000 xung tín hiệu, nhịp điệu này tuỳ theo loại nơ ron và trạng thái hoạt động của bộ não như thức, ngủ... Nói tín hiệu được truyền đi theo nhịp nghĩa là axon có thể truyền một trong hai trạng thái đơn giản nhất, 'có' và 'không', tuỳ theo soma có bị kích thích hay không, nếu đúng nhịp mà không có một chất hoá học đặc biệt gọi là *neurotransmetteur* truyền qua



Hình 3 : Cấu trúc nơ ron và chi tiết. Theo "The emperor's new mind", Roger Penrose ; nxb Oxford University, 1990.



Hình 4 : Mạch logic 'VÀ' (AND). Theo "Les nouvelles frontières de la connaissance", André Rousset, nxb ellipses ; 1993.

các synapse tới các nơ ron khác, thì có nghĩa là không. Chất *neurotransmetteur* được chế tạo tại chỗ chứ không phải là được truyền qua axon và dendrite, cái được truyền đi là một loại tín hiệu hoá-điện rất chậm so với vận tốc truyền điện trong dây đồng.

Vậy khi nào thì soma bị kích thích ? điều này tuỳ thuộc các dendrites thượng nguồn của nó có thu thập (từ các nơ ron khác qua các synapses, hay từ các giác quan) đủ các chất hoá học truyền tới nó hay không. Và như thế là ta có hơn một trăm tỷ bộ máy 'xử lý thông tin' đơn giản và có cơ chế hoạt động giống nhau, nối chằng chịt với nhau để hợp thành sinh não.

Theo như mô tả ở trên thật không có gì hoàn toàn tương đương trong các cấu phần cơ bản của sinh não và điện não, nhưng về chức năng thì tương đương : tín hiệu được truyền đi hay không truyền đi, theo nhịp điệu. Mạch vẽ trong hình 4 cũng có thể coi như một nơ ron rất đơn giản, chỉ có hai đầu vào và một đầu ra, đầu ra được kích thích và truyền đi tín hiệu khi cả hai đầu vào đều có tín hiệu. Mạch này hoạt động như sau : Khi không có tín hiệu thì các transistors dẫn điện, và vì điện trở của nó khi đó rất nhỏ so với điện trở dẫn tới đầu ra (3), cho nên chỉ cần một trong hai đầu vào (1) hay (2) không có tín hiệu là coi như điện chạy xuống, và không có điện ở đầu ra. Ngược lại chỉ khi cả hai đầu vào có tín hiệu, nghĩa là cả hai transistor đều ngắt điện, thì khi ấy điện mới chạy tới đầu ra, thành tín hiệu.

Thật đơn giản, quá đơn giản. Nhưng vì thế mà hiện nay nhịp hoạt động của nó lên tới hàng tỷ lần mỗi giây. Một bên thì rất nhiều đầu vào đầu ra (có thể tới số nghìn) và rất chậm còn một bên thì rất ít vào ra, nhưng rất nhanh. Mặt khác người ta đã chứng minh được rằng chỉ bằng cách ghép nối khéo léo các mạch 'VÀ' như trong hình 4 với nhau là có thể thực hiện được tất cả các chức năng phức tạp khác của việc xử lý thông tin, trên thực tế các linh kiện điện tử cũng được cấu tạo như vậy, nhưng từ một mạch cơ bản khác, do tiện lợi hơn.

Từ đó có thể chắc chắn rằng sinh não không cần gì khác ngoài tổ hợp các nơ ron để có đủ chức năng xử lý thông tin vạn năng. Nhưng, ngoài câu hỏi sinh não có những chức năng nào khác không ? Ít ra còn hai điểm khác nhau lớn cần nói tới giữa nơ ron và mạch điện tử của MTĐT. Một là, chức năng ghi nhớ của sinh não hoàn toàn khác với chức năng ghi nhớ của điện não, và người ta chưa hiểu hết cơ chế ghi nhớ của sinh não. Điều người ta biết qua thực nghiệm là các synapses không giống nhau, với thời gian và qua tần số các xung tín hiệu truyền qua nó, một synapse có thể trở thành rất nhạy bén (gắn chặt hai nơ ron với nhau) hoặc rất lỏng lẻo, lâu không dùng thành ra càng khó kích động trở lại. Như thế người ta nghĩ

rằng chức năng ghi nhớ của sinh não được thể hiện một cách tổng hợp bằng những cấu hình liên lạc với nhau chặt chẽ hay lỏng lẻo của một số nơ ron, chứ không hề có một nơi nào đó ghi lại một thông tin đơn giản như một bit của điện não. Và hai là, độ tin cậy trong hoạt động của sinh não cũng phải được nhìn dưới góc độ hoàn toàn khác, và điều này cũng do tính chất của các xung tín hiệu, chức năng ghi nhớ và synapse. Một mặt các xung tín hiệu đến các synapse không phải là hoặc có hoặc không như trên đã đơn giản hóa, nó có thể mạnh hay yếu, và synapse có thể ví như cánh cửa hoặc trơn tru dầu mỡ rất dễ mở, hoặc lâu ngày rỉ sét kẹt cứng. Như thế nơ ron về thực chất giống như một cơ chế xử lý thông tin tương tự (một loại máy tính đặc biệt) đã lỗi thời trong đó hàm số liên hệ đầu vào và đầu ra được mô hình thẳng bằng các một mạng các vật thể điện từ biến thiên liên tục chứ không thông qua khâu số thức hoá) rất không chính xác, hơn là một cơ chế số thức, mỗi lần hoạt động nó lại có tính chất hơi khác trước chứ không phải như một là một, không là không. Một khác hoạt động tổng thể của sinh não lại có độ tin cậy khá cao do việc bao giờ cũng nhiều nơ ron tham dự song song vào một chức năng. Thật là một sai lầm rất áu trĩ nếu trong các suy luận về hoạt động tư duy của con người lại lấy cái MTĐT làm mô hình, như có khi ta đọc được ở đâu đó.

Thế thì ngược lại, có thể lấy sinh não làm mô hình cho điện não không ? có thể viết chương trình hay câu tạo các mạch số thức để cho MTĐT hoạt động giống như một tập hợp nơ ron không ? lại phải tụng cái câu thần chú của người làm tin học : có thể được, nếu mô tả những hoạt động ấy được một cách đầy đủ và rõ ràng. Nhưng ở đây cần tương đối hoá bớt đi câu ấy, vì như đã viết trong một lần trước, quá trình hội tụ giữa tin học và sinh học, cũng như quá trình hợp tác giữa tin học và các ngành ứng dụng khác, là một vòng xoắn đi lên. Mô tả và mô hình có thể và cần tương tác với nhau để càng ngày càng đầy đủ và rõ ràng. Mạng nơ ron là một lối đi theo hướng ấy, người ta đã thử nghiệm tương đối thành công và hữu ích những mạng nơ ron nhỏ (chắc chưa đến số nghìn) nối với nhau theo kiểu “mờ”, không phải 1 hay 0 mà một trị số nào đó ở giữa.

4.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN LẠI

Mô hình hoá một số ít nơ ron thì có khả năng được, nhưng mô hình hoá bộ não thì chưa. Khó khăn không phải vì một sự khác biệt khá cơ bản : một bên chỉ có một (vài) bộ xử lý phức tạp hoạt động và một bên là hàng trăm tỷ bộ xử lý đơn giản hoạt động song song, vì với vận tốc nhanh hơn hàng chục triệu lần của điện tử so với nơ ron người ta sẽ có thể mô phỏng sự song song bằng sự tuần tự. Có lẽ khó khăn chủ yếu vì sự mô tả bộ sinh não quá phức tạp hiện nay còn quá mù mờ.

Đến đây chúng ta đi vào một vùng sương khói mịt mù, chưa thể gọi là lý luận khoa học kinh điển hoàn chỉnh được mà chỉ có thể nói là những ức đoán của các nhà khoa học mà thôi. Do đó mặc dù ở trên đã phân biệt các bình diện trí năng và hoạt động bộ não, không thể trình bày riêng biệt hai bình diện đó. Hiểu biết về bình diện ở giữa chính là hiểu biết về tính cách bắc cầu giữa những khái niệm trừu tượng về tư duy con người, xuống tới các hoạt động của nơ ron. Thế mà ngay cả những chữ : trí năng, trí tuệ, tư duy... cũng không có định nghĩa rõ ràng duy nhất, các định nghĩa tuỳ thuộc lập trường của mỗi nhà.

Và ở đây phải nói tới những hạn chế rất lớn của phương pháp “trông mặt mà bắt hình dong”, tìm cách thể hiện những đặc tính bề ngoài của sự vật để hy vọng hiểu rõ bên trong nó.

Một thí dụ điển hình là các chương trình đánh cờ, về mặt hiệu năng chúng đã đạt các kết quả đáng kinh ngạc như thủ thắng trước vua cờ thế giới, nhưng chúng không giúp gì cho việc tìm hiểu các cơ chế tư duy của con người cả, các giải thuật cơ bản nằm dưới chương trình đánh cờ đó hoàn toàn là nhân tạo và tìm cách khai thác thế mạnh của MTĐT là chính, có cái gì giống như cái cánh máy bay. Trông mặt mà bắt hình dong là một phương cách nghiên cứu và sáng tạo, nhưng nó chỉ có thể đưa tới hiểu biết về hiện thực khi nó được kết hợp với phương pháp giảm thiểu. Nói cách khác chỉ khi các mô hình trong mỗi tầng lớp của một lý thuyết được kiểm chứng là sát với các hiện tượng của tất cả các từng lớp trong quy trình giảm thiểu thì mới có thể cho rằng lý thuyết đó thích hợp, và giúp cho người ta hiểu hiện thực.

Khi tìm cách áp dụng quy trình tìm hiểu và kiểm chứng này trên bình diện cao nhất của tư duy và tìm cách bắc cầu xuống các hoạt động sinh lý của nơ ron (hay biết đâu, có thể xuống sâu hơn nữa) thì người ta còn chưa làm được, do sự phức tạp của bộ sinh não. Do đó, người ta mới chỉ “trông mặt mà bắt hình dong” một cách “tương đối khan” mà thôi, nhưng tương đối, cũng có nghĩa là không hoàn toàn từ trên trời rơi xuống. Hiện nay mỗi nhà khoa học, tuỳ thuộc phạm vi nghiên cứu, đã có thể vận dụng các hiểu biết của mình để đưa ra những ức đoán về cây cầu nói trên, với hy vọng các tiến triển của khoa học sẽ cho phép kiểm nghiệm, và cũng có người cho rằng sẽ không bao giờ kiểm nghiệm được và các hoạt động đó sẽ mãi mãi thuộc phạm trù suy tư triết học.

Điểm khởi đầu tương đối giống nhau, đó là các câu hỏi đã được đặt ra từ lâu đời, thí dụ như : tư duy phản tinh là gì ? tại sao con người có tư duy phản tinh (có ý thức về sự hiện hữu và suy tư của chính mình). Thế nào là một quyết định tự do ? con người có quyết định tự do hay không ? Ít trù tuong hơn là các câu hỏi làm sao phân loại và giải thích khả năng ghi nhớ, khả năng hiểu biết về ngôn ngữ và khả năng suy luận... Điểm kết thúc là các cơ chế hoạt động của nơ ron cộng với các cơ chế lý-hoa-sinh khác thì cũng giống nhau. Chương trình nghiên cứu đã khá sáng tỏ và cụ thể, đó là khác biệt căn bản với những suy tư thuần triết học từ vài chục năm trở về trước.

Thế còn những cây cầu khác nhau ? Có khá nhiều và chuyên sâu phức tạp, người viết không có khả năng hiểu hết, nói gì đến trình bày lại. Chỉ xin liệt kê một số tác giả được coi như bậc thầy trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác. Trước hết phải nói đến **Edelman**, giải Nobel về sinh học, ông khởi đi từ quan niệm các nơ ron trong bộ óc phát triển và liên kết trong một quá trình kiểu Darwin, và từ đó nghiên cứu sự hình thành các bộ phận cao hơn của bộ não, và các khái niệm triết học trù tuong nói trên. **Minsky**, một nhà khai sáng trong lĩnh vực trí năng nhân tạo tại MIT đưa ra mô hình “xã hội các tinh thần”, khởi đi từ một thực thể nhân tạo (gọi là tinh thần) rất đơn giản nhưng cũng có thể mô hình hoá nhiều tầng phức tạp bằn nhiều cách kết hợp chúng với nhau. **Chomsky**, nhà ngôn ngữ học, với quan niệm về một khả năng chung nhất của con người về ngôn ngữ, cũng có ảnh hưởng lớn trong các nghiên cứu về sinh não, tuy ông không trực tiếp tham gia. Và sau cùng là **Penrose**, nhà toán lý tên tuổi, quan niệm rằng hoạt động của bộ sinh não không hoàn toàn có tính giải thuật, vì thế nào cũng có những tác động trực tiếp của những quy luật cơ học lượng tử lên trên hoạt động của bộ óc. Thực khó mà kiểm chứng, nhưng tại sao không ?

Hàn Thuỷ

ĐÓI LỜI GIỚI THIỆU:

BÙI GIÁNG VỐI “ MARTIN HEIDEGGER VÀ TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI”

CUỘC HÔN PHỐI TUNG BỪNG

Bùi Văn Nam Sơn

PHẦN II (TIẾP)

2. Ông (Hölderlin, *DĐ*) tư duy theo mục đích luận. Tinh thần con người và lịch sử nói chung đều hướng về một mục đích. Toàn bộ tồn tại đều mang tính tiến trình. Sự sống tự vận động theo một vòng quay ly tâm (*exzentrische Bahn*). Khởi nguyên là một “ thời đại hoàng kim ”, xét ở góc độ lịch sử giống loài đó là trạng thái tự nhiên với sự hòa điệu nguyên thủy ; xét ở lịch sử cá thể là tuổi ấu thơ hồn nhiên, thơ dại. Giai đoạn phát triển tiếp theo là sự tha hóa tất yếu ^(*) (theo nghĩa vừa tất nhiên vừa cần thiết) của sự cá thể hóa, sự phân liệt chủ thể - khách thể, sự phản đối giữa con người và tự nhiên. Nơi cá thể, đó là giai đoạn phản tư, biểu hiện ở sự Khai sáng cho thấy con người không còn là một với thế giới vật thể chung quanh. Con người lớn lên, đồng thời mang trọn nỗi đau của sự cá thể hoá với lòng hoài mong trở về với trạng thái sơ nguyên. Đây chính là thời đại của chúng ta, được Hölderlin gọi ẩn dụ là “ đêm trường ”, là “ thế dạ ” trong cách dịch của Bùi Giáng (*die Nacht*). Để thắng vượt nỗi đau ấy, con người tìm kiếm mọi nẻo đường để khắc phục tha hóa, “ hòa giải ” với thiên nhiên, với người khác, với chính mình, với cái siêu linh, trên một trình độ khác, cao hơn, không giản đơn, để “ đạt thân ”, ở chốn “ quê nhà đích thực không còn sự thống trị u tối nào ”.

Lý luận về lịch sử theo kiểu biện chứng - tiến trình được hệ thống hóa một cách duy tâm nơi Hegel - hay cải tạo một cách duy vật nơi Marx sau này - đã tìm thấy những bước đi đầu tiên trong các tác phẩm của Hölderlin.

Và Heidegger, trong cách đặt vấn đề về hữu thể có khác hơn, nhưng cách giải đáp của ông về việc khắc phục tha hóa - hiện hữu đích thực / không đích thực (*eigentlich / uneigentlich*), có ý thức về sứ tính của hữu thể / lâng quên hữu thể (*seingeschichtlich / seinsvergessen*) - cũng không khỏi lấy cảm hứng từ cách tiếp cận này.

3. Hölderlin khác với Hegel, bạn ông, ở kết luận : ông không tin rằng cơ sở hiện thực tối hậu của tri thức, tức nền móng của hệ thống triết học có thể đạt được bằng một động tác của tư duy. Cả hai ông đều chung một tiền đề : mọi phát biểu về cái Toàn thể đều phải hợp với lý tính, nhưng với Hölderlin, chưa thể có một phát biểu nào như thế, nhất là nếu chỉ dựa vào lý tính đơn thuần. Nếu Hegel tin rằng mình đã nắm chắc cái Toàn thể trong

(*) Tất yếu (*notwendig*) : Khái niệm rất hệ trọng trong triết học cổ điển Đức. Ngay Heidegger cũng xem việc “ lâng quên hữu thể ” (tức tha hoá) là tất yếu.

tay - Lý tính của ông đã thoát ly chủ thể cá nhân, đứng hẳn trong miếng đất của cái Tuyệt đối và triết học là biểu hiện tối cao của cái Tuyệt đối - tức Lý tính - tự nhận thức chính mình, thì Hölderlin chỉ xem đó là một dự báo (*die Ahnung*) còn phải chờ bản thân Lý Tính kiểm nghiệm. Trước cả Nietzsche, Dilthey và trước rất xa Horkheimer, Adorno và các nhà “ hậu hiện đại ”, ông lo ngại trước tính “ công cụ ” của lý tính : “ Từ giác tính đơn thuần (*der Verstand*), không thể có triết học, vì triết học là cái gì sâu xa hơn nhiều những tri thức hữu hạn về cái hiện tồn. Từ lý tính đơn thuần (*die Vernunft*) cũng không thể có triết học, vì triết học còn là cái gì khác hơn là đòi hỏi mù quáng một sự tiến bộ không ngoi nghỉ để kết hợp rồi tách rời các vật liệu khả giác ” (12). Nếu triết học không là gì khác hơn là tư duy thuần túy lý tính, thì so với thi ca, nó lại bất cập : không thể đặt nền cho đạo đức học. Từ lý tính đơn thuần, không thể rút ra lý tưởng nhân đạo hoặc thực tiễn cuộc đời. Lý tính không tự đặt nổi nền cho chính mình, cũng không thể mang lại mục đích cho cuộc sống. Không mang lý tưởng lại cho lý tính, thậm chí nó sẽ trở thành công cụ khủng bố bạo tàn. (Hegel về sau cũng có phân tích sâu sắc mặt này trong “ Hiện tượng học Tinh Thần ”). Vì thế, nó chỉ là quan năng hạng nhì, cần được định hướng bởi “ cái đẹp của tinh thần và của trái tim ”. Chúng ta phải huy động toàn bộ khả năng nhận thức của con người nếu muốn mang lại chân lý và ý nghĩa cho cái Toàn thể. Toàn bộ năng lực ấy của con người, theo ông, chính là nghệ thuật thi ca theo nghĩa rất rộng. Là đứa con của thời Khai sáng, hẳn nhiên ông chỉ chấp nhận một tri thức có thể đứng vững trước sự kiểm tra của Lý tính theo nghĩa Trí tuệ (*Ratio*), ông không thể đi giật lùi trước sự Khai sáng như các nhà lâng mạn, điều ông muốn là một sự “ khai sáng cao hơn ” mà Hegel cho rằng đã trở thành sự thật trong triết học của mình. Cho nên, với Hölderlin, tự do có nghĩa là tự giải thoát khỏi những rào cản của nhận thức, là vươn tới cái còn Bỏ Ngỏ (*das Offene*).

Hình tượng điển hình của ông, vì thế, là Hyperion, tên nhân vật chính trong tác phẩm lớn của ông, là hình tượng con người tự đào luyện, bị tha hóa và không ngừng tự khắc phục tha hóa. Hyperion luôn bị đánh mất thiên đường của mình - qua hình ảnh “ đoạn trường ” của nàng Diotima - và phải nỗ lực không ngừng để lên đường tìm lại. Tên tức là người : Ion (tiếng Hy Lạp) là kẻ lữ hành, Hyper là quá mức độ. Hyperion, Hyper - Ion : người lữ hành miên viễn, kẻ trường lữ.

4. Như đã nói, “ thi ca ” (*Dichtung, Dichtkunst*) được Hölderlin bàn cặn kẽ theo nghĩa hẹp lẫn nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp, phản đối mỹ học duy lý của Baumgarten, ông cho rằng, chính thi phẩm đóng vai trò hòa âm, điều tiết (*Akkord*) cho các năng lực tinh thần khác của con người, nó điều tiết cả cảm tính, giác tính và lý tính (các khái niệm này được hiểu theo nghĩa của Kant). Theo nghĩa rộng, thi ca phản ánh tính cách “ hyperpol ” của tinh thần con người luôn có khả năng suy tưởng vượt ra khỏi ranh giới của kinh nghiệm, nó tạo nên các bước nhảy vọt về chất trong tư duy, tạo ra được cái chỉnh thể (*Einheit*) mà tư duy phản tư (trong đó, chủ thể, khách thể và hành vi phản tư tách rời nhau) không thể thực hiện (xem thêm (13)). Từ tiền đề duy tâm khách quan, Hölderlin xem thi ca là sự tái tạo về mặt cấu trúc quy luật vận động của Tinh thần, và Tinh thần cần thông qua thi sĩ (với Hegel là triết gia) như công cụ tất yếu để tự nhận thức. Cả các quan hệ xã hội, văn hóa, và mối liên lạc giữa con người và tự nhiên tự chúng đã là “ những tác phẩm nghệ thuật ” do “ thiên nhiên ” tạo ra theo bản chất của con người. Triết gia - Thi sĩ có cả nghĩa vụ góp phần thực hiện lý tưởng xã hội, mang

tri thức của mình ra phục vụ cho tự nhiên và xã hội theo lý tưởng của cái đẹp (xem thêm (14)). Cả tôn giáo - vê bản chất cũng mang tính thi ca (15). Điều đó không có nghĩa rằng tôn giáo và thi ca là một, càng không phải chuyển thi ca thành đức tin tôn giáo mà vì cả hai có cùng cấu trúc ẩn tàng.

Mỗi bài thơ (Gedicht) cũng mang cấu trúc của Tinh thần như một tái tạo : nó mang tính “ đối lập - thống nhất ” để chuyển được cái “ đối lập - thống nhất ” là thành tựu của Tinh thần ở bên ngoài làm chất liệu bên trong cho một toàn thể biện chứng. Hegel cũng nhìn nhận nghệ thuật, tôn giáo, triết học đều có cùng nội dung là cái Tuyệt đối, nhưng ông phân cấp “ cao thấp ” : nghệ thuật phản ánh cái tuyệt đối bằng cảm quan (Anschaung), tôn giáo bằng biểu tượng (Vorstellung), và triết học bằng tư tưởng thuần tuý (reine Gedanken) một cách tách rời. Hölderlin muốn kết hợp lại thành một chỉnh thể, hay như cách nói của ông : “ Huyền thoại - (tức nghệ thuật thi ca) phải mang tính triết học để mang lại lý tính cho quần chúng, còn triết học phải trở thành thi ca để làm cho các triết gia biết cảm xúc ” (16).

Muốn vậy, phải đi tìm Ngôn ngữ mới. Hölderlin ý thức sâu sắc về mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ. Trong “ Mnemosyne ”, ông xét tình trạng tha hóa hiện nay của con người - giai đoạn đối lập biện chứng quyết liệt, trực tiếp trong đời sống của giống loài và của từng cá thể, - đồng thời cũng là sự tha hóa của Ngôn ngữ :

Chúng ta chỉ là những ký hiệu
trống rỗng, vô nghĩa lý
chúng ta dường dưng vô cảm và
gần như đánh mất hết ngôn ngữ về nơi xa lạ (17).

Ngôn ngữ mòn cũ rút giảm cái mới của Kinh nghiệm mới vào ngôn ngữ của cái cũ, cái đã biết, rồi quên lãng đi. Ông quyết tạo ra một ngôn ngữ thi ca mới, một cung điệu mới (Sangesart) bắt buộc phải khác với ngôn ngữ trước nay. “ Bắt buộc ” vì đây là yêu sách nội tại, chứ không phải để “ lập dị ”, tương ứng với giai đoạn phát triển hiện tại của tri thức và đời sống. Ông cho rằng, về khách quan, con người đang sống trong những điều kiện cho phép họ vươn tới nhận thức đầy đủ về chính mình và về thế giới ; về chủ quan, ông tin vào năng lực giải minh (hermeneutisches Vermoegen) của con người : “ Con người có thể đặt mình vào hoàn cảnh người khác, có thể làm cho thế giới của người khác thành thế giới của chính mình ” (18) mà ông gọi ẩn dụ là cuộc “ hội thoại ” (Gespraech) (19). Con người đủ trưởng thành cho đối thoại. Và ngôn ngữ tương ứng mới làm cho cuộc đối thoại thành tựu.

Thi ca, như thế, có tác dụng thanh tẩy (Katharsis) : người thi sỹ sống trọn vẹn bi kịch của thời đại (kiểu nói khác của Hegel : “ triết học thấu hiểu thời đại mình bằng tư tưởng ”), xem bi kịch là điều kiện phát triển tất yếu của đời sống, truyền đạt cho người cùng thời để họ không sợ hãi trước bước đi khủng khiếp của lịch sử, làm tăng thêm sức sống để chào đón thời đại mới.

Thời đại mới nói ở đây là “ thời đại hoàng kim ” được khôi phục, là sự Trở - Thành - Một (Eins - Werden) với cái đã bị tha hóa (kể cả với nội tâm bị tha hóa của bản thân ta) trong một trạng thái “ Tinh thức hoàn toàn của Tinh thần ”, một “ Hiện tại miên trường của cái Ở đây và Nay giờ ” (volle Geistes - Gegenwart), trong đó, Quá khứ và Tương lai đều được vượt bỏ (aufheben) một cách biện chứng. (Như ta biết, về sau, Heidegger sẽ đi sâu vào điểm tinh túy này một cách âm u, kỳ tuyệt như thế nào trong phân tích của ông về Thời gian. Các nhà Thiền học cũng có thể gặp ở đây ít nhiều sự tương ứng...).

5. Như có nói qua ở trên, trong khi Hegel tin rằng đã đạt được chân lý qua hệ thống triết học của mình thì với Hölderlin, chân lý còn ở phía trước. Đây là điểm khác cơ bản về nhận thức luận giữa ông và Hegel đồng thời cũng có chỗ khác với trào lưu “ hậu hiện đại ” hiện nay đang muốn xem ông như một đồng minh. (Chúng tôi cũng có gợi qua việc thử đọc thơ Bùi Giáng theo kiểu “ hậu hiện đại ” trong bài viết nhỏ cách đây mười năm (20)).

Trào lưu “ hậu hiện đại ” (với các tên tuổi như Lyotard, Derrida, Deleuze... ở Pháp và M. Frank, W. Welsch... ở Đức) bắt tín nhiệm mọi loại hệ thống triết học dựa trên lý tính để vươn tới cái Toàn thể mà họ gọi là những “ chuyện hư cấu khổng lồ ”. Triết học hậu hiện đại đi đến kết luận giống như Hölderlin về sự bất lực của lý tính đơn thuần, nhưng Hölderlin rút ra từ đó những hệ quả khác hẳn, ở đây chỉ xin nói lướt qua hai điểm chính :

- Nếu các triết gia hậu hiện đại tập trung phê phán Hegel ở chỗ Hegel xem cái chân lý chỉ có thể là cái toàn thể (Das Wahre ist das Ganze) thì cũng là đã đả kích chính tiền đề mà Hölderlin có chung với Hegel. Hölderlin giữ vững nguyên tắc về cái toàn thể, ông chỉ muốn nói : Các quan năng khác - ngoài lý tính - có thể cảm nhận nhiều điều hơn lý tính, do đó, thi sỹ dự cảm được cái toàn thể mà người ta không thể phủ nhận một cách đơn giản chỉ vì chưa được lý tính kiểm nhận. Ngăn cấm không cho phát biểu về cái Toàn thể thì cũng tức là lại muốn đặt mọi quan năng khác dưới sự điều chỉnh độc đoán của lý tính. Hölderlin không hướng về cái phi lý tính thần bí (irrational) hay phản lý tính (antirational), hình như ông muốn hướng tới cái siêu lý (metarational).

- Trong khi phê phán quan niệm về cái Toàn thể trong triết học cận đại, các nhà hậu hiện đại lại viện dẫn lối tri thức phản tư của thời khai sáng, bác bỏ mọi cái gì không kiểm chứng được (ví dụ : các giá trị tối cao, bản thể tuyệt đối, ý niệm, Tinh thần tuyệt đối...). Hölderlin thì rất hoài nghi khái niệm lý tính rất tĩnh tại của thời khai sáng. Theo ông, thật là vô lý khi cho rằng những gì tri thức con người đã đạt được đến nay là không thể vượt qua được nữa, xét về mặt lịch sử. Ông nói đến “ tiếng gọi hướng về cái Bỏ Ngỏ ” (Der Ruf ins Offene), về kẻ “ lữ hành miên viễn ” là nói ẩn dụ về niềm hy vọng rằng lịch sử và cả tri thức con người, là chưa hoàn tất. Tinh thần con người - như đã dẫn - có tính “ hyperpol ”, nó tiếp tục suy tư, tìm kiếm. Đồng thời năng lực “ hyperpol ” ấy chỉ phát huy được nếu con người được kích thích để vượt lên quá sức mình. Chân trời không phải tự phơi mở ra cho những người thụ động, tinh thần con người phải luôn tỉnh thức, sẵn sàng đón nhận những kinh nghiệm và hình thái suy tư phá vỡ hạn độ hiện có. Bổ sung cho sự phản tư thông thường, cần một hình thái “ phản tư mang tính thi ca ” (poetische Reflexion).

Câu thơ nổi tiếng của Hölderlin : “ Con người, sống trên mặt đất, như một thi sỹ ” (Dichterisch, auf der Erde, wohnt der Mensch) là hiểu theo nghĩa đó.

6. Chúng ta đã dừng lại khá lâu - tuy rất sơ sài - với Hölderlin như một sự chuẩn bị tối thiểu để bước vào với Heidegger trong quyển sách này. Giống như rời thế giới vật lý của Newton để bước vào thế giới lượng tử, đọc Heidegger rất khó. Bùi Giáng tìm thử một lối vào bằng ngôn ngữ và “ cung điệu mới ” của riêng ông. Xin dành sự tinh khôi trọn vẹn mời bạn đọc tự cảm nhận và đánh giá. Đúng như G. Figal nhận định : “ Điều khó phủ nhận là : Sau Heidegger, không thể hiểu được triết học Âu Châu thế kỷ 20 mà không biết tới Heidegger ” (21) và “ Nếu người ta

muốn suy tư khác óng thì trước hết hãy suy tư với óng đã (22) ”. Quả vậy, không có ông thì triết học hiện sinh của J.P. Sartre khó hình thành cũng như Đạo đức học của E. Lévinas ; H.G. Gadamer cũng không phát triển được giải minh học triết học (philosophische Hermeneutik), Michel Foucault và J. Derrida chắc cũng sẽ viết khác nếu không tiếp cận với ông. Ông cũng là triết gia thế kỷ 20 có cái nhìn mới mẻ về lịch sử triết học : nhờ ông mà các tác giả cổ điển như Platon, Aristote, Kant, Hegel được - và cần được - đọc lại theo kiểu mới. Không có ông thì các di văn ít ỏi của Parmenide và Heraklit chỉ còn là đồ cổ. Nietzsche, Kierkegaard, Dilthey... nhờ ông mà được giới triết học trọng thị trở lại. Ông phục hồi triết học trong mối gắn bó mật thiết với truyền thống, đồng thời gợi mở nhiều cách lý giải lý thú độc đáo. Cũng vì thế, đọc ông càng khó nếu trước đó không nắm vững ít nhiều Hegel, Husserl, Dilthey, Hölderlin, Nietzsche, E. Juenger, nhất là Platon và Aristote.

Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta - theo ông - là xu thế hướng về tính khách quan của đối tượng mà ít khi chịu suy nghĩ về ý nghĩa và điều kiện khả thi từ đâu có xu hướng đó. Xu hướng này bắt nguồn như một bước tiến bộ từ việc xem con người có vị trí ưu tiên tuyệt đối trong vũ trụ. Điều đó trở thành hiển nhiên kể từ thời cận đại, khi “con người” chứ không phải “Tinh thần” trở thành đối tượng chính của triết học (đặc biệt từ Feuerbach) song đồng thời mọi cái còn lại chỉ hiện diện như đối tượng, như vật thể luôn là “đối thủ” cần bị khuất phục của tư duy và hành động của con người. Đó lại chính là “di hại” lâu dài của bản thân truyền thống siêu hình học “lãng quên hữu thể”, luôn làm cho hữu thể bị chết cứng như một vật thể, dù được mang danh hiệu nào : Sự Thiện tối cao, Thượng Đế, Tinh thần tuyệt đối, chí cường lực... Cách nhìn một chiều ấy gây nên tổn hại gấp đôi : thế giới quanh ta ngày càng bị vật hóa, lùi xa ta ; còn ta trơ lại trong cái trục chủ thể trống vắng, mất hết ý nghĩa (ví dụ như trong một quan niệm y học máy móc xem con người toàn diện của bệnh nhân chỉ như một thể xác đơn thuần. Cơ cấu tám - thể toàn diện bị đổ vỡ hoàn toàn).

Người ta đã hiểu lầm câu nói nổi tiếng của Protagoras “con người là thước đo của vạn vật” theo nghĩa thuần túy “duy chủ thể” của thời cận đại mà quên rằng câu nói ấy cũng ngụ ý về tính hữu hạn của tri thức con người. Tri thức ấy thiết yếu gắn liền với một thực tại toàn diện, không thể “đối tượng hóa” hết được. Ngay Kant cũng còn hiểu tự do theo nghĩa tự cường chế chính mình (Selbstzwang), xem chính mình là đối tượng, là “đối thủ” phải chinh phục. Ngược lại, khái niệm tự do đích thực của cỗ Hy Lạp là con đường thênh thang hướng về cái Bỏ Ngỏ (das Offene), nó tìm chọn cái cần cho mình trong sự phong phú xinh tươi của thế giới. Cũng thế, ý thức không có nghĩa là cái gì tự tại, tự cô lập mà luôn kết hợp hữu cơ với những gì ý thức hướng về. Cũng như ý thức, ngôn ngữ đan dệt một làn da sống động, ấm áp bao quanh thế giới, không phải là sản phẩm khô khan của trừu tượng hóa, mà cùng chia sẻ khổ vui với thế giới.

Heidegger muốn vượt qua, - ông nói nhẹ nhàng hơn - muốn “cho qua” (“verwinden” thay vì “ueberwinden”) cách nhìn cũ để hướng tới - bằng cách trở về (Rueck - tritt) với sự hồn nhiên đầy ngưỡng mộ đối với thế giới (Weltfroemmigkeit) đã bị đánh mất, bị lãng quên, từ đó làm cho thế giới trở lại là nơi con người có thể “cư ngụ” được, thành “ngôi nhà” êm ái, còn con người biết nâng niu bảo vệ, làm kẻ mục đồng “canh giữ” cho “quê hương” đích thực của mình.

Điều dễ hiểu là cách đặt vấn đề như trên (đã bị quá gián lược) của Heidegger đã tác động mạnh mẽ đến tâm thức của

người Tây Phương hiện tại, từ việc cần nhận lại những di sản văn hóa và tư tưởng của quá khứ đến việc chọn thái độ trước những yêu cầu bức bách của đời sống hiện đại : sự khủng hoảng sâu sắc trong tâm lý cá nhân trước sức ép ngày càng mãnh liệt của cuộc sống vật chất, quan hệ phức tạp giữa con người với thế giới kỹ thuật và môi trường sinh thái, giữa nền văn minh Tây Phương trong cuộc đối thoại và hòa nhập với các nền văn hóa khác...

Đồng thời cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn, nơi đó câu hỏi vẫn còn nhiều hơn câu trả lời. Ở đây chỉ xin nhắc qua vài điểm khá gần gũi với chúng ta :

- VỚI MỸ HỌC HIỆN ĐẠI :

Heidegger và tiếp sau ông là Gadamer - từ nguồn cảm hứng với Hölderlin - đã và tiếp tục gây nhiều tranh luận sôi nổi trong mỹ học, chủ yếu xoay quanh vấn đề tương quan giữa nghệ thuật và chân lý. Người nghệ sĩ - hay nghệ thuật nói chung - có “ưu thế” đặc biệt nào trong việc tiếp cận chân lý ? Nếu có, thì từ đâu “biết” được điều ấy nếu không phải lại từ tư duy triết học? Và triết học sẽ làm gì hay tự “đào nhiệm” để chuyển việc “bắt khả” ấy cho mỹ học như R. Bubner đã trách (23) ? Có thể lại trở về với sự “phân công” trước đây : triết học “phụ trách” chân lý, còn mỹ học đến với những “kinh nghiệm thẩm mỹ” như Kant nói ? Nhưng “kinh nghiệm thẩm mỹ” không tiếp cận với chân lý sẽ đi về đâu ? Tóm lại, Kant, Hegel, Heidegger vẫn còn gây nhiều âm vang và bối rối trong việc đi tìm nền tảng cho lý luận mỹ học hiện đại.

- VỚI CHỦ NGHĨA MARX :

Marx và Heidegger - mỗi ông từ những tiền đề và giác độ khác nhau - đều đặt vấn đề tha hóa một cách sâu sắc. Heidegger nhận định : “*Điều mà Marx, khởi đi từ Hegel, nhận ra sự tha hóa của con người trong một ý nghĩa thiết yếu và quan trọng, bắt nguồn từ sự mất quê hương (Heimatlosigkeit) của con người thời cận đại. Sự mất quê hương này là thân phận của Hữu thể bị chính hình thái của siêu hình học tạo ra, củng cố và che đậy. Vì lẽ Marx, qua việc nhận thức sâu sắc sự tha hóa, đã đạt đến chiều kích căn cơ của lịch sử, cho nên quan niệm mác-xít về lịch sử hơn hẳn các loại sử luận khác. Song bởi cả Husserl lẫn Sartre đều không nhận chân được tính bản thể của sự tinh trong Hữu thể, cho nên cả hiện tượng luận lẫn chủ nghĩa hiện sinh không đi vào được một chiều kích mà chỉ trong đó mới có thể mở ra cuộc đối thoại bổ ích với chủ nghĩa Marx*” (24). Cái “chiều kích” đối thoại trong viễn tượng đặt vấn đề hữu thể một cách triệt để ấy đến nay vẫn còn để ngỏ.

- VỚI TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG :

Gadamer viết : “*Heidegger luôn cố gắng dùng những khái niệm truyền thống của lối tư duy Tây Phương - Âu châu để phơi bày những kinh nghiệm nguyên khởi của Dasein (Tại thế - người) còn bị ẩn khuất*” (25), đồng thời “*cũng không có ai dám mạo hiểm như ông, thử dùng những khái niệm bất quy ước trên một nền móng khá chao đảo, khi ông là người đầu tiên tiếp thu các kinh nghiệm của các nền văn hóa khác, nhất là của Châu Á, kể cả của Thiền học, như là những khả năng mang lại kinh nghiệm mới cho chính chúng ta [người Tây Phương]*” (26).

Vì thế, không lạ gì khi đọc Heidegger, nhất là các tác phẩm về sau của ông, ta dễ gặp đâu đó nhiều thuật ngữ rất quan trọng có chút gì gần gũi, thậm chí trùng hợp với thuật ngữ khá quen thuộc của triết học Đông Phương. Chỉ xin nêu vài ví dụ điển hình : “Der bewegende Weg”, “Das Geringe”, “die

Gelassenheit”, “ das Weltgeviert ”... gợi đến các chữ : “ Đạo ”, “ Huyền Tần ”, “ vô vi ”, “ Tứ Phương ” (Thiên, Địa, Nhân, Tự nhiên - hay Thần) của Lão học ; “ die Lichtung ”, “ das Gelaeut der Stille ”... gợi đến các chữ “ chiểu diệu ”, “ mặc như lôi ” (im lặng sấm sét) trong Phật học, nhất là chữ mầu chốt “ das Ereignis ereignet ” gợi chữ “ Sinh Sinh ” trong Dịch học... Các từ này quả nhiên không phải là sản phẩm của truyền thống tư duy Hy Lạp quen thuộc - dù theo ông, đó mới chính là phân vô ngôn, “ bất suy tư ” (Im-Pensé, Un-gedachte) ẩn tàng trong lời Hy Lạp cũ.

Nhờ thế, có khi chúng ta lại có vẻ dễ cảm thụ tư tưởng của ông hơn một số không ít người đọc Tây Phương quen với lối tư duy Hy Lạp truyền thống thường thiên về tính khách quan nhằm thắng vượt đối tượng của chủ thể nhận thức.

Nhưng chính ở đây cũng dễ dẫn tới ngộ nhận về một sự đối thoại giản đơn bằng cách đồng nhất hóa dễ dãi. Chính ông lưu ý chúng ta : “ sự khác biệt trong cách hành xử với thế giới làm cho việc đổi chiểu các luận điểm của triết học Tây Phương và Đông Phương có lúc trở thành bất khả. Ai làm như thế thì chỉ là xuyên tạc. Vì lẽ các tiền đề quá khác nhau ” (27). Nhắm đến các độc giả Tây Phương, ông còn nói : “ Tôi cho rằng, người ta chỉ có thể chuẩn bị cho một sự “ chuyển hướng ” (Umkehr) ở ngay tại vùng đất mà nơi đó thế giới kỹ thuật hiện đại đã hình thành, chứ không phải bằng cách tiếp thu Thiền học Phật giáo hay các kinh nghiệm tâm linh nào khác của Đông Phương. Để chuyển hướng, người ta cần sự hỗ trợ của bản thân truyền thống Âu Châu với cách tiếp cận mới. Suy tư chỉ có thể chuyển hóa bằng suy tư có cùng nguồn cội và đặc tính ” (28).

Theo truyền thống tư duy Tây Phương- Âu Châu, ông không chịu dừng lại ở một vài “ tri kiến ” nhất thành bất biến, mà tiếp tục tra hỏi, chịu thất bại và lại tra hỏi tiếp. Sự chuẩn bị cho đối thoại là khó khăn và lâu dài. Như trái cây tự mình chín tới, thời gian là cần thiết để Tây Phương cảm thụ thêm những “ kinh nghiệm suy tư ” (Denkerfahrungen) mới ngay trên mảnh đất của họ. Và Đông Phương cũng cần thời gian để thực sự làm quen lối tư duy Hy Lạp, tránh thái độ tự mãn hời hợt, ngây thơ và bỗng con đường Lý Tính thông qua sự đào luyện - nói như Hegel - của một “ nỗ lực khổng lồ của khái niệm ” (Anstrengung des Begriffs), tức của tư duy lý luận.

*

Xin kết thúc bằng một lời tâm sự của tác giả Bùi Giáng : “ Kẻ viết mấy giòng này, vẫn ân hận : đâu ba thứ tóc, bốn thứ sương, pha mươi loại gió tuyệt... còn đủ thì giờ chẳng để theo đuổi đến đâu ? Xin ngồi lại bên đường. Trao lại chừng này là cây gậy và một ít hành trang. Thiếu thốn nhiêu ? Khuyết điểm lỗi lầm còn lắm ? Nhưng cái cốt yếu - tin chắc là có đủ rồi. Cái cốt yếu giúp nhau trên con đường đi tìm trở lại để bước đến cùng cái nோ riêng tài hoa mình chọn lựa - đúng hơn : cái lối riêng mà Định mệnh đã phó thác riêng cho tài hoa mỗi người ” (II. 137-138).

Ông khiêm tốn và thành thật. Trong vòm trời khô khan của triết học, người ta nghiêm nghị và đăm chiêu quá, nhất là các triết gia Đức, họ ít biết cười. Ông nắm tay dẫn họ vào cuộc hôn phối. “ Cuộc hôn phối nào ? Là Càn láy Khôn, Trời cưới Đất, Gió Mộng gả Sóng Biển cho Rừng. Tồn thể đi về trong câu hỏi là của lời câu hỏi cưới xin ; môi miệng em thốt lời, là Lời Khói hương phụng hiến ” (II.123). Câu văn trầm mặc của Heidegger trở nên tung bừng qua tay Bùi Giáng. Ông đưa “ gió mộng ”, “ khói hương ” vào triết học, và như thường lệ, dắt cả Chị Kiều,

Em Thúy vào chơi để nhờ Chị Em góp tiếng cười giải thoát trước những “ công án ” vỡ đầu. Công Ông chõ đó.

Chúng tôi mạo muội làm việc quá sức mình là viết mấy lời giới thiệu nôm na này, để thay mặt các thân nhân của Cố Tác Giả, xin tạ tấm lòng liên tài của Nhà Xuất Bản Văn Học đã cho in lại sách ông.

BVNS, 5 - 2000

CHÚ THÍCH :

(12) Hölderlin, StA, 1; 298.
 (13) Theo Hölderlin, triết học chỉ xuất hiện ở những nơi nào có cảm thức về sự hòa điệu (Harmonie). Triết học đúng là bắt đầu từ sự ngạc nhiên nghi ngờ nhưng ý thức về mâu thuẫn và sự khiếm khuyết, tức cái “ đại nghi ” chỉ có thể phát triển nếu con người đồng thời cũng có cảm thức về sự hoàn hảo, sự hoàn thiện. Cho nên, vì cố Hy Lạp cảm nhận sâu sắc về cái “ Một vô hạn ” (FHA XI; 681) nên mới nêu được khái niệm “ HEN DIAPHERON HEAUTO ”, tức “ Cái Một nằm trong sự tự phân lìa ”, tức “ bản chất của cái đẹp ” (FHA XI; 681), cơ sở tối hậu của vạn vật.
 Xem thêm : “ Nếu phản tư không bao giờ có thể nắm bắt được cái nguyên úy của chính nó là gì, thì phản tư cũng bất lực trong việc vượt bỏ những phân ly giữa cái Tôi và thế giới. Chỉ có nghệ thuật là có thể làm hiển lộ điều mà không tư duy hay hành động nào có thể làm được: tính thống nhất nguyên thủy của tồn tại. Trong nghệ thuật, bằng “ thẩm mỹ ”, sự thống nhất của chủ thể và khách thể mới trở thành thực tại, điều mà bằng “ lý luận ” chỉ có thể làm được trong một tiến trình vô tận ”. (G.Kurz, Mittelbarkeit und Vereinigung. Zum Verhaeltnis von Poesie, Reflexion und Revolution bei Hoelderlin. Stuttgart 1975. Tr. 64).

- (14),(15) Henning Bothe, Hölderlin, Hamburg 94, tr.54-56.
 (16),(17),(18),(19) Hölderlin, StA IV, 1, 298; StA II, 1, 195 ; FHA XIV, 45 ; StA, III, 536
 (20) Vài nét về Bùi Giáng, Tưởng nhớ Thi sĩ Bùi Giáng, NXB Trẻ, 1999 (tr.32).
 (21) Guenter Figal, Heidegger, Hamburg 92, tr.8.
 (22) Sđd, tr.9.
 (23) Ruediger Bubner : Aesthetische Erfahrung, Frankfurt/M 1989
 Xem thêm : Positionen der Aesthetik, C. Helferich, Muenchen 1998
 (24) Heidegger, GA Bd 9, tr.339
 (25),(26): Hans - Georg Gadamer, Heideggers Wege, Tuebingen 1983 tr. 31 và tr. 64.
 (27) dẫn theo H.W. Petzet, Begegnung und Gespraech mit M. Heidegger 1929-1976, Frankurt/M, 1983, tr.185.
 (28) dẫn theo E. Fraenzki, Der missverstandene Marx, Pfullingen 1978, tr.264.

Diễn Đàn forum

Direuteur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
 Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 35 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
 Thể lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)